

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
THEO BỘ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC
CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM (TEIDI)

Nghệ An, tháng 10 năm 2021

MỤC LỤC

Trang

Phần 1: MỞ ĐẦU	1
1.1. Thông tin tóm tắt về Trường.....	1
1.2. Bối cảnh chung của Nhà trường và bối cảnh tham gia chương trình ETEP.....	4
1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá	6
Phần 2: TỰ ĐÁNH GIÁ	12
Tiêu chuẩn 1. TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	12
Tiêu chí 1: Tầm nhìn chiến lược.....	12
Tiêu chí 2: Quản lý	18
Tiêu chí 3: Hệ thống đảm bảo chất lượng	26
Tiêu chuẩn 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	38
Tiêu chí 4: Phát triển chương trình.....	38
Tiêu chí 5: Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện.....	47
Tiêu chuẩn 3. NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI	65
Tiêu chí 6: Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới.....	65
Tiêu chí 7: Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới	76
Tiêu chuẩn 4. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI	84
Tiêu chí 8: Hợp tác vùng, địa phương	84
Tiêu chí 9: Hợp tác quốc tế	89
Tiêu chí 10: Hợp tác với các tổ chức khác	98
Tiêu chí 11: Thông tin và truyền thông	108
Tiêu chuẩn 5. MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC.....	115
Tiêu chí 12: Môi trường sự phạm.....	115
Tiêu chí 13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học.....	118
Tiêu chí 14: Nguồn tài chính	124
Tiêu chí 15: Nguồn nhân lực	129
Tiêu chuẩn 6. HỖ TRỢ DẠY HỌC	134
Tiêu chí 16: Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên	134
Tiêu chí 17: Đánh giá và công nhận giảng viên.....	145

Tiêu chuẩn 7. HỖ TRỢ HỌC TẬP	150
Tiêu chí 18: Tuyển sinh và hỗ trợ người học.....	150
Tiêu chí 19: Đánh giá và công nhận kết quả học tập.....	161
Tiêu chí 20: Các hoạt động ngoại khóa	165
Phần 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	170
Phần 4. KẾT LUẬN	174

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	<u>Đọc thành</u>
BGH	Ban Giám hiệu
CDIO	Hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành (Conceive - Design - Implement - Operate)
CNTT	Công nghệ thông tin
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐU	Đảng ủy
DV, HTSV & QHDN	Dịch vụ, Hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp
GD-ĐT	Giáo dục và đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HĐKH&ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà <u>trường</u>
HĐT	Hội đồng trường
HS	Học sinh
HTQT	Hợp tác quốc tế
HV	Học viên
KHCN	Khoa học công nghệ
KHGD	Khoa học giáo dục
KTV	Kỹ thuật viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCKH&CGCN	Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ
P. CTCT-HSSV	Phòng Công tác <u>chính trị</u> - học sinh sinh viên
P. KH&HTQT	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế
P. KHTC	Phòng Kế hoạch Tài chính
P. TCCB	Phòng Tổ chức cán bộ
PGS	Phó giáo sư
PTN	Phòng thí nghiệm
SV	Sinh viên
TDTT	Thể dục, thể thao
THPT	Trung học phổ thông

Phần 1: MỞ ĐẦU

1.1. Thông tin tóm tắt về Trường

Tên trường: **Trường Đại học Vinh** Tên tiếng Anh: **Vinh University**
Trụ sở chính: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Liên hệ: Điện thoại: (038) 3855452 Fax: (038) 3855269
Website: www.vinhuni.edu.vn Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn
Năm bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

Trường Đại học Vinh là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT), có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu và biểu tượng riêng; có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo nhân lực có trình độ đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước và một số nước trong khu vực; đào tạo học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT) chuyên nhằm bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước.

SỨ MẠNG: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học.

TẦM NHÌN: Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN.

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT: Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Trung thực (Honesty)

Trách nhiệm (Accountability)

Say mê (Passion)

Sáng tạo (Creativity)

Hợp tác (Collaboration)

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG: Trường Đại học Vinh cam kết cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo các công trình nghiên cứu khoa học có chất lượng và chuyển giao các kết quả nghiên cứu ứng dụng cho các tổ chức, địa phương bằng các biện pháp:

1. Không ngừng cải tiến chất lượng trên cơ sở đổi mới chương trình đào tạo và phương pháp dạy học;

2. Tạo môi trường học tập, nghiên cứu và điều kiện làm việc cho người học, giảng viên và cán bộ viên chức của Nhà trường, lấy người học làm trung tâm, đội ngũ giảng viên là nguồn lực cốt lõi trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học;

3. Thường xuyên đánh giá và cải tiến cách thức, phương pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hoạt động của Nhà trường.

Trường có trụ sở chính (cơ sở 1) tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với diện tích trên 14 ha và 4 cơ sở khác:

- Cơ sở 2: Hiện tại là nơi đào tạo của Viện Nông nghiệp-Tài nguyên, Khoa Giáo dục thể chất và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Vinh; địa chỉ: xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; diện tích 112 ha.

- Cơ sở 3: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản mặn - lợ; địa chỉ: xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích trên 9 ha.

- Cơ sở 4: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản nước ngọt; địa chỉ: khối 4, thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 5 ha.

- Cơ sở 5: Khu kí túc xá sinh viên; địa chỉ: khối 22, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 0,5 ha.

Trải qua 61 năm xây dựng và phát triển, Trường đã phát triển từ một trường đại học sư phạm thành trường đại học đa ngành. Trường hiện hiện có 6 viện, 7 khoa đào tạo, 12 phòng ban, 12 trung tâm, trạm, 2 văn phòng đại diện với 58 ngành đào tạo đại học (trong đó có 14 ngành đào tạo giáo viên và 01 ngành quản lý giáo dục); 38 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ (trong đó có 12 chuyên ngành đào tạo giáo viên) và 17 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ (trong đó có 04 chuyên ngành đào tạo giáo viên) với trên 35.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Trường THPT Chuyên trực thuộc Trường Đại học Vinh là 1 trong 20 trường THPT có uy tín nhất trong cả nước. Trường Thực hành Sư phạm Đại học Vinh với các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh..

Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường đã đào tạo và cung cấp cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước trên 90.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 8.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 06 tháng tốt nghiệp chiếm trên 80%. Sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Vinh được đào tạo toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng mềm... nên khi ra trường sớm khẳng định được năng lực chuyên môn, được các nhà tuyển dụng đánh giá cao. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Cùng với hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn quan tâm hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Đội ngũ giảng viên tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Nhà trường có quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng cán bộ với

hàng chục cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức khoa học quốc tế từ Châu Âu, Châu Á, Bắc Mỹ và Châu Úc. Trong những năm gần đây, Nhà trường đã chủ trì tổ chức nhiều hội thảo khoa học khu vực và quốc tế; tạo lập được các nhóm nghiên cứu với các nhà khoa học đầu ngành. Chỉ tính trong 5 năm gần đây, Trường triển khai hàng trăm đề tài khoa học các cấp; tổ chức trên 100 hội thảo khoa học; có trên 2.000 bài báo của cán bộ được công bố ở các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Trường luôn nằm trong tốp 10 trường đại học có bài công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam.

Với phương châm: "Nuôi dưỡng say mê - Khuyến khích sáng tạo - Tôn trọng khác biệt - Thúc đẩy hợp tác", trải qua 61 năm xây dựng và phát triển, từ 17 cán bộ giảng dạy và một số cán bộ hành chính đầu tiên, đến nay Trường có 1.046 cán bộ, viên chức (trong đó có 731 cán bộ giảng dạy), 56 giảng viên cao cấp, 4 giáo sư, 59 phó giáo sư, 256 tiến sĩ, 504 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hiện nay của Nhà trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước.

Về cơ sở vật chất, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, Trường Đại học Vinh hiện nay có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập.

Đảng bộ Trường Đại học Vinh là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh Nghệ An. Hiện nay, Đảng bộ có 10 đảng bộ bộ phận, 42 chi bộ (trong đó có 13 chi bộ cán bộ, 10 chi bộ học viên, sinh viên trực thuộc đảng bộ bộ phận, 19 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường). Toàn Đảng bộ có 923 đảng viên, trong đó có 626 cán bộ, 297 sinh viên, học viên cao học. Đảng bộ Nhà trường nhiều năm liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Với những kết quả toàn diện hơn 60 năm xây dựng và phát triển, tập thể Nhà trường, các đơn vị và cá nhân trong Trường đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009 và năm 2014), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Với bề dày truyền thống hơn 60 năm, Nhà trường luôn lấy chất lượng đào tạo giáo viên, chất lượng của một trường sư phạm mẫu mực làm động lực cho sự phát triển. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXXI đã xác định phương hướng phát triển của Nhà trường trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 là: " Phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng tốp 500 đại học hàng đầu châu Á".

Hiện nay, Nhà trường đang đổi mới căn bản công tác tổ chức và quản lý Nhà

trường; đẩy mạnh tái cấu trúc, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động; triển khai xây dựng Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025; tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động đào tạo; tổ chức triển khai xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy tiếp cận CDIO; phối hợp để các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng tham gia vào quá trình đào tạo; nâng cao chất lượng công tác thực hành, thí nghiệm, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên, học viên; thực hiện phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học"; hướng tới tự chủ đại học.

Trong những năm tới, mặc dầu tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, khu vực và trên thế giới còn gặp nhiều khó khăn, nhưng tập thể cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh vẫn luôn tin tưởng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước, nhất định đất nước chúng ta sẽ vượt qua mọi thách thức, khó khăn, tiếp tục giành được nhiều thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng, phần đầu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trên bước đường phát triển mạnh mẽ của đất nước, phát huy truyền thống tự lực tự cường, bằng tất cả trí tuệ, sáng tạo và niềm tin, Trường Đại học Vinh muốn được đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của toàn dân tộc trên vị thế của một trường đại học trọng điểm, trung tâm văn hoá, khoa học, giáo dục của khu vực và cả nước, xứng đáng là "Ngọn cờ hồng trên quê hương Xô Viết".

1.2. Bối cảnh chung của Nhà trường và bối cảnh tham gia chương trình ETEP

1.2.1. *Đội ngũ giảng viên*

Hiện tại, Trường có 1.046 cán bộ, viên chức (731 cán bộ giảng dạy, trong đó có 319 giảng viên sư phạm), 56 giảng viên cao cấp, 4 giáo sư, 59 phó giáo sư, 256 tiến sĩ, 504 thạc sĩ. Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, còn có hàng trăm nhà khoa học trong nước và ngoài nước (từ Anh, Hoa Kỳ, Ba Lan...) tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường.

1.2.2. *Chương trình đào tạo*

Trường có đầy đủ chương trình đào tạo (CTĐT) cho tất cả các ngành đào tạo, ở tất cả các bậc học, bao gồm: 14 ngành đào tạo giáo viên THPT, giáo dục tiểu học, giáo dục mầm non trình độ đại học; 38 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (12 chuyên ngành đào tạo giáo viên), 17 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (05 chuyên ngành thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục).

CTĐT của Trường được định kỳ bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế (POHE, CDIO), các ý kiến phản hồi của các bên liên quan; có sự hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong phát triển CTĐT của các trường đại học tiên tiến trên thế giới.

Nội dung của CTĐT các ngành Sư phạm được thiết kế hợp lý giữa đào tạo kiến

thức với đào tạo kỹ năng nghiệp vụ, thái độ và phẩm chất của người giáo viên. Các học phần thực hành, thực tế, thực tập được chú trọng và bố trí hợp lý trong chương trình. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức tháng Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và Hội thi Nghiệp vụ sư phạm nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên (SV) các ngành đào tạo giáo viên.

1.2.3. Về Tài liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng

Thư viện của Nhà trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và người học. Tính đến tháng 8/2020, Trường có khoảng hơn 30.000 tên giáo trình và tài liệu các loại với khoảng 200.000 bản, 180 loại báo và tạp chí, 21.500 luận án và luận văn. Nguồn tài liệu được bổ sung cập nhật hằng năm. Các đầu sách của Thư viện cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ cho các ngành đào tạo giáo viên và nghiên cứu khoa học giáo dục. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Ilib).

Thư viện Trường đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Thư viện Trường có hơn 150 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online của người học.

1.2.4. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, quản trị

Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Trường có 4 nhà kí túc xá 5 tầng tại cơ sở 1, 3 kí túc xá tại cơ sở 2 và 1 kí túc xá tại cơ sở Hưng Bình, thành phố Vinh.

Để phục vụ nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục - thể thao (TDTT), Trường có 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, SV.

Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Cán bộ GV toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@vinhuni.edu.vn.

Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của Trường. Công tác quản lý của Trường thực hiện thông qua hệ thống eOffice, CMC, các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lý.

1.2.5. Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Nhà trường có kế hoạch và chủ động đẩy mạnh hoạt động NCKH và phát triển công nghệ trên cả ba bình diện: khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo của Nhà trường. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài có chất lượng tốt. Kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV trong Trường đã được công bố trên nhiều tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế. Thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, cơ sở vật chất (CSVN) của Trường được tăng cường, năng lực của cán bộ, GV được nâng cao.

Nhà trường đã kí lại và kí mới thoả thuận hợp tác với nhiều trường đại học và viện nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới. Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về hợp tác quốc tế (HTQT) đối với các đoàn ra, đoàn vào; tăng cường liên kết đào tạo quốc tế theo hình thức du học bán phần và toàn phần. Hoạt động HTQT trong NCKH và chuyển giao công nghệ được đẩy mạnh.

Trường Đại học Vinh là thành viên của Hiệp Hội CDIO quốc tế và là thành viên liên kết của mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA)

1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá

Tiêu chuẩn 1

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1.1. Điểm mạnh

Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường được xây dựng phù hợp với sứ mạng của Trường và được định kỳ sửa đổi, bổ sung, công bố công khai.

Trường có đầy đủ chính sách, qui trình, qui định, công cụ để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược đã đề ra.

Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của 100% nhân sự được tuyển dụng đáp ứng vai trò, chức năng của từng vị trí công việc và thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm giải trình định kỳ.

Trường có đơn vị chuyên trách công tác ĐBCL, có chính sách và kế hoạch ĐBCL, đã được kiểm định chất lượng bởi tổ chức kiểm định chất lượng độc lập. Trường đã tự đánh giá 12/14 chương trình đào tạo GV THPT. Đã tự đánh giá 02 Chương trình đào tạo theo Thông tư 04 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và 01 Chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA.

Nhà trường đã biên soạn Sổ tay ĐBCL và tiến hành khảo sát ý kiến của cán bộ và GV.

Đánh giá ngoài 03 chương trình sư phạm theo tiêu chuẩn trong nước và 01 chương trình sư phạm theo AUN-QA.

1.2. Điểm tồn tại

Trong quá trình rà soát, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng, Trường chưa thu thập một cách rộng rãi ý kiến các bên liên quan.

Nhà trường mới bắt đầu áp dụng qui trình quản lý chất lượng tiên tiến vào việc quản lý các hoạt động và chưa xây dựng được chỉ số đo lường hiệu quả công việc.

1.3. Kế hoạch hành động

Tổ chức truyền thông rộng rãi cho các bên liên quan về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường và thu thập ý kiến một cách hệ thống để cập nhật và điều chỉnh.

Xây dựng và ban hành, đưa vào sử dụng mô hình quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và bộ chỉ số KPI.

1.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 4.61

Tiêu chuẩn 2: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Điểm mạnh

Nhà trường triển khai xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO. CT được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan.

CTĐT có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống. Đội ngũ GV cơ hữu đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH.

Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

2.2. Điểm tồn tại

Sự tham gia của các nhà tuyển dụng, đại diện của các cơ quan quản lý giáo dục vào phát triển CTĐT giáo viên của Nhà trường còn chưa nhiều. Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các tổ chức, các nhà tuyển dụng về việc điều chỉnh CTĐT chưa được thường xuyên.

Chương trình cần linh hoạt hơn nữa trong thời gian tới và nhất là cần có những chương trình bồi dưỡng đặc thù cho sinh viên ngành sư phạm để tiếp cận với chương trình phổ thông mới.

2.3. Kế hoạch hành động

Tăng cường lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, đại diện của các cơ quan quản lý giáo dục vào phát triển CTĐT giáo viên của Nhà trường, lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các tổ chức, các nhà tuyển dụng về việc điều chỉnh CTĐT

Thường xuyên cập nhật, bổ sung chương trình bồi dưỡng thường xuyên đáp ứng chương trình phổ thông mới.

2.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 4.00

Tiêu chuẩn 3: NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI

3.1. Điểm mạnh

Trường đã Ban hành Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2018-2025 và Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược.

Trường đã có những chính sách ưu tiên đầu tư kinh phí cho NCKH&CGCN. Những kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Nhà trường được ứng dụng trong giáo dục, đào tạo

Trường có nhiều chính sách cụ thể hỗ trợ và tạo điều kiện về mặt tổ chức cho cán bộ, GV tham gia NCKH&CGCN. Công tác quản lý và thực hiện các đề tài nghiên cứu công khai, minh bạch.

Trường có chính sách chiến lược, ban hành chính sách cụ thể hỗ trợ GV thực hiện các đề tài NCKH&CGCN.

3.2. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều nhóm nghiên cứu mạnh về KHGD. Số lượng công bố quốc tế về KHGD chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số công bố quốc tế của Trường.

Hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động NCKH về lĩnh vực KHGD còn hạn chế. Một số trang thiết bị hiện có của Nhà trường được trang bị khá lâu, hiện đã lạc hậu.

3.3. Kế hoạch hành động

Xây dựng thêm các nhóm nghiên cứu mạnh về KHGD. Tăng số lượng công bố quốc tế trong nghiên cứu cơ bản và KHGD ứng dụng vào thực tiễn giáo dục và đào tạo.

Tìm kiếm các nguồn kinh phí ngoài Trường cho các hoạt động nghiên cứu KHGD.

3.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 4.42

Tiêu chuẩn 4: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

4.1. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động có kế hoạch và triển khai hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Luôn luôn tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.

Hoạt động HTQT đã hướng tới khu vực có nền giáo dục đại học phát triển mạnh. Khuyến khích GV và người học tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế. Thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ và đánh giá về năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, GV.

Trường đã góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, tích cực tham gia mạng lưới các trường ĐH, có những chính sách cụ thể hỗ trợ GV và người học tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành.

Hoạt động thông tin, truyền thông được Nhà trường tổ chức chuyên nghiệp, có đơn vị và cá nhân phụ trách, chịu trách nhiệm.

Nhà trường có hệ thống phần mềm kiểm tra chống trùng lặp, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, hoàn thành việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý Trường Đại học Vinh.

4.2. Điểm tồn tại

Trường chưa có các sự kiện gắn kết công tác đào tạo, chưa xây dựng được cơ chế cho giáo viên phổ thông tham gia vào quá trình đào tạo của nhà trường

HTQT của Nhà trường chưa có chiến lược tổng thể, nhiều GV chưa thành thạo việc giao tiếp bằng tiếng Anh, ngân sách hỗ trợ cho cán bộ tham dự các dự án, các Hội thảo quốc tế còn hạn chế.

Trường chưa tổ chức được các chương trình tiên tiến, học bằng tiếng nước ngoài và các chương trình liên kết với các trường đại học trên thế giới. Trường chưa liên kết để khai thác tối đa nguồn nhân lực, CSVN, trang thiết bị hiện có để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường.

4.3. Kế hoạch hành động

Tổ chức có chất lượng các sự kiện về khoa học giáo dục với các trường đại học trong và ngoài nước, với các đơn vị và địa phương trong nước,

Xây dựng cơ chế cho giáo viên phổ thông tham gia vào quá trình đào tạo của nhà trường.

Xây dựng và thực hiện chiến lược tổng thể về HTQT của Nhà trường để phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động này. Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách bắt buộc và lộ trình nâng cao trình độ ngoại ngữ của GV. Bổ sung Ngân sách hỗ trợ cho cán bộ tham dự các hoạt động HTQT.

Triển khai đào tạo đại học hệ chất lượng cao. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện liên kết để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường.

4.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 3.94

Tiêu chuẩn 5: MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC

5.1. Điểm mạnh

Trường có phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm, máy tính và trang thiết bị, phục vụ cho việc giảng dạy và NCKH. Thư viện điện tử được nối mạng. Các hoạt động giảng dạy, NCKH được tin học hóa.

Trường có nguồn thu hợp pháp bao gồm nguồn kinh phí Nhà nước cấp hằng năm, nguồn thu từ học phí và lệ phí, dịch vụ và các dự án.

Nhà trường có chiến lược về công tác cán bộ, có quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Có chính sách hỗ trợ, động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

5.2. Điểm tồn tại

Ký túc xá chưa có đủ chỗ ở đáp ứng nhu cầu của người học. Chưa khảo sát thường xuyên lấy ý kiến của người dạy về mức độ hài lòng của môi trường cảnh quan Nhà trường.

Một số thiết bị thí nghiệm đã cũ, chưa cập nhật được đầy đủ chương trình thí nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông. Số phòng học tiếng nước ngoài còn ít. Nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo sau đại học chưa xứng tầm.

Nguồn thu từ hoạt động Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế còn chưa được tương xứng.

Việc quy hoạch chức danh nghề nghiệp cho cán bộ ở các đơn vị đang được triển khai thực hiện. Việc trao đổi học thuật trong đào tạo và NCKH với nước ngoài chưa được mở rộng do nhiều cán bộ, giảng viên còn hạn chế về ngoại ngữ.

5.3. Kế hoạch hành động

Xây dựng thêm nhà Ký túc xá cho người học, triển khai các đợt khảo sát ý kiến.

Đầu tư các phòng thí nghiệm và phòng học tiếng nước ngoài

Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, đa dạng hóa lĩnh vực nhằm phát triển và mở rộng nguồn thu.

Tiến hành quy hoạch, chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp của từng đơn vị trong trường. Tăng cường chính sách hỗ trợ tích cực đối với những giảng viên tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ ngoại ngữ.

5.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 4.27

Tiêu chuẩn 6: HỖ TRỢ DẠY HỌC

6.1. Điểm mạnh

Có các chính sách cho giảng viên tập sự và giảng viên mới, có các hình thức tạo phong trào thi đua trong giảng viên. Nhà trường đã có một đội ngũ giảng viên đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn chức danh của ngạch giảng viên, có trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu đào tạo.

Trường có chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích thành tích trong giảng dạy và NCKH; Nhà trường chú trọng việc qui hoạch và bổ nhiệm cán bộ có năng lực đảm nhận các vị trí quản lí, lãnh đạo chủ chốt.

6.2. Điểm tồn tại

Nhà trường vẫn chưa có nhiều chính sách hỗ trợ cho giảng viên tập sự, chưa có nhiều chính sách để thu hút nhân tài và nâng cao trình độ ngoại ngữ của cán bộ.

Nhà trường chưa có qui trình đánh giá cụ thể và hệ thống theo dõi sự cải tiến của GV sau đánh giá.

6.3. Kế hoạch hành động

Thực hiện và hoàn thiện các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để phát triển đội ngũ giảng viên. Có chính sách nâng cao trình độ ngoại ngữ cho giảng viên.

Xây dựng hệ thống theo dõi sự cải tiến của GV sau đánh giá.

6.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 4.25

Tiêu chuẩn 7: HỖ TRỢ HỌC TẬP

7.1. Điểm mạnh

Nhà trường tuyển sinh đảm bảo công khai minh bạch, khách quan. Công tác hỗ trợ người học được Nhà trường đặc biệt quan tâm.

Chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo được công bố rộng rãi. Các qui định về tổ chức thi học phần, đánh giá kết quả học tập, ngân hàng đề thi được nhà trường ban hành kịp thời, đúng qui định và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Hoạt động lấy ý kiến người học về đánh giá kết quả học tập đã được Nhà trường tăng cường thực hiện và được người học ủng hộ, đánh giá cao.

Nhà trường có nhiều chính sách để động viên, khuyến khích người học tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội, TDTT.

7.2. Điểm tồn tại

Công tác tư vấn, hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm cho người học chưa đạt được hiệu quả.

Chưa thường xuyên khảo sát đề bổ sung, điều chỉnh bộ ngân hàng đề thi.

Công tác cựu SV chưa được triển khai một cách thường xuyên, bài bản, rộng rãi.

7.3. Kế hoạch hành động

Tổ chức hoạt động hỗ trợ người học của các ngành sư phạm tiếp cận tốt với thế giới việc làm, tổ chức hoạt động kết nối, hỗ trợ cựu người học.

Bổ sung Ngân hàng đề thi, đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với người học.

Tăng cường hoạt động của BLL lạc Cựu SV các ngành sư phạm cấp viện/khoa.

7.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 4.17

Phần 2: TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 1: Tầm nhìn chiến lược

Chỉ số 1.1.1. Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của trường.

1. Mô tả

Để xây dựng sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định, quy trình nhằm đảm bảo việc xây dựng tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của trường, các văn bản này cũng được định kỳ rà soát, bổ sung. Cụ thể, năm 2011, khi được Thủ tướng Chính phủ đưa vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia, Nhà trường đã rà soát, sửa đổi tuyên bố sứ mạng và điều chỉnh tầm nhìn để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới. Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2011 - 2020 đã xác định sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là cơ sở đào tạo đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và thích ứng nhANH với thể giới việc làm; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước" [H1.1.1.1.1].

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ XXXI ngày 09/5/2015 đã đề ra kế hoạch chiến lược thực hiện sứ mạng Nhà trường: "Tập trung phát triển một số ngành, chuyên ngành mũi nhọn để đạt chuẩn quốc tế; lấy chất lượng sư phạm làm nòng cốt để nâng cao chất lượng đào tạo các ngành ngoài sư phạm", điều này cho thấy sự quan tâm, định hướng đầu tư có trọng điểm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đối với công tác đào tạo các ngành sư phạm [H1.1.1.1.2].

Năm 2017, Trường Đại học Vinh được cấp Giấy chứng nhận công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký quyết định thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục. Trường Đại học Vinh đã thực hiện Đề án tái cấu trúc Nhà trường. Năm 2017, Trường Đại học Vinh chính thức đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo Chương trình tiếp cận CDIO, đánh dấu một bước phát triển mới trong quá trình nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới và phát triển của Nhà trường. Đặc biệt năm 2017, Trường Đại học Vinh là một trong 08 trường đại học có đào tạo ngành sư phạm được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn triển khai Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP). Trước bối cảnh đó, Đảng ủy, Hội đồng trường đã thông qua chủ trương xây dựng, rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến 2030 [H1.1.1.1.3].

Ban Giám hiệu Nhà trường đã giao Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chủ trì xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển. Sau khi xây dựng xong dự thảo Kế hoạch chiến lược phát triển, trong đó có tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi, Nhà trường đã xin ý kiến của các bên liên quan gồm: Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, các đoàn thể cấp Trường, các cơ quan, đơn vị, trường học, cựu sinh viên... và toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên. Tháng 1/2018, HĐT đã thông qua tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Vinh. Ngày 28/12/2018, Hiệu trưởng Nhà trường đã ký Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030. Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng Trường đã thảo luận và thống nhất điều chỉnh, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi cho phù hợp với mục tiêu phát triển của Trường trong giai đoạn mới.

Tháng 12/2019, Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu Nhà trường đã cập nhật sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường. Sứ mạng hiện nay của Trường: "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học". Tầm nhìn hiện nay của Trường là: "Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN." [H1.1.1.1.4]

Tháng 6/2020, Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Vinh lần thứ XXXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường, trên cơ sở đó đề ra tầm nhìn chiến lược: Phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á [H1.1.1.1.5]

Hiện nay, Nhà trường đang chuyển sang giai đoạn phát triển mới - giai đoạn tự chủ và hội nhập, Nhà trường đã ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh giai đoạn 2020 - 2022 [H1.1.1.1.6] và kế hoạch lấy ý kiến người học, phụ huynh học sinh và các bên liên quan về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược phát triển của Nhà trường để phù hợp với tình hình thực tiễn [H1.1.1.1.7]

Định kỳ, Nhà trường đã tổ chức đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi của Nhà trường thông qua hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng của Đảng ủy, hội nghị của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Trường; hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng, hội nghị tổng kết năm học, hội nghị cán bộ, viên chức của Ban Giám hiệu Nhà trường; hội nghị của

Hội đồng Trường [H1.1.1.1.8].

Như vậy, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược mà Nhà trường đã nêu ra là phù hợp với sứ mạng của Trường; được định kỳ rà soát, cập nhật, đánh giá kết quả thực hiện; theo đúng định hướng phát triển ngành sư phạm của Đảng và Nhà nước; phù hợp với Quyết định số 6290/QĐ-BGDĐT ngày 13/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT phê duyệt Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2011 đến năm 2020.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan về sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược.

2. Điểm mạnh

- Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược được xây dựng phù hợp với sứ mạng của Nhà trường.

- Trường thực hiện rà soát tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường

- Trường có cải tiến quy định và hoạt động xây dựng tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường

3. Điểm tồn tại

- Nhà trường chưa lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan về sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan về sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược khi xây dựng/rà soát/điều chỉnh	ĐU, HĐT, BGH, Các đơn vị trực thuộc	Năm học 2020-2021	Năm học 2020-2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược của Nhà trường	ĐU, HĐT, BGH, Các đơn vị trực thuộc	Năm học 2020-2021	Năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.1.1					5		

Chỉ số 1.1.2. Tầm nhìn, sứ mạng của trường được công bố công khai và được triển khai trong các hoạt động của trường.

1. Mô tả

Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch công bố sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển. Trong Hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 2019 và triển khai nhiệm vụ năm 2020, Nhà trường đã công bố Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục Trường Đại học Vinh cho cán bộ chủ chốt và cán bộ, viên chức, người lao động là đảng viên toàn Trường [H1.1.1.2.1].

Sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường được công bố công khai trên nhiều hình thức khác nhau như website, trang thông tin điện tử của Trường, phần mềm Văn phòng điện tử iOffice, bản báo cáo thường niên, tờ rơi [H1.1.1.2.2]. Nhà trường đã kiện toàn Ban Biên tập, Ban Quản trị website Trường [H1.1.1.2.3], thành lập Bộ phận Truyền thông [H1.1.1.2.4], thành lập Ban Liên lạc cựu sinh viên của các viện, khoa và Nhà trường [H1.1.1.2.5] ... để tuyên truyền, quảng bá rộng rãi sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường bằng các hình thức khác nhau như: đăng tải, chia sẻ trên facebook, Youtube, bảng điện tử...; in ấn trên các băng rôn, biển hiệu, pano, áp phích, bảng tin, tờ rơi... [H1.1.1.2.6]; in trên các tài liệu chính thức của Trường như: các báo cáo của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, sách *Cẩm nang học sinh, sinh viên, học viên*; sách *Trường Đại học Vinh 60 năm xây dựng và phát triển (1959 - 2019)*, *Tài liệu Báo cáo thường niên năm 2019*... [H1.1.1.2.7].

Nhà trường cũng đã tổ chức hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 và công tác truyền thông giai đoạn 2017 - 2020; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch cải cách hành chính, chiến lược truyền thông giai đoạn 2020 - 2025, nâng cấp Bộ phận truyền thông chuyên nghiệp, hiện đại, sử dụng được các kỹ thuật và nghiệp vụ truyền thông tiên tiến [H1.1.1.2.8].

Sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường được chuyển tải thành các nội dung công tác và học tập của cán bộ lãnh đạo quản lý, giảng viên, nhân viên và người học [H1.1.1.2.9]. Nhà trường đã gửi sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển của Trường đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, các Sở Giáo dục và Đào tạo trong cả nước, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố, thị xã, các trường phổ thông trong và ngoài tỉnh. Sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược cũng được giới thiệu tại các hội nghị, buổi làm việc, ký thỏa thuận hợp tác của Nhà trường với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cơ quan, đơn vị và gửi cho cựu sinh viên của Nhà trường [H1.1.1.2.10]. Nhờ vậy, mà các bên liên quan trong và ngoài Trường Đại học Vinh đều biết, hiểu và chấp nhận về sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của Trường

Nhà trường đã cụ thể hóa và triển khai sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược trong nhiều hoạt động thiết thực. Được sự đồng ý của Tỉnh ủy Nghệ An, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc Trường Đại học Vinh. Nhà trường thành lập 6 viện trên cơ sở chia tách, sáp nhập 11 khoa (trong đó có Viện Sư phạm Tự nhiên và Viện Sư phạm Xã hội) [H1.1.1.2.11]. Nhờ vậy, đã tập hợp được đội ngũ các nhà khoa học có chuyên môn cùng khối ngành để tăng cường giảng dạy, nghiên cứu chuyên sâu, tăng tính liên thông trong học thuật và sử dụng chung trang thiết bị, cơ sở vật chất. Nhà trường cũng đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo [H1.1.1.2.12]. Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm [H1.1.1.2.13], Ban Quản lý Cơ sở 2 [H1.1.1.2.14]; gia nhập Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA) [H1.1.1.2.15].

Để phù hợp với chiến lược phát triển Nhà trường, năm học 2019 - 2020, Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo xây dựng Đề án thành lập Trường Sư phạm, Trường Kinh tế, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Trường Đại học Vinh. Ban Giám hiệu Nhà trường đã cử các đoàn cán bộ đi tham quan, học tập, nghiên cứu, tìm hiểu thực tế tại một số cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước. Nhà trường đang lấy ý kiến thảo luận, góp ý của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Trường; của các tổ chức đảng, đơn vị, đoàn thể và cán bộ, viên chức cho Dự thảo Đề án thành lập các Trường thuộc Trường Đại học Vinh [H1.1.1.2.16].

Nhà trường đặc biệt chú trọng công tác phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên và người học: nâng mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ [H1.1.1.2.17], khuyến khích giảng viên đi làm nghiên cứu sinh nước ngoài, nâng cao tiêu chí tuyển dụng giảng viên... [H1.1.1.2.18]; mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp và tăng cường đào tạo lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, cho cán bộ, giảng viên [H1.1.1.2.19]; đưa trình độ năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam làm chuẩn đầu ra cho sinh viên từ khóa 54 [H1.1.1.2.20]; chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy - học [H1.1.1.2.21]; hằng năm tổ chức hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và sinh viên; lấy ý kiến người học đánh giá về Nhà trường và đội ngũ giảng viên; khảo sát, lấy ý kiến người học sau tốt nghiệp [H1.1.1.2.22]. Nhà trường đã đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Giai đoạn 2015 - 2020, cán bộ của Trường đã triển khai 579 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Nhà trường đã tổ chức hàng chục hội thảo cấp Trường, 11 hội thảo quốc gia, 5 hội thảo quốc tế. Nhà xuất bản Đại học Vinh đã xuất bản trên 310 xuất bản phẩm, gồm giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, sách liên kết xuất bản, sách tái bản, sách nhà nước đặt hàng, lịch. Tổng số bài báo được cán bộ của Trường công bố trên các tạp chí là 1.981 bài, trong đó có trên 384 bài báo quốc tế [H1.1.1.2.23]. Trường thiết lập được hệ thống các trường phổ thông "về

tin" thuộc các tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh làm địa điểm thực hành, thực tế và thực tập chuyên môn cho sinh viên sư phạm... Dự án Phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp đã giao cho Trường biên soạn 7/13 CTĐT giáo viên các ngành Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Địa lý và Quản lý giáo dục, được Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ đánh giá cao và thống nhất đưa vào sử dụng rộng rãi trong các trường đại học có đào tạo giáo viên trung học phổ thông trên cả nước [H1.1.1.2.24].

Như vậy, tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược của Nhà trường được công bố công khai, được định kỳ rà soát, sửa đổi, bổ sung và triển khai trong các hoạt động của Trường [H1.1.1.2.25].

Tuy nhiên, việc thu thập ý kiến của các bên liên quan để rà soát, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược của Nhà trường như nhà sử dụng lao động, các đối tác, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục với số lượng còn ít.

2. Điểm mạnh

Tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược của Nhà trường được công bố công khai, được định kỳ rà soát, sửa đổi, bổ sung và triển khai trong các hoạt động của Trường, nhất là trong hoạt động phát triển giảng viên và người học.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa tổ chức hội nghị chuyên đề đánh giá thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh mà lồng ghép vào hội nghị tổng kết hàng năm của Đảng ủy, Hội đồng Trường và Ban Giám hiệu.

4. Kế hoạch hành động

TT		Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Mục tiêu	Tổ chức truyền thông rộng rãi cho các bên liên quan về sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường	Bộ phận Truyền thông, các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Thường xuyên
2.		Thu thập rộng rãi ý kiến của các bên liên quan, bao gồm nhà sử dụng lao động, các đối tác, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về	Bộ phận Truyền thông, Trung tâm DV, HTSV và QHDN, Phòng CTCT-HSSV,	Thường xuyên	Thường xuyên

		giáo dục về sứ mạng, tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược của Nhà trường	các đơn vị có liên quan		
3.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường	ĐU, HĐT, BGH, Các đơn vị trực thuộc	Thường xuyên	Thường xuyên
4.		Truyền thông và tổ chức thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường	ĐU, HĐT, BGH, Các đơn vị trực thuộc	Thường xuyên	Thường xuyên
5.		Định kỳ đánh giá, rà soát, cập nhật, bổ sung kế hoạch chiến lược của Nhà trường	ĐU, HĐT, BGH, Các đơn vị trực thuộc	Thường xuyên	Thường xuyên

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.1.2					5		

Điểm tự đánh giá tiêu chí 1

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.1.1					5		
Chỉ số 1.1.2					5		
Điểm tiêu chí 1	5.0						

Tiêu chí 2: Quản lý

1. Mô tả

Chỉ số 1.2.1. Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực.

1. Mô tả

Năm 2001, Thủ tướng Chính phủ quyết định đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh [H2.1.2.1.1]. Năm 2011, Trường Đại học Vinh được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia [H2.1.2.1.2]. Trường đã hình thành cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý phù hợp với nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất. Năm 2015, Trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh phù hợp theo Điều lệ Trường

Đại học [H2.1.2.1.3]. Năm 2018, Trường đã sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động phù hợp theo Luật Giáo dục đại học [H2.1.2.1.4]. Năm 2020 để phù hợp với Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung, Trường đã xây dựng dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, giảm đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc Trường Đại học Vinh [H2.1.2.1.5]. Nhà trường đã thành lập 6 viện trên cơ sở chia tách, sáp nhập 11 khoa, trong đó có Viện Sư phạm Tự nhiên, Viện Sư phạm Xã hội, khoa Giáo dục, khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Khoa Giáo dục thể chất, Khoa Giáo dục Quốc phòng-An ninh để đào tạo giáo viên phổ thông có trình độ đại học [H2.1.2.1.6]. Nhà trường cũng đã thành lập Trường Thực hành Sư phạm (trên cơ sở sáp nhập Trường Mầm non Thực hành, Trường Tiểu học Thực hành và phổ thông thực hành) [H2.1.2.1.7]; thành lập Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm [H2.1.2.1.8]. Mô hình quản lý của Trường vận hành thống nhất, hiệu quả theo 3 cấp: Trường - Khoa/Viện - Bộ môn. Toàn Trường hiện có 13 viện và khoa đào tạo, 12 phòng ban, 12 trung tâm, trạm, hai văn phòng đại diện. Để nâng cao chất lượng đào tạo sư phạm, hiện nay, Nhà trường đã xây dựng Đề án thành lập Trường sư phạm trực thuộc Trường Đại học Vinh và Đề án thành lập Phân hiệu Trường Đại học Vinh tại thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh [H2.1.2.1.9].

Trường có hệ thống chính sách, quy trình, quy định, công cụ nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của hoạt động quản lý của trường. Đối với hệ thống chính sách nhà trường ban hành dưới các hình thức văn bản như Nghị quyết, các kế hoạch, quy hoạch [H2.1.2.1.10]. Nhà trường có các quy định, quy trình, quy chế về mọi hoạt động trong nhà trường từ công tác đào tạo, NCKH, nhân lực, sinh viên,...[H2.1.2.1.11] và các công cụ quản lý như sổ tay ĐBCL, sổ tay giảng viên, sinh viên [H2.1.2.1.12].

Hệ thống chính sách, quy trình, quy định, công cụ quản lý của trường đảm bảo phù hợp trong việc thực hiện sứ mạng, kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học phát huy năng lực và được phản ánh cụ thể thông qua các quyết định thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, quyết định khen thưởng các công trình công bố trên tạp chí quốc tế, nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ bảo vệ luận án tiến sĩ trước thời hạn (từ 3 tháng trở lên) [H2.1.2.1.13]. Mức độ phù hợp của các chính sách quy trình, quy định, công cụ quản lý còn thể hiện thông qua kết quả mức độ hoàn thành công việc hàng tháng, hàng năm [H2.1.2.1.14] cũng như kết quả tuyển sinh và đào tạo của nhà trường [H2.1.2.1.15-16].

Hàng năm, Nhà trường đều rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh hệ thống văn bản quản lý, điều hành Nhà trường. Các văn bản đều được lấy ý kiến góp ý rộng rãi của Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu và toàn thể cán bộ, giảng viên, người lao động [H2.1.2.1.17]. Sau khi lấy ý kiến các bên liên quan thì các văn bản được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến góp ý để ban hành [H2.1.2.1.18].

Đề phù hợp với từng giai đoạn phát triển nhà trường cũng như phù hợp với các văn bản quản lý nhà nước về giáo dục, nhà trường đều tiến hành thực hiện bổ sung, chỉnh sửa từ kế hoạch chiến lược phát triển của trường [H2.1.2.1.19] cho đến các kế hoạch thuộc từng lĩnh vực hoạt động [H2.1.2.1.20] và các quy trình, quy định trong toàn trường [H2.1.2.1.21]

Tuy đã có nhiều chính sách, quy trình, quy định, công cụ quản lý nhưng Nhà trường vẫn đang ở giai đoạn đầu của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia ISO TCVN 9001:2015.

2. Điểm mạnh

- Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động phát huy năng lực

- Các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thường xuyên được rà soát đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung.

3. Điểm tồn tại

Trường đang ở giai đoạn đầu của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia ISO TCVN 9001:2015 trong quản lý Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng, ban hành, sử dụng đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia	BGH Phòng HCTH	Tháng 12/2020	Tháng 8/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các chính sách, quy trình, quy định, công cụ để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động phát huy năng lực	BGH Các đơn vị trong toàn trường	Thường xuyên	Thường xuyên
3		Định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung hệ thống văn bản lãnh đạo, quản lý, điều hành Nhà trường phù hợp các quy định của Đảng, Nhà nước	BGH Phòng HCTH; Phòng TCCB;	Hàng năm	Hàng năm

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.2.1.					5		

Chỉ số 1.2.2. Năng lực chuyên môn của nhân sự trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm.

Các vị trí việc làm trong bộ máy tổ chức của trường được thực hiện dựa trên các văn bản quy định và hướng dẫn của nhà nước [H2.1.2.2.1]. Trên cơ sở đó trường lập kế hoạch xây dựng đề án vị trí việc làm [H2.1.2.2.2] và được Hiệu trưởng nhà trường ký phê duyệt vào ngày 04/12/2018 trong đó mô tả chi tiết vị trí việc làm và yêu cầu về năng lực của nhân sự của từng vị trí [H2.1.2.2.3].

Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm thể hiện ở đội ngũ cán bộ, giảng viên, người lao động đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, với 1.046 người, trong đó có 63 giáo sư, phó giáo sư; 256 tiến sĩ, 504 thạc sĩ (tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ đạt 46,5%), riêng tỉ lệ giảng viên sư phạm có trình độ tiến sĩ đạt trên 60% [H2.1.2.2.4]. Với kết quả đó cho thấy đến nay Nhà trường đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ có cơ cấu hợp lý, đáp ứng các tiêu chí theo quy định. Đội ngũ giảng viên được tuyển dụng từ các cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong và ngoài nước [H2.1.2.2.5].

Để đánh giá năng lực nhân sự của từng vị trí việc làm nhà trường ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và sử dụng phiếu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm [H2.1.2.2.6]. Đội ngũ nhân sự của Trường được tuyển dụng theo đúng chỉ tiêu và Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt. Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng cho các đơn vị cũng như tổ chức thi tuyển vào biên chế. Cán bộ giảng dạy đang ký hợp đồng lao động ngắn hạn muốn thi tuyển vào biên chế phải có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/B2 (khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam); hoặc kết quả sát hạch ngoại ngữ hàng năm với trình độ tương đương của Trường Đại học Vinh của một trong các thứ tiếng Anh, Nga, Trung, Pháp, Đức); đối với giảng viên tiếng Anh thì phải đạt trình độ Bậc 5 trở lên [H2.1.2.2.7].

Trường có định kỳ rà soát đánh giá năng lực nhân sự của từng vị trí việc làm thông qua việc lấy ý kiến của các bên liên quan bằng các phiếu khảo sát hoặc thông qua các Hội nghị tổng kết năm học, hội nghị CBCC, VC hàng năm và kết quả phân loại cán bộ viên chức hàng năm [H2.1.2.2.8]. Ngoài ra Trường còn định kỳ rà soát đánh giá năng lực nhân sự của từng vị trí việc làm thông qua các đề án, các nhiệm vụ phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên [H2.1.2.2.9].

Nhà trường đã tích cực chỉ đạo, có chế tài động viên, khuyến khích cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo từng năm và giai đoạn, đảm bảo tính khoa học, tính kế thừa và phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm theo quy định. Mỗi năm, Nhà trường đã mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho giảng viên [H2.1.2.2.10]; mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng, an ninh, ngoại ngữ, tin học cho hàng trăm lượt cán bộ, viên chức [H2.1.2.2.11]. Bên cạnh đó, các giảng viên tham gia đào tạo giáo viên hàng năm đều được cử đi thực tế trường phổ thông, thường xuyên tham gia các hoạt động tập huấn với giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức [H2.1.2.2.12]. Nhà trường cũng quan tâm, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên đi thực tế ở các cơ quan, đơn vị trong nước. Đội ngũ KTV, nhân viên phục vụ của Trường được đào tạo cơ bản, đúng chuyên môn và được bố trí làm việc ở các phòng thí nghiệm, thực hành và các bộ phận để hỗ trợ và phục vụ cho hoạt động học tập, giảng dạy và NCKH của Nhà trường [H2.1.2.2.13]. Qua đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, giảng viên, nhân viên, kỹ thuật viên đã vận dụng và phát huy tốt những kiến thức được đào tạo, bồi dưỡng vào công tác chuyên môn. Mỗi năm, có hàng chục giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trong và ngoài nước [H2.1.2.2.14]. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường luôn phấn đấu hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao [H2.1.2.2.15].

Tuy nhiên, Nhà trường chưa xây dựng được chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPI) cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Các vị trí việc làm trong bộ máy tổ chức của trường được thực hiện theo quy định của pháp luật, được mô tả đầy đủ trong đề án vị trí việc làm, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

- Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường luôn đáp ứng chức năng, nhiệm vụ theo vị trí việc làm.

- Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện rà soát đánh giá năng lực nhân sự của từng vị trí việc làm và có kế hoạch cải tiến từ đó nâng cao được năng lực nhân sự của nhà trường

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa xây dựng được chỉ số đo lường hiệu quả công việc cho đội ngũ cán bộ, giảng viên (KPI).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Lập kế hoạch xây dựng, ban hành, đưa vào sử dụng và bộ chỉ số KPI	BGH Phòng TCCB	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Phát huy	Tiếp tục sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường để đáp ứng chức năng, nhiệm vụ theo vị trí việc làm.	BGH Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm
2	điểm mạnh	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường	BGH Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.2.2.				4			

Chỉ số 1.2.3. Nhân sự trong trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo định kỳ và theo yêu cầu.

1. Mô tả

Để thực hiện đầy đủ trách nhiệm và giải trình, đầu mỗi năm học Nhà trường đều ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm học cho từng đơn vị, hướng dẫn tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức của từng đơn vị, từ cấp bộ môn, tổ chuyên môn, tổ công tác, trong đó nhiệm vụ của từng cán bộ, giảng viên, nhân viên được mô tả rõ ràng theo vị trí việc làm, mọi người đều được tham gia góp ý xây dựng kế hoạch năm học của bộ môn và của đơn vị hay nhà trường và được công khai trước khi thực hiện [H2.1.2.3.1]. Hàng năm, Nhà trường đều ban hành Kế hoạch tổ chức hội nghị cán bộ trẻ, hội nghị trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo, cố vấn học tập và hội nghị đối thoại

giữa Hiệu trưởng với sinh viên để tuyên truyền, cung cấp thông tin làm cho cán bộ, đảng viên và người học hiểu rõ và đồng thuận trong việc triển khai thực hiện các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và Nhà trường [H2.1.2.3.2]. Đảng ủy Trường đã ban hành Hướng dẫn kiểm điểm, xếp loại cán bộ lãnh đạo quản lý và đảng viên hàng năm. Hiệu trưởng đã ban hành Quy chế quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và người lao động [H2.1.2.3.3] và bộ tiêu chí thi đua cá nhân để đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên phục vụ [H2.1.2.3.4].

Nhà trường thực hiện trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên tại hội nghị cán bộ, viên chức của các đơn vị và Nhà trường. Đồng thời, tại các hội nghị định kỳ của Đảng ủy, Hội đồng Trường, các hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng của Trường; các cuộc họp giao ban công việc tại từng đơn vị hàng tuần, hàng tháng các kế hoạch công tác, sản phẩm và trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân được giải trình công khai, rõ ràng trước tập thể [H2.1.2.3.5]. Hàng năm, việc kiểm điểm, đánh giá, phân loại cán bộ, giảng viên, nhân viên được thực hiện nghiêm túc, khách quan. Đây cũng chính là cơ sở để thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ. Đồng thời qua đó cũng giúp cho mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên từng bước khắc phục những khuyết điểm, thiếu sót và tích cực phát huy những ưu điểm để tiếp tục hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao [H2.1.2.3.6].

Nhà trường thực hiện giám sát hoạt động giải trình thông qua các kế hoạch, chương trình giám sát của các bộ phận như Phòng Thanh tra - Pháp chế, Ban thanh tra nhân dân, ủy ban kiểm tra của Công đoàn Trường, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy trường [H2.1.2.3.7]. Các báo cáo giải trình đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường được Nhà trường thực hiện tại Hội nghị cán bộ, công chức viên chức hàng năm; tại Hội nghị tổng kết năm học; Hội nghị tổng kết công tác Đảng và một số hội nghị chuyên đề khác [H2.1.2.3.8].

Quy định về trách nhiệm giải trình đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường được Nhà trường rà soát, điều chỉnh bổ sung nhằm đảm bảo tính minh bạch khi nhân sự thực thi nhiệm vụ thông qua một số phương thức như các quy định, quy chế các văn bản hướng dẫn tổng kết đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch năm học; các văn bản hướng dẫn tổ chức Hội nghị CB,CCVC năm học; văn bản hướng dẫn tổ chức tổng kết Đảng hàng năm; văn bản hướng dẫn báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên đề theo kế hoạch của các bộ phận giám sát [H2.1.2.3.9]. Dựa trên các kết quả rà soát, điều chỉnh bổ sung để từ đó nhà trường có các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm phù hợp cũng như xây dựng được chế độ làm việc và đánh giá được đúng mức độ thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường [H2.1.2.3.10].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có các quy định về trách nhiệm giải trình đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên thực hiện trách nhiệm giải trình một cách đầy đủ.

- Nhà trường thực hiện giám sát hoạt động giải trình và có các bộ phận chịu trách nhiệm giám sát.

- Quy định về trách nhiệm giải trình đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường được rà soát, điều chỉnh bổ sung.

3. Điểm tồn tại: Không có

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Không có			
1	Phát huy điểm mạnh	Vận hành tốt các quy định về trách nhiệm giải trình đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên để đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên thực hiện trách nhiệm giải trình một cách đầy đủ	Các đơn vị trong toàn trường	Hàng năm	Hàng năm
2		Tiếp tục thực hiện giám sát hoạt động giải trình	Các đơn vị trong toàn trường	Hàng năm	Hàng năm
3		Khảo sát lấy ý kiến về các quy định về trách nhiệm giải trình đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường	Vp Đảng - ĐT P. TCCB P. TT-PC	Hàng năm	Hàng năm

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.2.3.				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 2

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.2.1.					5		
Chỉ số 1.2.2.				4			
Chỉ số 1.2.3.				4			
Điểm tiêu chí:	4.3						

Tiêu chí 3: Hệ thống đảm bảo chất lượng

Chỉ số 1.3.1 Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh có chính sách đảm bảo chất lượng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu phát triển [H3.1.3.1.1]. Chính sách chất lượng của Nhà trường được đưa ra họp bàn và thống nhất cao trong báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ, được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ, các kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường từng giai đoạn [H3.1.3.1.2]. Nhà trường đã ban hành Nghị quyết về tăng cường hiệu quả hoạt động đảm bảo chất lượng với mục tiêu tổng quát và cụ thể nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác để phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Nhà trường [H3.1.3.1.3]. Nội dung của Nghị quyết tiếp tục được cụ thể hóa bằng các chương trình hành động, các kế hoạch năm học, kế hoạch cải tiến được triển khai và được giám sát thực hiện tiến độ đảm bảo đạt được chỉ tiêu đề ra. Hàng năm, các kế hoạch được rà soát và báo cáo kết quả bằng văn bản giúp Nhà trường chủ động trong việc đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới [H3.1.3.1.4]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách chất lượng, chưa có những điều chỉnh, thay đổi về chính sách chất lượng để phù hợp với tình hình phát triển với nhiều cơ hội và thách thức mới.

Nghị quyết Hội đồng Trường đã nhất trí thông qua tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, các nghị quyết hàng năm đã đề ra chỉ tiêu và đẩy mạnh việc triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đảm bảo như chính sách chất lượng đã cam kết về chính sách chất lượng [H3.1.3.1.5]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng có những cải tiến, bổ sung về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường năm 2015, 2016 và hiện nay, trước yêu cầu của việc tái cấu trúc, Nhà trường đang thực hiện lấy ý kiến góp ý dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động năm 2020 trong toàn trường, chuẩn bị ban hành vào năm 2021 [H3.1.3.1.6]. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã tiến hành xây dựng đề án vị trí việc làm và đang từng bước hoàn thiện để đưa vào thực hiện nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công việc, góp phần đảm bảo chính sách chất lượng đã đề ra [H3.1.3.1.7].

Trường Đại học Vinh có đơn vị chuyên trách Trung tâm Đảm bảo chất lượng giúp Nhà trường thực hiện hiệu quả các chủ trương, kế hoạch, biện pháp đảm bảo chất lượng và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục [H3.1.3.1.8]. Hàng năm, Nhà trường triển khai lấy ý kiến người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị

hành chính trong trường trong đó có Trung tâm Đảm bảo chất lượng về các chỉ số như thời gian, quy trình xử lý công việc, tinh thần, thái độ phục vụ... nhằm từng bước cải thiện dựa trên những ý kiến phản hồi của người học. Thống kê các ý kiến phản hồi các năm, Trung tâm Đảm bảo chất lượng luôn đạt mức tốt (đáp ứng từ 80% trở lên) với hơn 70% tỉ lệ phiếu tham gia [H3.1.3.1.9].

Mạng lưới đảm bảo chất lượng Trường Đại học Vinh được thành lập năm 2019 với 104 thành viên trải đều từ các khoa/viện đến các phòng ban trong Trường. Nhà trường đã cử 13 trợ lý đảm bảo chất lượng tại các đơn vị đào tạo để thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm và kiểm định chất lượng cấp chương trình đào tạo. Các thành viên được tập huấn chuyên môn và được hưởng chế độ theo quy định [H3.1.3.1.10].

Đội ngũ nhân sự về công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng được bồi dưỡng đào tạo bài bản nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc. Hiện tại, đội ngũ tham gia công tác đảm bảo chất lượng có 59 cán bộ được đào tạo kiểm định viên; 26 cán bộ có thể kiểm định viên; có 02 cán bộ đào tạo về hệ thống đảm bảo chất lượng của AUN; 12 cán bộ đang học thạc sĩ về đo lường đánh giá; [H3.1.3.1.11]. Tất cả thành viên của mạng lưới và các cán bộ giảng dạy quan tâm đến công tác đảm bảo chất lượng đều được tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ về đảm bảo chất lượng do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh tổ chức. Ngoài ra Nhà trường luôn tạo điều kiện cho các thành viên tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn về công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng do các trung tâm uy tín trong nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức như: Tập huấn nâng cao năng lực quản trị đại học (tháng 3/2019), Tập huấn công tác đánh giá chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA (năm 2020), cử cán bộ tham gia làm quan sát viên đánh giá ngoài từ xa chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA...[H3.1.3.1.12]. Năm 2019 Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh được thành lập, ngoài các chức năng nhiệm vụ về công tác kiểm định chất lượng được giao, trung tâm có nhiệm vụ hỗ trợ, tư vấn cho Nhà trường công tác đảm bảo chất lượng bên trong, công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo [H3.1.3.1.13].

Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Vinh hoạt động hiệu quả, phù hợp. Nhà trường cũng đã ban hành Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng để triển khai thực hiện các nhiệm vụ mang tính chiến lược và các hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong của Nhà trường, xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với các qui định, tiêu chuẩn Nhà nước đã ban hành và đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan [H3.1.3.1.14]. Kết quả thực hiện các chính sách của Nhà trường đạt kết quả tốt thể hiện mức độ thích hợp của chính sách đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Kết quả được thể hiện rõ trong các báo cáo định kỳ của

Nhà trường với cán bộ viên chức, các bên liên quan và đơn vị chủ quản [H3.1.3.1.15]. Tuy nhiên, qua quá trình thực hiện, hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường vận hành chưa đồng đều, chưa khai thác hết năng lực đội ngũ về ĐBCL của Nhà trường. Nguyên nhân là do một bộ phận trong mạng lưới ĐBCL kiêm nhiệm nhiều vị trí công tác, một số chưa chủ động trong công việc. Vì vậy thời gian qua, Nhà trường cũng đã có các kế hoạch và từng bước thực hiện cải tiến các quy định về chính sách, đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự để thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong [H3.1.3.1.16]

2. Điểm mạnh

- Trường đã có chính sách đảm bảo chất lượng, Đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có năng lực chuyên môn phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.

- Có báo cáo đánh giá hoạt động đảm bảo chất lượng hằng năm với trên 75% đến 90% khối lượng nội dung đã được hoàn thành.

3. Điểm tồn tại

- Hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng vận hành chưa đồng đều, chưa khai thác hết năng lực đội ngũ về ĐBCL của Nhà trường

- Chưa lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách chất lượng.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch vận hành hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng hiệu quả	TT ĐBCL Các đơn vị	Thường xuyên	
2		Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách chất lượng, điều chỉnh để phù hợp hơn với chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2025 tầm nhìn 2030	TT ĐBCL	12/2020	12/2021
1	Phát huy điểm mạnh	Sử dụng có hiệu quả các chính sách đảm bảo chất lượng, đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân	TT ĐBCL	Thường xuyên	Thường xuyên

		sự có năng lực chuyên môn phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.			
2		Tiếp tục thực hiện báo cáo đánh giá hoạt động đảm bảo chất lượng hằng năm	TT ĐBCL	Hàng năm	Hàng năm

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.3.1					5		

Chỉ số 1.3.2. Trường đã tiến hành tự đánh giá cấp trường, tự đánh giá cấp chương trình đào tạo nhằm cải thiện chất lượng giáo dục.

Tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo là một trong những nhiệm vụ chính nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Hoạt động tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo được Nhà trường chuẩn bị kỹ càng bằng việc ra Nghị quyết chỉ đạo, cụ thể hóa thành mục tiêu trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh từng giai đoạn [H3.1.3.2.1]. Đối với công tác tự đánh giá chương trình đào tạo, dựa vào kế hoạch chiến lược, Nhà trường lập kế hoạch triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT cho giai đoạn và từng năm học [H3.1.3.2.2]. Ngoài ra, việc lập kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo của Nhà trường còn căn cứ vào cam kết của Nhà trường đối với cơ quan quản lý và trách nhiệm giải trình với xã hội thông qua kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, thông qua việc thực hiện mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H3.1.3.2.3].

Đơn vị được giao nhiệm vụ đầu mối về công tác tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo là Trung tâm Đảm bảo chất lượng [H3.1.3.2.4]. Trung tâm Đảm bảo chất lượng căn cứ vào Nghị quyết, kế hoạch năm học để đưa ra chương trình hành động và kế hoạch triển khai công tác tự đánh giá; tham mưu Nhà trường ban hành các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm viết báo cáo; xây dựng kế hoạch thời gian, phân công nhiệm vụ đến các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện; cung cấp tài liệu hướng dẫn về đánh giá chương trình đào tạo; giám sát tiến độ thực hiện và công khai kết quả báo cáo tự đánh giá trong toàn trường khi báo cáo hoàn thành. [H3.1.3.2.5].

Các thành viên Hội đồng tự đánh giá, thành viên ban thư ký và các nhóm chuyên trách được tham gia tập huấn về đánh giá chương trình đào tạo trước khi triển khai kế hoạch tự đánh giá do chuyên gia của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục của Trường và Trung tâm Đảm bảo chất lượng hướng dẫn. Nhà trường còn tạo điều kiện mời các chuyên gia có kinh nghiệm tại các trường đại học có uy tín về tập huấn công tác tự đánh giá theo tiêu chuẩn AUN-QA cho các chương trình đào tạo tự đánh giá theo tiêu chuẩn AUN-QA [H3.1.3.2.6]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn ban hành Hướng dẫn lưu trữ và thu thập minh chứng giúp các thành viên trong ban thư ký và các nhóm chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá biết cách thu thập minh và giúp các đơn vị trong trường lưu trữ minh chứng phục vụ công tác kiểm định chất lượng. [H3.1.3.2.7].

Sau khi có kế hoạch tự đánh giá, các hoạt động TĐG chương trình đào tạo được thực hiện theo quy trình đã được hướng dẫn theo công văn của Bộ Giáo dục và đào tạo [H3.1.3.2.8]. Trung tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với khoa/ viện có chương trình đào tạo tự đánh giá tham mưu Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký và các nhóm viết báo cáo theo từng tiêu chuẩn [H3.1.3.2.9]; lập kế hoạch tự đánh giá [H3.1.3.2.10]; tổ chức họp Hội đồng tự đánh giá để triển khai nhiệm vụ; tiến hành tổ chức tập huấn cho các thành viên trong hội đồng, ban thư ký và các nhóm chuyên trách về tự đánh giá chương trình đào tạo [H3.1.3.2.11]; phổ biến rộng rãi với cán bộ, giảng viên, sinh viên toàn trường về kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo qua việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Nhà trường (iOffice) [H3.1.3.2.12]; Giám sát quá trình thực hiện tự đánh giá của các ngành theo đúng lịch trình, tiến độ đã đề ra. Sau khi báo cáo tự đánh giá hoàn thành, trung tâm công khai kết quả lên trang thông tin điện tử của Nhà trường, hướng dẫn các ngành lập kế hoạch cải tiến chất lượng và làm các thủ tục để đánh giá ngoài [H3.1.3.2.13].

Kết quả tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục cũng như chương trình đào tạo được Nhà trường sử dụng để cải tiến chất lượng thông qua việc xây dựng kế hoạch cải tiến hằng năm và cho giai đoạn chu kỳ kiểm định [H3.1.3.2.14]. Hoạt động cải tiến được theo dõi, giám sát và có chế độ báo cáo định kỳ với lãnh đạo Nhà trường, đơn vị chủ quản và được công bố công khai nhằm thực hiện cam kết và giải trình với các bên liên quan. Theo báo cáo kết quả cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục năm 2018, năm 2019, Nhà trường đã đạt được hơn 90% kế hoạch đề ra, giúp Nhà trường đạt được mục tiêu và không ngừng nâng cao chất lượng [H3.1.3.2.15] .

Kết quả, Trường Đại học Vinh đã thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục chu kỳ 2 và đã hoàn thành Báo cáo tự đánh giá vào năm 2016 với số tiêu chí đạt yêu cầu là 58/61 (đạt 95,1%) và số tiêu chí chưa đạt yêu cầu là 03/61 (đạt 4,9 %) [H3.1.3.2.16].

Năm 2017, Trường đăng ký đánh giá ngoài cơ sở giáo dục với TT KĐCLGD-ĐH QGHN và được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng vào tháng 11/2017. [H3.1.3.2.17]

Tháng 3 năm 2020, Trường Đại học Vinh hoàn thành Báo cáo giữa kỳ cơ sở giáo dục theo hướng dẫn và gửi kết quả báo cáo giữa kỳ cho Trung KĐCLGD - ĐH QGHN và cơ quan chủ quản Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời xây dựng kế hoạch cải tiến sau báo cáo giữa kỳ giai đoạn 2020-2022 [H3.1.3.2.18].

Về chương trình đào tạo, từ năm 2018 đến tháng 12/2020 Trường Đại học Vinh đã hoàn thành tự đánh giá 14/40 CTĐT chiếm 35%, trong đó có 6/14 CTĐT giáo viên (42,85%) [H3.1.3.2.19]. Trường Đại học Vinh đã đăng ký đánh giá ngoài CTĐT với các trung tâm kiểm định chất lượng trong nước như TT KĐCLGD - ĐH QGHN, TT KĐCLGD Đà Nẵng và TT KĐCLGD Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam. Việc đăng ký đánh giá ngoài với nhiều trung tâm trong nước giúp các CTĐT kiểm tra chéo, bổ sung những ưu điểm, khắc phục những tồn tại mà các trung tâm đưa ra khuyến nghị để có kế hoạch cải tiến phù hợp [H3.1.3.2.20]. Ngoài ra có 02 CTĐT đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức kiểm định AUN-QA, nhằm thực hiện mục tiêu sứ mệnh mà Nhà trường đã đề ra trở thành thành viên chính thức của AUN, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo [H3.1.3.2.21]. Đến hết tháng 12/2020, đã có 8/40 CTĐT hoàn thành đánh giá ngoài chiếm 20%, có 03 CTĐT đã được công nhận và nhận giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục gồm ngành QTKD, ngành Ngôn ngữ Anh và ngành Kỹ thuật xây dựng [H3.1.3.2.22]. Có 02 CTĐT đăng ký đánh giá ngoài theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA là Sư phạm Toán học, Công nghệ thông tin, thời gian đánh giá ngoài dự kiến vào tháng 4/2021 [H3.1.3.2.23]. Như vậy, với kế hoạch đề ra, từ năm 2018 đến năm 2020, Nhà trường đã đạt 100% chỉ tiêu về tự đánh giá chương trình đào tạo đúng tiến độ và thời gian thực hiện. Tuy nhiên để thực hiện đúng kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài giai đoạn 2019-2025 thì Nhà trường cần chỉ đạo sát sao hơn nữa công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Bảng 1: Tổng hợp công tác TĐG và ĐGN các CTĐT từ năm 2018 đến năm 2020

TT	Ngành	Tự đánh giá	Đánh giá ngoài
2018			
1	Ngôn ngữ Anh,	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành
2	Kỹ thuật Xây dựng	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành
3	Quản trị Kinh doanh	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành
2019			
4	Sư phạm Toán học	Đã hoàn thành	Đang tiến hành
5	Công nghệ thông tin	Đã hoàn thành	Đang tiến hành
6	Giáo dục Tiểu học	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành (tháng 10/2020)
7	Sư phạm Hóa học	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành (tháng 10/2020)

8	Luật kinh tế	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành (tháng 12/2020)
9	Kế toán	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành (tháng 12/2020)
10	Giáo dục Mầm non	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành (tháng 12/2020)
2020			
11	Sư phạm ngữ Văn	Đã hoàn thành	Dự kiến tháng 2/2021
12	Sư phạm Địa lý	Đã hoàn thành	Dự kiến tháng 2/2021
13	Công nghệ thực phẩm	Đã hoàn thành	Dự kiến tháng 2/2021
14	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Đã hoàn thành	Dự kiến tháng 2/2021

2. Điểm mạnh

Trường có thực hiện hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài cấp cấp trường và cấp chương trình đào tạo, hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài được chuẩn bị kỹ càng, có kế hoạch quy trình rõ ràng, cụ thể.

Kế hoạch TĐG cấp trường và cấp CTĐT đã được hoàn thành; đã kiểm tra, đánh giá, 100% khối lượng nội dung đã được hoàn thành, có ít nhất 50% khối lượng hoạt động hoàn thành xuất sắc; hoạt động TĐG cấp trường và cấp CTĐT đã được cải tiến

3. Điểm tồn tại

Nhà trường cần sát sao hơn nữa trong việc giám sát để đạt 100% chỉ tiêu trong kế hoạch cải tiến đã đề ra

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường giám sát thúc đẩy thực hiện kế hoạch cải tiến	Các đơn vị trong trường	Theo kế hoạch cải tiến	Theo kế hoạch cải tiến
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài theo kế hoạch	Các đơn vị có chương trình tự đánh giá theo kế hoạch	Theo kế hoạch đã ban hành	Theo kế hoạch đã ban hành

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.3.2:					5		

Chỉ số 1.3.3: Trường có một hệ thống thông tin tích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học.

Nhà trường có hệ thống thông tin tích hợp để thu thập, xử lý dữ liệu về giảng viên và người học của trường [H3.1.3.3.1]. Hệ thống thông tin tích hợp của nhà trường bao gồm phần cứng hạ tầng CNTT và các phần mềm thu thập, xử lý dữ liệu giảng viên và người học như: phần mềm CMC được sử dụng từ năm 2007 cho quản lý hoạt động đào tạo, quản lý điểm, quản lý công tác sinh viên; phần mềm quản lý cán bộ được sử dụng từ năm 2014; phần mềm LMS sử dụng từ năm 2018; phần mềm elearning sử dụng từ năm 2018; Phần mềm quản lý bồi dưỡng giáo viên sử dụng từ năm 2018; Phần mềm quản lý thư viện sử dụng từ năm 2001 và nâng cấp phần mềm năm 2016 [H3.1.3.3.2]

Tốc độ đường truyền, cấu hình phần cứng của trường đáp ứng tốt yêu cầu thu thập, xử lý dữ liệu về giảng viên và người học [H3.1.3.3.3].

Phần mềm thu thập, xử lý dữ liệu về giảng viên và người học của trường được xây dựng và phát triển đa dạng phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực. Với phần mềm CMC về quản lý đào tạo, quản lý điểm, quản lý công tác sinh viên do Công ty phần mềm CMC cung cấp. Phần mềm quản lý cán bộ, phần mềm LMS sử dụng, phần mềm elearning, Phần mềm quản lý bồi dưỡng giáo viên do trường tự xây dựng thông qua các đề tài, nhiệm vụ của cán bộ. Phần mềm quản lý thư viện do Công ty dịch vụ về phần mềm thư viện cung cấp [H3.1.3.3.4]

Hệ thống thu thập, xử lý dữ liệu về giảng viên và người học của trường hoạt động một cách khá hiệu quả. Cụ thể đối với giảng viên trường có hệ thống lưu và cập nhật dữ liệu thông tin tại địa chỉ trực tuyến cổng thông tin cán bộ (canbo.vinhuni.edu). Phần mềm này lưu trữ và cung cấp mọi thông tin của cán bộ, giảng viên cả về hồ sơ cá nhân, quản lý quá trình học tập sinh viên của các lớp mà giảng viên giảng dạy, theo dõi các thông tin về hoạt động chuyên môn cũng như NCKH hàng năm của cán bộ, kê khai giờ giảng, giờ nghiên cứu khoa học, giờ sinh hoạt chuyên môn tại địa chỉ này và các đơn vị hành chính có thể thống kê dữ liệu ở đây để báo cáo hoặc thanh toán kinh phí làm thêm giờ (dạy quá giờ chuẩn qui định) [H3.1.3.3.5]. Hệ thống phần mềm CMC tích hợp cho quản lý tất cả các hoạt động như quản lý đào tạo; quản lý công tác học sinh, sinh viên, học viên; quản lý thông tin thư viện; phần mềm quản lý điểm [H3.1.3.3.6]. Đối với hoạt động bồi dưỡng và đào tạo giáo viên nhà trường có phần mềm quản lý bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và đang từng bước hoàn thiện để nâng cao hiệu quả sử dụng [H3.1.3.3.7]. Thông tin người học cũng được lưu trên phần mềm quản lý đào tạo; hàng năm trường xét tốt nghiệp cho người học thông qua phần mềm này; người học đăng kí học và xem thông tin cá nhân như lịch học, lịch thi, kết quả học tập... tại địa chỉ:

<http://student.vinhuni.edu.vn/cmsoft.iu.web.info/>. [H3.1.3.3.8] Ngoài phần mềm CMC điều hành toàn bộ hệ thống một cách thống nhất và có qui chế quản lý khai thác hệ thống thông tin điện tử, đối với sinh viên nhà trường còn có hệ thống quản lý LMS giúp cho giảng viên và người học tương tác, đăng tải tài liệu, nộp bài tập, chấm điểm... [H3.1.3.3.9]; đối với hệ đào tạo sau đại học từ năm học 2018-2019 nhà trường đã triển khai hệ thống giảng dạy trực tuyến e - Learning, thông qua đó theo dõi sát sao quá trình dạy và học góp phần nâng cao chất lượng của nhà trường [H3.1.3.3.10]. Phần mềm quản lý thư viện được vận hành một cách thuận lợi chất cho nhu cầu của giảng viên và sinh viên [H3.1.3.3.11]. Hệ thống máy chủ, đường truyền, phần mềm thường xuyên được bảo dưỡng, bảo trì, cải tiến và nâng cấp [H3.1.3.3.12]

Hàng năm nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên và người học về hệ thống thông tin tích hợp của trường [H3.1.3.3.13]. Dựa trên kết quả khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên và người học về hệ thống thông tin tích hợp để từ đó nhà trường tiến hành rà soát và thực hiện xây dựng hệ thống thông tin tổng thể nhà trường nhằm cải tiến nâng cao hiệu quả hệ thống thông tin tích hợp đáp ứng với yêu cầu của sự quản lý, phát triển của nhà trường cũng như nhu cầu của các bên liên quan [H3.1.3.3.14]. Tuy nhiên việc thực hiện xây dựng hệ thống thông tin tổng thể của Nhà trường để cải tiến hệ thống thông tin tích hợp về giảng viên và người học còn chậm so với tiến độ đề ra

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có hệ thống thông tin tích hợp để thu thập, xử lý dữ liệu về giảng viên và người học của trường
- Tốc độ đường truyền, cấu hình phần cứng có đáp ứng yêu cầu thu thập, xử lý dữ liệu về giảng viên và người học
- Công tác thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học được lưu trữ khoa học, dễ truy cập và sử dụng khá hiệu quả
- Hệ thống máy chủ, đường truyền, phần mềm được bảo dưỡng, bảo trì, cải tiến và nâng cấp thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

- Việc thực hiện xây dựng hệ thống thông tin tổng thể của Nhà trường để cải tiến hệ thống thông tin tích hợp về giảng viên và người học còn chậm so với tiến độ đề ra

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh tiến độ thực hiện xây dựng hệ thống thông tin tổng thể của Nhà trường	Trung tâm CNTT	12/2020	30/12/2021

2		Tiếp tục bảo trì và nâng cấp hệ thống thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học	Trung tâm CNTT	Hàng năm	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học	Phòng TCCB Phòng CTCT&HSSV Trung tâm DVHTSV&QHDN	Hàng năm	Hàng năm

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.3.3:				4			

Chỉ số 1.3.4: Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập; có phương pháp thu thập, phân tích phản hồi và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học.

Nhà trường có Hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan bao gồm người học các bậc, các hệ, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, phụ huynh học sinh, các đối tác của trường về trải nghiệm và tiến bộ học tập của trường [H3.1.3.4.1]. Đối với người học các hệ (chính quy, VLVH, ĐTTX, cao học) nhà trường có hệ thống phản hồi trực tuyến và tiến hành lấy ý kiến người học thông qua phiếu trả lời câu hỏi cuối mỗi học kì về hoạt động giảng dạy cũng như các hoạt động khác của nhà trường và do Phòng Công tác CTCT&HSSV đầu mối chủ trì thực hiện [H1.1.3.4.2]. Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến của học sinh trường THPT chuyên và phụ huynh học sinh của trường Thực hành sư phạm về việc trải nghiệm và tiến bộ học tập học sinh [H3.1.3.4.3]. Tổ chức lấy ý kiến của các đơn vị liên kết đào tạo với nhà trường về công tác đào tạo của Nhà trường [H3.1.3.4.4].

Bên cạnh đó, Trường còn lấy ý kiến đối với cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động hàng năm để thu thập thông tin phản hồi về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, về khả năng đáp ứng thị trường lao động cũng như các ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về chương trình đào tạo [H3.1.3.4.5].

Để thu thập thu thập, phân tích thông tin phản hồi của các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập của người học nhà trường sử dụng hệ thống phần mềm trực tuyến với các bảng hỏi cho từng đối tượng [H3.1.3.4.6]. Bên cạnh đó nhà trường còn thông qua bộ phận truyền thông của Trường để tiếp nhận các thông tin phản hồi của các bên liên quan [H3.1.3.4.7] và Bộ phận Một cửa để giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của người học, trong đó có khiếu nại về kết quả học tập, các khiếu nại có qui trình

thực hiện và được giải đáp trong vòng 30 ngày [H3.1.3.4.8]. Ngoài ra sau mỗi kỳ thi giữa kỳ test online, Nhà trường có thống kê kết quả học tập theo môn học gửi về cho từng cán bộ giảng dạy để nắm được các kết quả học tập của sinh viên cũng như để giảng viên đối chiếu với các mốc chuẩn đầu ra của môn học [H3.1.3.4.9]. Mỗi học kỳ, nhà trường tiến hành tổ chức Hội nghị dân chủ sinh viên, Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và sinh viên, Tổng kết tháng rèn nghề hay tổng kết đợt học kỹ năng, đợt thực tập, kiến tập sư phạm để có thể phản hồi các ý kiến về trải nghiệm và tiến bộ học tập [H3.1.3.4.10].

Sau khi tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan, nhà trường tổ chức tổng kết, viết báo cáo và gửi các kết quả cho các bên liên quan được khảo sát như giảng viên, các đơn vị hành chính trong toàn trường, ban lãnh đạo trường,... làm căn cứ cho việc rà soát, cải tiến các hoạt động của nhà trường [H3.1.3.4.11]. Thông qua đó trường cũng tiến hành rà soát, cải tiến nâng cấp hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập của trường nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan [H3.1.3.4.12].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có Hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập
- Nhà trường thu thập ý kiến của nhiều bên liên quan trong đó có người học và cựu sinh viên
- Trường sử dụng khá đa dạng các phương pháp thu thập, phản hồi và có sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến việc dạy học

3. Điểm tồn tại

- Phần mềm phân tích số liệu khảo sát chưa được hoàn thiện

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện và vận hành tốt phần mềm phân tích số liệu khảo sát	Trung tâm CNTT Trung tâm ĐBCL	10/2020	30/6/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về các bên liên quan	Phòng TCCB Phòng CTCT&HSSV Trung tâm DVHTSV&QHDN	Hàng năm	Hàng năm
3		Sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến việc dạy học	Phòng TCCB Các khoa/Viện đào tạo	Hàng năm	Hàng năm

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.3.4:				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 3

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.3.1					5		
Chỉ số 1.3.2					5		
Chỉ số 1.3.3				4			
Chỉ số 1.3.4				4			
Điểm tiêu chí 3	4.5						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 1

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 1	5.0
2	Tiêu chí 2	4.3
3	Tiêu chí 3	4.5
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		4.61

Tiêu chuẩn 2

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 4: Phát triển chương trình

2.4.1. Các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Công tác xây dựng, rà soát, phát triển, điều chỉnh CTĐT, chương trình bồi dưỡng của Trường đều được tiến hành trên cơ sở của sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường, dựa trên chuẩn nghề nghiệp giáo viên; yêu cầu về năng lực giáo viên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và nhiệm vụ được giao, luôn được kiểm soát để phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, mục tiêu chiến lược của Nhà trường cũng như khung trình độ năng lực quốc gia. Mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình của tất cả các ngành đào tạo giáo viên đã phản ánh được sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Trên cơ sở Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông và các văn bản của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng trường, Nhà trường đã ban hành các quy định, quy trình về xây dựng, phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng. Khi triển khai xây dựng mới, hay rà soát điều chỉnh CTĐT, CTBD Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị căn cứ vào sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục mục tiêu chiến lược của nhà trường để xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung chương trình [H2.2.4.1.01]

Từ 2015 trở về trước, việc xây dựng và phát triển CTĐT được Nhà trường thực hiện theo quy trình được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Đến năm 2016, Nhà trường đã thực hiện đề án xây dựng các chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO. Các chương trình được triển khai xây dựng dựa theo nguyên lý thiết kế theo các quy trình chuẩn hóa của CDIO.

Để không ngừng cải tiến chương trình nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường hoạt động thiết kế/phát triển, thẩm định, giám sát và điều chỉnh CTĐT, đặc biệt là phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO, ngay từ năm 2017, Nhà trường đã thành lập Ban nghiên cứu lý luận và phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO với 13 thành viên. Năm 2018, Ban được bổ sung thêm các thành viên mới. Đến năm 2020, Ban được kiện toàn với 13 thành viên. Ban nghiên cứu lý luận và phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO có trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng hoạch định chiến lược, xây dựng và cải tiến các quy trình xây dựng và phát triển CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội. [H2.2.4.1.02].

Từng bước cải tiến quy trình xây dựng và phát triển CTĐT, tại Hội nghị Trưởng bộ môn năm học 2019-2020, Hiệu trưởng Nhà trường đã chỉ đạo ban hành rà soát lại quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, giám sát và điều chỉnh CTĐT. Theo đó, sau

khi rà soát, Nhà trường đã ban hành Quy định xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy kèm theo Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV và Kế hoạch phát triển CTĐT giai đoạn 2020-2022. Đây là các văn bản pháp lý để Nhà trường triển khai rà soát, phát triển, thẩm định, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo đại học hệ chính quy và vừa làm vừa học cho giai đoạn tiếp theo [H2.2.4.1.03]. Để nâng cao chất lượng của việc cải tiến chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, năm 2020 Nhà trường đã tổ chức tổng kết 4 năm triển khai xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo theo tiếp cận CDIO. Tại Hội nghị này Nhà trường đã đánh giá lại quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, giám sát và điều chỉnh CTĐT, đó là những căn cứ để cải tiến quy trình cũng như công tác tổ chức thực hiện. [H2.2.4.1.04]. Thực hiện Kết luận của Hội nghị, Nhà trường đã chỉ đạo Phòng Đào tạo, Ban nghiên cứu Lý luận và phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO nghiên cứu ban hành Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo tiếp cận CDIO năm học 2020 - 2021 và thành lập các Ban rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo tiếp cận CDIO năm học 2020 - 2021. Mục đích rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các CTĐT tiếp cận CDIO theo hướng tăng cường thời lượng để người học phát triển kỹ năng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục của Nhà trường, khung trình độ quốc gia và định hướng tiệm cận với một số CTĐT quốc tế. Để thực hiện kế hoạch đề ra, năm 2020, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn rà soát, mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT [H2.2.4.1.05].

Về các chương trình bồi dưỡng, từ năm 2017 đến nay, Trường tham gia thực hiện bồi dưỡng giáo viên cốt cán cho các địa phương theo kế hoạch, chương trình và tài liệu do Ban quản lý Etep quy định [H2.2.4.1.06].

Đối với các CTĐT bậc sau đại học do chưa ban hành được quy định của Trường nên việc phát triển, rà soát, cập nhật vẫn thực hiện theo các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.2.4.1.07].

Cho đến nay, việc thiết kế/ phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh CTĐT và chương trình bồi dưỡng của trường luôn thực hiện theo quy trình đã được ban hành. Hiện tại, Nhà trường đã có đầy đủ CTĐT cho 14 ngành đào tạo giáo viên và 1 ngành Quản lý giáo dục, gồm: Sư phạm Toán học, Sư phạm Tin học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hoá học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Tiếng Anh, Giáo dục chính trị, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Quản lý giáo dục. Các chương trình đào tạo có cấu trúc hợp lý, được thiết kế, xây dựng và phát triển theo định hướng tiếp cận CDIO, tuân thủ các quy định của Bộ GD-ĐT, đảm bảo tính khoa học, liên thông và đáp ứng các tiêu chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông. [H2.2.4.1.08].

Mặc dầu, Nhà trường đã có các quy trình về xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học, CTBD nhưng sự tham gia của các bên liên quan và quá trình xây dựng cũng như rà soát điều chỉnh quy trình xây dựng và phát triển CTĐT, CTBD còn chưa nhiều.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học và các CTBD.

Các quy trình được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý, khoa học và đảm bảo gắn kết với sứ mệnh, tầm nhìn, và mục tiêu của Trường.

Các quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học và các CTBD của Nhà trường được định kỳ rà soát, cập nhật và phát triển.

3. Điểm tồn tại

Sự tham gia của các nhà tuyển dụng, đại diện của các cơ quan quản lý giáo dục, nhà tuyển dụng giáo viên vào xây dựng quy trình phát triển CTĐT, CTBD giáo viên của Nhà trường còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường sự tham gia của các bên liên quan vào xây dựng và cải tiến quy trình phát triển CTĐT và chương trình bồi dưỡng.	Phòng ĐT TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện TT ĐBCL TT HTSV&QHDN	02/01/2021	12/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cải tiến quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh CTĐT, CTBD gắn kết với sứ mệnh, tầm nhìn, và mục tiêu của Trường	Phòng Đào tạo	02/01/2021	12/2021
		Huy động tối đa sự tham gia của các nhà khoa học, các chuyên gia xây dựng chương trình vào quá trình cải tiến quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh CTĐT đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ GD-ĐT.	Phòng Đào tạo	02/01/2021	12/2021
		Xây dựng CTĐT bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt hơn nữa đáp ứng nhu cầu của xã hội	Phòng Đào tạo	02/01/2020	12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.4.1				4			

Chỉ số 2.4.2. Các CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên được phát triển đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng giáo viên của Nhà trường được thiết kế đảm bảo tính hệ thống, theo quy trình về việc xây dựng CTĐT, trong đó bắt buộc có khảo sát việc lấy ý kiến các bên liên quan. Thông qua việc tiến hành khảo sát, xử lý và sử dụng số liệu khảo sát các bên liên quan về các chương trình đào tạo nhà trường đã xây dựng CDR, khung năng lực, đề cương chi tiết và hằng năm có những điều chỉnh CTĐT kịp thời để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H2.2.4.2.01].

Các CTĐT của Nhà trường đều được xây dựng theo hướng liên thông giữa các loại hình đào tạo, phương thức đào tạo và giữa các trình độ đào tạo, bao gồm: Liên thông giữa trình độ đào tạo từ cao đẳng lên đại học; liên thông giữa các khối kiến thức của các ngành đào tạo (kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, ...); liên thông với các ngành đào tạo của các trường đại học khác. [H2.2.4.2.02].

Trường Đại học Vinh đào tạo nhiều ngành, nhiều hệ, có các hình thức đào tạo đa dạng và phong phú. Ngoài hệ đào tạo giáo viên trình độ đại học chính qui, để đáp ứng nhu cầu của các địa phương, Nhà trường đã liên kết với các cơ sở giáo dục trong khu vực và một số tỉnh, thành trong cả nước với loại hình đào tạo thường xuyên và giáo dục từ xa, đào tạo và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên đại học, đào tạo và cấp chứng chỉ chức danh nhà giáo, ... [H2.2.4.02.03].

Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, các qui trình xây dựng CTĐT giáo viên của Nhà trường đề cao việc hỗ trợ người học đạt được những năng lực đáp ứng yêu cầu của người giáo viên, giúp Nhà trường hoàn thành sứ mệnh đào tạo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục phổ thông mới. Từ năm 2018, Nhà trường đã tăng cường phối hợp với các trường phổ thông, mầm non, các giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông, triển khai ký kết thỏa thuận xây dựng mạng lưới vệ tinh với 03 Sở GD&ĐT Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh [H2.2.4.2.04]. Đặc biệt, năm 2020, Trường đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Công ty FCE Việt Nam đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên và ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với 12 trường phổ

thông thuộc trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và thành phố Vinh tạo môi trường sinh hoạt học thuật cho giảng viên và sinh viên, tạo sự kết nối giữa hoạt động đào tạo của trường đại học với các trường phổ thông đảm bảo các kỹ năng của sinh viên được rèn luyện đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp CTĐT. [H2.2.4.2.05].

Số liệu khảo sát các bên liên quan về các chương trình đào tạo được Nhà trường sử dụng để xác định CDR, khung năng lực, đề cương chi tiết và kiểm tra đánh giá. Các CTĐT của Nhà trường đều được xây dựng theo hướng liên thông giữa các loại hình đào tạo, phương thức đào tạo và giữa các trình độ đào tạo. [H2.2.4.2.06].

Các CTĐT giáo viên đều được thiết kế thống nhất với thời lượng 132 tín chỉ (từ năm học 2016-2017 trở về trước) và 125 tín chỉ từ năm học 2017-2018 trở đi (năm 2019 tăng lên 126 tín chỉ do tăng 01 tín chỉ môn lý luận chính trị), thời gian đào tạo 4 năm. Cấu trúc CTĐT giáo viên thể hiện được các khối kiến thức đại cương (khoảng 30%), kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành (khoảng 70%). Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra cần đạt được, cũng như phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần đó. CTĐT giáo viên của trường đáp ứng linh hoạt nhu cầu nguồn nhân lực giáo viên, được các Sở Giáo dục - Đào tạo, các trường phổ thông, các nhà tuyển dụng và người học sau khi tốt nghiệp đánh giá cao. Các CTBD được thiết kế dựa vào các quy định của các cấp có thẩm quyền và dựa vào đặt hàng của các cơ sở giáo dục, cũng như nhu cầu của các bên liên quan. Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến về nhu cầu bồi dưỡng của người học để làm cơ sở thiết kế, điều chỉnh các CTBD đảm bảo tính hệ thống, tính nhất quán và phù hợp với nhu cầu của các đối tượng được bồi dưỡng. [H2.2.4.2.07]

Năm 2020, Nhà trường đã xây dựng và triển khai Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT hệ chính quy tiếp cận CDIO, với mục đích rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các CTĐT tiếp cận CDIO theo hướng tăng cường thời lượng để người học phát triển kỹ năng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục của Nhà trường, khung trình độ quốc gia và định hướng tiệm cận với một số CTĐT quốc tế. [H2.2.4.2.08]

Để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng hội nhập với quốc tế và nâng cao năng lực ngoại ngữ cho người học đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp, bên cạnh các quy định về chuẩn đầu ra của CTĐT, từ năm 2019, Trường đã triển khai xây dựng, phát triển và tổ chức đào CTĐT ngành Sư phạm Toán học hệ Chất lượng cao trình độ đại học giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh và một số môn học của các ngành sư phạm khác như sư phạm Hóa học, Sinh học được giảng dạy bằng tiếng Anh. Năm 2020, Nhà trường cũng đã triển khai thí điểm đào tạo chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh hệ Chất lượng cao. [H2.2.4.2.09]

Đối với CTBD, Trường đã nghiên cứu, phân tích nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên và CBQL ở các CSGD phổ thông trong từng giai đoạn để thiết kế CTBD mới cũng như điều chỉnh các CTBD hiện hành nhằm đáp ứng nhu cầu của họ phù hợp với những thay đổi trong giáo dục, cũng như xu hướng xã hội, đặc biệt các CTBD đáp ứng CTPT2018. Từ đó thiết kế nội dung các CTBD phục vụ nhu cầu BD của GV và CBQL các CSGD phổ thông. Cụ thể năm 2020, Trường đã xây dựng được các chương trình, tài liệu BD như: Tài liệu phát triển chương trình giáo dục nhà trường cấp Tiểu học, cấp THCS, cấp THPT; Tài liệu Nâng cao năng lực giảng dạy thực hành - thí nghiệm môn khoa học tự nhiên cho giáo viên THCS một số tỉnh Bắc Trung Bộ đáp ứng yêu cầu chương trình phổ thông 2018; Tài liệu hướng dẫn Thiết kế nội dung chủ đề và hướng dẫn dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lý cấp trung học cơ sở trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; Tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông của các trường về tinh về kỹ năng sư phạm để thiết kế bài giảng, thực hành môn học theo Chương trình GDPT 2018 và Sách Giáo khoa được lựa chọn; Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý về Quản trị nhà trường Tiểu học, THCS, THPT; Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên về Văn hóa nhà trường Tiểu học, THCS, THPT,... [H2.2.4.2.10]

Trước khi ban hành CTĐT, CTBD nhà trường đã gửi các tài liệu tới các bên liên quan, tổ chức các hội nghị tham vấn để xin ý kiến góp ý. Ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT, CTBD đã được Nhà trường tiếp nhận, phân tích và sử dụng chỉnh sửa bổ sung và hoàn thiện CTĐT, CTBD của Nhà trường. [H2.2.4.2.11]

Ngoài ra, các bên liên quan còn được Nhà trường mời tham gia vào hội đồng thẩm định và nghiệm thu các CTĐT, CTBD [H2.2.4.2.12].

Tuy nhiên, việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT và CTBD chưa được triển khai trên diện rộng, đặc biệt đối với CTĐT Sau đại học. Vì vậy, từ năm 2021 Nhà trường sẽ triển khai xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT và CTBD trên phạm vi rộng hơn.

2. Điểm mạnh

- CTĐT và CTBD của Nhà trường được xây dựng và phát triển theo quy trình do đó đảm bảo tính thống nhất và nhất quán.

- Quá trình xây dựng và phát triển các CTĐT trình độ đại học và CTBD đều có sự tham gia tích cực của các bên liên quan, do vậy CTĐT và CTBD của Nhà trường đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT và CTBD ở phạm vi hẹp, đặc biệt đối với CTĐT Sau đại học.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng phạm vi khảo sát và tăng số lượng khảo sát các bên liên quan về CTĐT, CTBD, đặc biệt đối với CTĐT SDH.	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện TT ĐBCL TT HTSV&QHDN	02/01/2021	31/12/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến quy trình xây dựng và phát triển CTĐT, CTBD đảm bảo tính thống nhất, tính nhất quán	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện TT ĐBCL TT HTSV&QHDN	02/01/2021	31/12/2021
		Phân tích, sử dụng dữ liệu góp ý của các bên liên quan để không ngừng cải tiến CTĐT, CTBD ngày càng linh hoạt hơn đáp ứng nhu cầu của xã hội	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện TT ĐBCL TT HTSV&QHDN	02/01/2021	31/12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.4.2				4			

2.4.3. Chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được định kì rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan.

1. Mô tả

Để cung cấp nguồn nhân lực phù hợp với thực tiễn xã hội, thế giới việc làm, Đảng ủy Trường đã ban hành Nghị quyết về việc đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương và xã hội. Đây là văn bản pháp lý để Nhà trường chỉ đạo các đơn vị trong toàn trường tổ chức thực hiện có hiệu quả. Hằng năm nhà trường chỉ đạo các đơn vị tổ chức rà soát, chỉnh sửa CTĐT, CTBD dựa trên ý kiến tham vấn của các bên liên quan. Từ năm 2015 trở về trước, việc rà soát, cập nhật CTĐT được Nhà trường

thực hiện dựa vào các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2016, Nhà trường triển khai đào tạo theo tiếp cận CDIO, theo đó, để CTĐT đáp ứng được yêu cầu xã hội, Nhà trường đã chỉ đạo các ngành đào tạo khảo sát nhu cầu của các bên liên quan để xây dựng Mục tiêu, Chuẩn đầu ra, Khung năng lực và Chương trình đào tạo của tất cả các ngành đào tạo. [H2.2.4.3.01].

Năm 2018, sau 2 năm triển khai đào tạo theo tiếp cận CDIO, nhận thấy CTĐT các ngành sư phạm theo tiếp cận CDIO phiên bản đầu tiên có một số nội dung chưa hợp lý, vì vậy Nhà trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan để chỉ đạo các đơn vị tổ chức rà soát, bổ sung, chỉnh sửa CTĐT. [H2.2.4.3.02].

Năm 2019, để đảm bảo việc cải tiến CTĐT được diễn ra thường xuyên, liên tục đáp ứng nhu cầu các bên liên quan và sự thay đổi của tiến bộ xã hội, Nhà trường đã ban hành Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT. Quy định đã ghi rõ: “Ít nhất 2 năm một lần, Trưởng các khoa/viện phải tổ chức đánh giá CTĐT theo quy định từ bước 1 đến bước 4 của Quy trình cập nhật, đánh giá, phát triển CTĐT”, đồng thời việc rà soát điều chỉnh CTĐT phải dựa vào “những thay đổi trong quy định của nhà nước, của nhà trường về CTĐT; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến CTĐT; phản hồi của các bên liên quan”. [H2.2.4.3.03].

Năm 2020, thực hiện Quy định về Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị tổng kết 4 năm xây dựng và phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO. Hội nghị đã đánh giá lại kết quả 4 năm triển khai xây dựng và tổ chức đào tạo CTĐT theo tiếp cận CDIO và mức độ đáp ứng của CTĐT với nhu cầu nghề nghiệp của các bên liên quan. Từ đó, Nhà trường tiếp tục ban hành Kế hoạch rà soát, điều chỉnh tổng thể các CTĐT cho năm học 2020-2021. [H2.2.4.3.04].

Một điểm nổi bật, Nhà trường có hệ thống các trường phổ thông, mầm non vệ tinh và Trường THPT Chuyên, Trường Thực hành sư phạm. Hệ thống các trường phổ thông này không chỉ là nơi để sinh viên thực hành nghề nghiệp, rèn luyện tay nghề song song với việc học lý thuyết, mà còn là những địa chỉ tin cậy tham vấn giúp Nhà trường cải tiến CTĐT, CTBD. [H2.2.4.3.05].

Bên cạnh đó, việc rà soát, điều chỉnh CTĐT

Tuy nhiên, hoạt động rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung CTĐT đối với bậc sau đại học với sự tham gia của các bên liên quan chưa được triển khai thường xuyên.

2. Điểm mạnh

- Các CTĐT, CTBD của Nhà trường đều được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên các quy trình, kế hoạch.

- Quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh và phát triển các CTĐT, CTBD của Nhà trường đều có sự tham gia của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

- Sự tham gia của các bên liên quan về việc điều chỉnh CTĐT sau đại học chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh và phát triển các CTĐT sau đại học thường xuyên	Phòng ĐT SDH TT HTSV-QHDN Khoa/viện		Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cải tiến và phát triển CTĐT, CTBD theo quy định của Trường.	Phòng ĐT TT BDNVSP TT ĐBCL TT HTSV-QHDN Khoa/viện		Hàng năm
		Tăng cường tổ chức các Hội nghị tham vấn các bên liên quan về CTĐT, CTBD thường xuyên.	Phòng ĐT TT BDNVSP TT ĐBCL TT HTSV-QHDN Khoa/viện		Hàng năm

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 2.4.3				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 4

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 2.4.1				4			
Chỉ số 2.4.2.				4			
Chỉ số 2.4.3.				4			
Điểm tiêu chí 4	4.0						

Tiêu chí 5: Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện

Chỉ số 2.5.1. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế.

1. Mô tả

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2013 của BCHTW Đảng khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện GD&ĐT đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Nhà trường đã thường xuyên tổ chức rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTBD. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTBD được thực hiện theo quy trình: từ rà soát, điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra, đến lựa chọn nội dung CTĐT, CTBD, các môn học đáp ứng chuẩn đầu ra. Rà soát xây dựng chuẩn đầu ra CTĐT, CTBD được nhà trường thực hiện dựa vào Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông, Điều lệ trường phổ thông, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về CTĐT, CTBD. [H2.2.5.1.01]. Để rà soát, điều chỉnh, xây dựng mới CDR, CTĐT, CTBD nhà trường đều có đầy đủ các văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện. Đặc biệt, Nhà trường đều tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mục tiêu, chuẩn đầu ra, CTĐT, CTBD nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay, phù hợp với các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế. Quá trình xây dựng, rà soát, phát triển CTĐT, CTBD Nhà trường đều chỉ đạo các khoa/viện đối sánh với mục tiêu, CDR, nội dung các chương trình tiên tiến trong nước và quốc tế. Mặt khác, bên cạnh việc tổ chức tham vấn và lấy ý kiến các bên liên quan, Nhà trường còn dựa vào nhu cầu, đơn đặt hàng về đào tạo, bồi dưỡng của các địa phương, các sở giáo dục và đào tạo. Do đó, nội dung các CTĐT, CTBD được xây dựng, rà soát, điều chỉnh đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế. [H2.2.5.1.02].

Nhà trường đều có kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá nội dung CTĐT, chương trình bồi dưỡng. Kết quả quá trình cải tiến CTĐT, CTBD thể hiện tính khoa học, hiện đại, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế. Bên cạnh đó, tùy vào tình hình thực tế của bối cảnh, cũng như thực tiễn giáo dục, các ngành đào tạo đều có những điều chỉnh về CTĐT, chương trình môn học [H2.2.5.1.03].

Để không ngừng cải tiến nội dung CTĐT, CTBD đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp

các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế, năm 2020, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị tổng kết 4 năm đào tạo theo tiếp cận CDIO, nhằm đánh giá toàn diện thực trạng quá trình xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy theo tiếp cận CDIO sau 4 năm triển khai thực hiện, đồng thời chỉ đạo các đơn vị tiếp tục xây dựng các giải pháp cải tiến chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra, bối cảnh thực tiễn của nghề nghiệp. Từ đó Nhà trường đã ban hành Kế hoạch phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO giai đoạn 2020 - 2022, trên cơ sở đó Nhà trường đã ban hành các văn bản cụ thể về rà soát, phát triển CTĐT từ mục tiêu, chuẩn đầu ra, CTĐT, Chương trình chi tiết môn học. [H2.2.5.1.04].

Để khẳng định về chất lượng đào tạo, nội dung chương trình và các điều kiện đảm bảo, Nhà trường đã thực hiện quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo theo các bộ tiêu chuẩn chất lượng quốc gia và quốc tế. [H2.2.5.1.05].

Năm 2020, Nhà trường đã triển khai nhiều CTBD để phục vụ cho bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông. Nội dung các CTBD được nhà trường xây dựng phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông, phục vụ cho đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình tổ chức bồi dưỡng Nhà trường đã khảo sát ý kiến phản hồi của người học để có thêm cơ sở cho các cải tiến điều chỉnh tiếp theo. Trường đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác bồi dưỡng vào cuối tháng 12/2020 với sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt với sự tham gia đông đảo đội ngũ giáo viên cốt cán, cán bộ quản lý các trường phổ thông, các phòng giáo dục, sở giáo dục 3 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và Thanh Hóa. Tại hội nghị bên cạnh nội dung tổng kết công tác bồi dưỡng năm 2020, Nhà trường còn thu thập thêm ý kiến đánh giá và góp ý về dự thảo kế hoạch bồi dưỡng của Nhà trường triển khai năm 2021. [H2.2.5.1.06].

Mặc dầu, việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTĐT, CTBD đã được nhà trường chỉ đạo các khoa/viện triển khai thực hiện hằng năm, tuy nhiên, quy mô khảo sát lấy các ý kiến các bên liên quan để cải tiến quy trình chưa được thực hiện đồng bộ giữa các ngành đào tạo.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng CDR CTĐT, CTBD dựa trên các văn bản, quy định của Nhà nước, Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông, khung trình độ quốc gia, từ đó lựa chọn các nội dung để xây dựng CTĐT, CTBD, do đó nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế, phản ánh sự phát triển của xã hội và mong đợi của các bên liên quan.

Các học phần/mô-đun trong CTĐT, chương trình bồi dưỡng phải có chuẩn đầu ra liên quan chặt chẽ đến chuẩn đầu ra của chương trình, có nội dung, phương pháp học tập và đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần/mô-đun.

Nhà trường có kế hoạch định kỳ rà soát, cải tiến CTĐT, CTBD dựa trên ý kiến khảo sát các bên liên quan, đồng thời cũng tổ chức rà soát điều chỉnh nhỏ về CTĐT, CTBD dựa vào sự thay đổi của bối cảnh thực tế nghề nghiệp của địa phương, khu vực và thế giới.

3. Điểm tồn tại

Quy mô khảo sát lấy các ý kiến các bên liên quan để cải tiến quy trình chưa được thực hiện đồng bộ giữa các ngành.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Yêu cầu các ngành có kế hoạch tổ chức triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan một cách đồng bộ.	- Phòng đào tạo. - Các Khoa/viện - Phòng đào tạo SDH - Trung Tâm BDNVSP - Trung tâm GDTX	9/2019	9/2020
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát, cải tiến quy trình XD và PT CTĐT, CTBD dựa trên các yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp, nhằm đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của các bên liên quan, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế, phản ánh sự phát triển của xã hội và mong đợi của các bên liên quan.	- Phòng đào tạo. - Các Khoa/viện - Phòng Đào tạo SDH - Trung Tâm BDNVSP - Trung tâm GDTX	9/2019	9/2020

	Tiếp tục cải tiến nội dung CTĐT, CTBD, phương pháp học tập và đánh giá kết quả học tập người học phù hợp với chuẩn đầu ra	- Phòng đào tạo. - Các Khoa/viện - Phòng Đào tạo SDH - Trung Tâm BDNVSP - Trung tâm GDTX	9/2019	9/2020
--	---	--	--------	--------

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.1				4			

Chỉ số 2.5.2. Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học.

1. Mô tả

Các chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ GD&ĐT, theo 12 tiêu chuẩn CDIO, đảm bảo tính hợp lý và cân đối về kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp; giữa lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập; kiến thức bắt buộc, tự chọn, chuyên ngành hẹp đảm bảo cho sinh viên có đủ kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các kỹ năng nghề nghiệp. Các chủ đề chuẩn đầu ra chương trình đào tạo về phát triển năng lực cho người học được phân nhiệm cho các môn học theo chuỗi logic từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, giúp hình thành đầy đủ các năng lực nghề nghiệp cho người học. Dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, sự góp ý của các bên liên quan và nhu cầu thực tiễn, Nhà trường đã có các văn bản hướng dẫn về xây dựng CTĐT, CTBD theo tiếp cận theo năng lực, thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có sự hiểu biết toàn diện, có đầy đủ các năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học [H2.2.5.2.01].

CTĐT các ngành được xây dựng có cấu trúc gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp. Phương thức đào tạo kết hợp trực tuyến và trực tuyến.

CTĐT được xây dựng trên cơ sở tăng cường kỹ năng nghề nghiệp như tăng thời lượng thực hành, thực tập và có sự tham gia giảng dạy của các cán bộ có kinh nghiệm trong và ngoài trường. Trong đó khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm chiếm khoảng 25% khối lượng chương trình đào tạo với thời gian tiếp xúc trực tiếp sâu với các trường phổ thông là 03 lần: nhập môn ngành sư phạm, kiến tập, thực tập [H2.2.5.2.02].

Để đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất nghề nghiệp, các CTĐT đều có tỷ lệ lý thuyết/ thực hành được xác định hợp lý.

Các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cũng được Nhà trường chú trọng như: Tổ chức tháng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP); Hội thi NVSP; Kiến tập và thực tập sư phạm là điều kiện tốt để sinh viên học hỏi, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống sư phạm thực tế nhằm nâng cao kiến kỹ năng về nghiệp vụ sư phạm và phát triển năng lực chuyên môn, các kỹ năng mềm cho người học một cách toàn diện. [H2.2.5.2.03].

Hàng năm, Nhà trường đều xin ý kiến các bên liên quan về tính hợp lý giữa tỷ lệ lý thuyết và thực hành trong CTĐT thông qua các hình thức khảo sát, hội nghị tham vấn để Nhà trường có căn cứ rà soát, điều chỉnh. Chương trình bồi dưỡng được xây dựng với tham gia/tham vấn của các Sở GD-ĐT, các cán bộ quản lý trường phổ thông. đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành thảo luận, bài tập đáp ứng các yêu cầu cần thiết của chương trình bồi dưỡng ngắn hạn. Khi tham gia các khóa bồi dưỡng, học viên đều có đầy đủ tài liệu học tập, nghiên cứu [H2.2.5.2.04].

Căn cứ vào ý kiến góp ý của các bên liên quan, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến CTĐT, CTBD, trong đó có quy định cụ thể cách tính tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành CTĐT, CTBD. [H2.2.5.2.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có các văn bản hướng dẫn về xây dựng CTĐT, CTBD theo tiếp cận theo năng lực, thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có sự hiểu biết toàn diện, có đầy đủ các năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học.

Các CTĐT và CTBD có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống. Các chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ GD - ĐT, theo 12 tiêu chuẩn CDIO, đảm bảo tính hợp lý và cân đối về kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp; giữa lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập. Hàng năm, các ngành đều có điều chỉnh tỷ lệ lý thuyết, thực hành dựa trên các ý kiến các bên liên quan để đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học.

Các CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên góp ý của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

- Việc lấy ý kiến các bên liên quan về tỷ lệ lý thuyết/thực hành của CTBD chưa được thực hiện trên diện rộng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1	Khắc phục tồn tại	<u>Mở rộng phạm vi lấy ý kiến các bên liên quan về tỷ lệ lý thuyết/thực hành của CTĐT.</u>	Phòng ĐT TT BDNVSP Khoa/viện		Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát cải tiến CTĐT các ngành sư phạm theo CDIO	Phòng ĐT Phòng KH & HTQT TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện TT ĐBCL		Hằng năm
		Tiếp tục tăng cường tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT, CTBD. Đặc biệt chú trọng tính hợp lý về tỷ lệ lý thuyết/thực hành của các CTĐT.	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện		Hằng năm

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.2				4			

Chỉ số 2.5.3. Việc phân bổ các học phần đảm bảo tính hợp lý, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học.

1. Mô tả

Nhà trường đã có các văn bản hướng dẫn về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, trong đó đều quy định rõ về việc phân chia các khối lượng kiến thức, phân bổ các học phần trong cấu trúc chương trình và kế hoạch học tập đảm bảo tính hợp lý, sinh viên có thể lựa chọn linh hoạt tùy theo nhu cầu, cũng như định hướng kiến thức, kỹ năng dựa trên năng lực của người học. Các CTĐT đều được thiết kế với khối lượng là 125 tín chỉ và được phân bổ thời gian là 4 năm (8 học kì); chương trình đào tạo có tính liên thông giữa các ngành, các khóa để người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập, tạo điều kiện cho người học lựa chọn học cùng lúc 2 chương trình; Sinh viên đăng ký học rất linh hoạt, có thể đăng ký học vượt, học lại, học cải thiện điểm hết sức thuận lợi; Trong mỗi học kì, nhà trường và các khoa/viện mở đủ số lớp

học phần để sinh viên lựa chọn đăng kí học tùy vào năng lực và thời gian của mình [H2.2.5.3.01].

Các học phần được phân bổ hợp lý để sinh viên chủ động trong việc đăng kí học và theo dõi kết quả tích lũy học tập, học cùng lúc 2 chương trình, học vượt, học lại, học cải thiện điểm, học chuyển đổi.... Nhà trường đã có quy định cụ thể để giúp người học lựa chọn kế hoạch học tập linh hoạt, có thể chủ động thay đổi kế hoạch học tập trong thời gian cho phép và đều được các khoa, viện và Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi. Bên cạnh đó, hệ thống Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên quan tâm hỗ trợ để người học có thể sắp xếp kế hoạch học tập một cách linh hoạt nhất. [H2.2.5.3.02].

CTĐT được thiết kế gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Các học phần tự chọn đều được phân bổ đều cho các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần tự chọn được thiết kế tạo phòng rộng cho người học lựa chọn để phát triển phẩm chất, kỹ năng, mở rộng hiểu biết, phục vụ cho nghề nghiệp của bản thân.

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT, trong đó có khảo sát về việc phân bổ các học phần trong cấu trúc chương trình và kế hoạch đào tạo. [H2.2.5.3.03].

Căn cứ vào ý kiến đóng góp của các bên liên quan, tình hình thực tế, định kỳ Nhà trường đã ban hành các kế hoạch cải tiến quy định của trường về việc phân bổ các học phần trong cấu trúc chương trình và kế hoạch đào tạo. Các ngành, khoa/viện gửi tờ trình đề xuất Nhà trường điều chỉnh CTĐT, CTBD, chương trình chi tiết môn học. [H2.2.5.3.04].

Đối với CTĐT đào tạo hệ vừa làm, vừa học, CTĐT trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và các CTBD, từ năm 2020 Nhà trường đã triển khai đào tạo eLearning, giúp cho người học có thể bố trí thời gian học tập một cách dễ dàng, linh hoạt, học tập mọi lúc, mọi nơi. [H2.2.5.3.05].

2. Điểm mạnh

Các CTĐT và CTBD được Nhà trường xây dựng có các học phần phân bổ hợp lý, nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học.

Các CTĐT và CTBD được định kì rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung dựa trên ý kiến đóng góp của các bên liên quan và thực tiễn tổ chức đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học, giúp người học thích ứng tốt hơn với sự thay đổi không ngừng trong thực tế của bên sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa triển khai đào tạo eLearning đối với các CTĐT trình độ đại học hệ chính quy.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
----	-----	----------	----------------------------	------------------------

	tiêu			Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, cải tiến CTĐT và CTBD giáo viên đảm bảo các sự phân bổ các học phần hợp lý hợp lý, đáp ứng linh hoạt nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học, chú trọng sự tham gia của các bên liên quan.	- Phòng đào tạo. - Các Khoa/viện - Phòng đào tạo SDH - Trung Tâm BDNVSP - Trung tâm GDTX		
2	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu giải pháp triển khai đào tạo eLearning đối với các CTĐT trình độ đại học hệ chính quy.	- Phòng đào tạo. - Các Khoa/viện - Trung Tâm BDNVSP		

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.3				4			

Chỉ số: 2.5.4. Việc tổ chức thực hiện chương trình tích hợp/bao quát được nhiều tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

1. Mô tả

Các CTĐT, CTBD của Nhà trường được xây dựng trên các văn bản của Bộ GD&ĐT, các quy định của Trường, do đó, các CTĐT, CTBD đảm bảo tính tích hợp, bao quát được các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông, cụ thể: Các CTĐT, CTBD giáo viên được thiết kế với các khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức về rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Trong đó khối kiến thức rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp được thiết kế gồm nhiều học phần kỹ năng sư phạm như: Tâm lý học, Giáo dục học, Nhập môn ngành sư phạm, Giao tiếp sư phạm, Phương pháp tổ chức dạy học ở trường phổ thông, Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục ở trường phổ thông, Thực hành phương pháp dạy học bộ môn, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, Kiến tập sư phạm, Thực tập sư phạm,... Chương trình các môn học rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp đã bao quát được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông. [H2.2.5.4.01]

Đồng thời để người học rèn luyện được các kỹ năng nghề nghiệp, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn, kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động ở tại trường và tại các trường phổ thông, giúp người học làm quen và thực hành với thực tiễn các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông. [H2.2.5.4.02].

Trường Đại học Vinh có Trường THPT Chuyên và Trường Thực hành sư phạm, đây là 2 địa điểm Nhà trường tổ chức cho người học rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp thường xuyên. Nhà trường cũng đã tổ chức cho người học hỗ trợ, trợ giảng cho các giáo viên trường THPT Chuyên trong các hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm. Bên cạnh đó, Nhà trường có hệ thống trường phổ thông vệ tinh, hằng năm tổ chức cho người học học tập và rèn luyện để nâng cao kỹ năng, cũng như thực hành với các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông. [H2.2.5.4.03].

Việc phân bổ hợp lý các môn học trong CTĐT từ học kỳ đầu đến học kỳ cuối, mỗi học kỳ đều có ít nhất 01 môn học giúp người học thường xuyên được rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho bản thân và thực hành với các tình huống thực tiễn nghề nghiệp. Trên cơ sở CTĐT toàn khóa, kế hoạch dạy học từng năm, từng học kỳ, Nhà trường, các khoa/viện/ngành đã bố trí các giảng viên có kinh nghiệm đảm nhận các môn học về rèn luyện tay nghề. Do đó, người học vừa được làm việc với tiếp thu được các tình huống thực tiễn vừa học hỏi kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên có kiến thức và kỹ năng tốt. [H2.2.5.4.04].

Các hoạt động không thể thiếu trong việc tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ, bao bao quát được nhiều tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông được Nhà trường thực hiện thường xuyên, đó là tổ chức Tháng Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và Hội thi Nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Đây là chùm các hoạt động được Nhà trường tổ chức từ tháng 10 đến hết tháng 12 hằng năm để giúp sinh viên luyện tập các tình huống thực tiễn trong dạy học, giáo dục, tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế,... đồng thời vinh danh ngày Nhà giáo Việt nam 20-11. Thông qua các hoạt động này, đội ngũ giảng viên không những là người cố vấn, hỗ trợ cho người học tổ chức hoạt động, mà họ còn được học hỏi, nghiên cứu, được thực hành nhiều hơn các kỹ năng, các tình huống thực tiễn. Để thực hiện tốt các hoạt động này, Nhà trường đều có đầy đủ các văn bản, kế hoạch chỉ đạo, tổ chức thực hiện, cũng như sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả [H2.2.5.4.05].

Một hoạt động giúp đội giảng viên tiếp cận, nắm bắt nhiều hơn với các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông, đồng thời giúp Nhà trường có được những phản hồi tốt nhất để cải tiến CTĐT, tổ chức dạy học, đó là hằng năm Nhà trường đều cử giảng viên biệt phái về tham gia

sinh hoạt chuyên môn, tham gia giảng dạy, thực hiện chương trình đào tạo tại trường phổ thông, trường THPT Chuyên và Trường THSP; mỗi giảng viên phải có kết nối ít nhất với 05 trường phổ thông để nắm tiếp cận với các hoạt động của Nhà trường phổ thông và cập nhật các tình huống mới trong hoạt động dạy học và giáo dục. [H2.2.5.4.06]

Để hỗ trợ cho việc cải tiến CTĐT, CTBD nhằm cập nhật nhiều hơn với những tình huống học tập đa dạng ở bên trong trường và tại các trường phổ thông, hàng năm, Nhà trường đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học và các cơ sở giáo dục về hoạt động học tập và những tình huống học tập đa dạng ở bên trong trường và tại các trường phổ thông. [H2.2.5.4.07].

2. Điểm mạnh

- Các CTĐT, CTBD được Nhà trường thiết kế hợp lý, với nhiều môn học rèn luyện cho người học các kỹ năng, tích hợp, bao quát được các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

- Nhà trường đã tổ chức, triển khai nhiều hoạt động để thực hiện chương trình tích hợp, bao quát được các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông, bao gồm: tổ chức dạy học theo chương trình đã phê duyệt; tổ chức các hoạt động rèn nghề, hội thi rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho người học; xây dựng hệ thống trường phổ thông vệ tinh, trường THPT chuyên, THSP và tổ chức cho người học học tập, rèn luyện các tình huống thực tiễn; cử giáo viên biệt phái về giảng dạy, sinh hoạt chuyên môn tại các trường phổ thông,...

- Nhà trường cũng thường xuyên khảo sát các bên liên quan để lấy ý kiến cải tiến CTĐT cũng như các hoạt động thực hiện chương trình tích hợp, bao quát được nhiều tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các trường phổ thông về việc thực hiện chương trình tích hợp, bao quát được nhiều tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông còn ở phạm vi hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục	Mở rộng phạm vi khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các trường phổ	- Phòng ĐT - Phòng ĐT	01/2021	12/2021

	tồn tại	thông về việc thực hiện chương trình tích hợp, bao quát được nhiều tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.	SĐH - Các Khoa/viện SP - TT-BD NVSP - TTGD TX		
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục cải tiến CTĐT, CTBD được Nhà trường hợp lý, điều chỉnh nội dung chương trình các môn học, tăng cường dạy học theo đồ án để nâng cao hiệu quả rèn luyện cho người học các kỹ năng, tích hợp, bao quát được các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông. - Tiếp tục cải tiến các hoạt động triển khai thực hiện chương trình tích hợp, bao quát được các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông; tiếp tục cải tiến các hoạt động rèn nghề, hội thi rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho người học; tăng cường phối hợp hoạt động hệ thống trường phổ thông vệ tinh, trường THPT chuyên; cải tiến quy trình thực hành, thực tập rèn nghề cho người học. - Tiếp tục cải tiến công tác khảo sát các bên liên quan để lấy ý kiến cải tiến CTĐT cũng như các hoạt động thực hiện chương trình tích hợp, bao quát được nhiều tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SĐH - Các Khoa/viện SP - TT-BD NVSP - TTGD TX	9/2020	9/2021

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.4				4			

Chỉ số 2.5.5. Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Để thực hiện chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra Nhà trường đã ban hành các văn bản, các quy định cụ thể điều kiện đảm bảo nguồn lực, thời lượng chương trình, phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho hoạt động dạy học các CTĐT, chương trình bồi dưỡng. [H2.2.5.5.01].

Trước hết, về đội ngũ, Nhà trường luôn xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng đến việc thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ gắn liền với Chiến lược phát triển Trường, từ chiến lược này để xây dựng các kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể hằng năm. Trường đã quy định rõ để đảm bảo điều kiện nguồn lực cán bộ thực hiện chương trình, đó là mỗi môn học có ít nhất 2 giảng viên đảm nhận và mỗi giảng viên đảm nhận ít nhất 2 môn học. [H2.2.5.5.02]

Nhà trường đã xây dựng chiến lược để phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ giảng viên, chuyên viên, kỹ thuật viên... đảm bảo thực hiện được CTĐT và NCKH, đáp ứng được qui mô đào tạo về số lượng sinh viên, số lớp học phần. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, còn có hàng trăm nhà khoa học trong nước (từ một số Viện thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán; Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, v.v...) và ngoài nước (từ Anh, Hoa Kỳ, Ba Lan...) tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường [H2.2.5.5.03].

Ngoài nguồn lực con người, hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường bao gồm phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, sân bãi, cơ sở thực hành, thực tế chuyên môn và trường THSP đã được nhà Trường xây dựng và trang bị đầy đủ, đáp ứng nội dung và yêu cầu của CTĐT. Nhà trường có hệ thống kí túc xá, trạm y tế, thư viện đầy đủ, hiện đại đảm bảo cho SV ổn định, yên tâm học tập. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên được nhà trường

quan tâm đầu tư đồng bộ, bao gồm thiết bị văn phòng, thiết bị CNTT, thiết bị văn phòng hiện đại. Năm 2020, Nhà trường đã triển khai hệ thống phần mềm quản lý mới phục vụ cho công tác quản lý tổng thể nhà trường và quản lý toàn bộ công tác đào tạo từ khóa tuyển sinh năm 2020 trở đi thay thế dần phần mềm quản lý hiện tại. [H2.2.5.5.04].

Về nguồn lực tài chính, là một trong những nguồn lực cốt yếu để đảm bảo các hoạt động của Nhà trường. Trường có các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn thu hợp pháp bao gồm nguồn kinh phí Nhà nước cấp hằng năm, nguồn thu từ học phí và lệ phí, nguồn thu từ hoạt động NCKH, dịch vụ và các dự án. Nhà trường đã xây dựng các văn bản, quy trình quản lý về tài chính phù hợp để quản lý, phân bổ và sử dụng tài chính một cách hợp lý cho các lĩnh vực hoạt động và đạt hiệu quả tốt. Hệ thống quản lý tài chính của Trường chặt chẽ, công khai, minh bạch, được tin học hóa và chuẩn hóa. [H2.2.5.5.05]

Hằng năm, Nhà trường chỉ đạo các đơn vị trong trường xây dựng Kế hoạch năm học cho đơn vị, trong đó xác định rõ kế hoạch đào tạo, NCKH, công tác tổ chức, cán bộ và các điều kiện về nguồn lực tài chính để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch năm học của từng đơn vị và của toàn trường. Trên cơ sở đó, phòng Đào tạo chủ trì việc xây dựng kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo bao gồm học trên lớp và ứng dụng CNTT qua hệ thống LMS của toàn trường đáp ứng chuẩn đầu ra [H2.2.5.5.06].

Về thời lượng chương trình đào tạo được Nhà trường xây dựng có khối lượng kiến thức 125 tín chỉ, bố trí đào tạo trong 4 năm, khối lượng kiến thức trung bình mỗi học kỳ từ 15 - 20 tín chỉ, riêng học kỳ cuối, được dành cho thực tập nghề nghiệp và học môn học cuối khóa. Căn cứ vào CTĐT, Nhà trường chỉ đạo các khoa/viện thiết kế thời khóa biểu cho từng học kỳ phù hợp với các nguồn lực, giúp cho sinh viên lựa chọn kế hoạch học tập, đăng ký học một cách linh hoạt. Với thời lượng chương trình và việc sắp xếp kế hoạch thời khóa biểu hằng kỳ đảm bảo cho người học tăng thời gian tự học, hoạt động trải nghiệm, tham gia nghiên cứu khoa học, các hoạt động xã hội và các hoạt động khác,... để tăng cường kỹ năng nghề nghiệp cho bản thân. [H2.2.5.5.07].

Đối với CTBD, tùy thuộc vào yêu cầu, nội dung bồi dưỡng, Nhà trường cũng đã chỉ đạo thiết kế chương trình có thời lượng hợp lý, linh hoạt đáp ứng chuẩn đầu ra. [H2.2.5.5.08].

Để không ngừng cải tiến tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra, Nhà trường đã

khảo sát lấy ký kiến các bên liên quan, từ đó xây dựng kế hoạch rà soát, cải tiến quy định và các nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho hoạt động dạy và học các CTĐT, chương trình bồi dưỡng. [H2.2.5.5.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quy định các nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho hoạt động dạy và học các CTĐT, chương trình bồi dưỡng đã được thực hiện; đã kiểm tra, đánh giá, có trên 90% khối lượng nội dung đã được hoàn thành, điều kiện đảm bảo các nguồn lực cho hoạt động dạy và học được đảm bảo, có tác dụng tích cực trong việc cải thiện hoạt động dạy và học trong trường; có kế hoạch cải tiến quy định và các nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho hoạt động dạy và học các CTĐT, chương trình bồi dưỡng.

3. Điểm tồn tại

Chưa triển khai phần mềm quản lý mới (Phần mềm Trí Nam) cho các hệ đào tạo ngoài hệ đại học chính quy.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục triển khai phần mềm quản lý mới (Phần mềm Trí Nam) cho các hệ đào tạo ngoài hệ đại học chính quy.	- TTCNTT - Phòng ĐT SDH - Các Khoa/viện SP - TT-BDNVSP - TTGDTX	01/2021	12/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và phát huy các nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho hoạt động dạy và học các CTĐT, chương trình bồi dưỡng	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH - Các Khoa/viện SP - TT-BDNVSP - TTGDTX	9/2020	9/2021

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.5				4			

2.5.6. Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông. [H2.2.5.6.01].

Trên cơ sở đó nhà trường đã xây dựng các kế hoạch tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng, các kế hoạch tổ chức bồi dưỡng bao gồm: Kế hoạch bồi dưỡng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trong khuôn khổ chương trình ETEP); Kế hoạch triển khai tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục của nhà trường ban hành; Công văn phối hợp tổ chức bồi dưỡng với các Sở Giáo dục có sự hợp tác bồi dưỡng; Kế hoạch bồi dưỡng cho các giáo viên phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ an, thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Gia Lai,... Các kế hoạch triển khai thực hiện bồi dưỡng các mô đun 2, 3 cho giáo viên phổ thông cốt cán trên địa bàn 3 tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu thực tiễn của giáo viên phổ thông và CBQLGD Nhà trường đã tiến hành phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo bồi dưỡng cho các giáo viên phổ thông tiếp cận chương trình phổ thông mới (2018) như : Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên phổ thông cho các giáo viên dạy lớp 1 theo chương trình phổ thông mới trên địa bàn Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh và hơn 4000 giáo viên dạy lớp 1 trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Triển khai kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên phổ thông dạy lớp 6 trên địa bàn tỉnh Nghệ An và kế hoạch triển khai bồi dưỡng thương xuyên hè cho tỉnh Gia Lai... ; Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm và tổ trưởng tổ chuyên môn theo chương trình phổ thông mới ; Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp cho các giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông các hạng; Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho các giảng viên ở các trường Đại học. [H2.2.5.6.02].

Việc tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt, khoa học và cập nhật đáp ứng nhu cầu của người học cũng như tình hình thực tiễn của địa phương. Nhà trường còn có sự gắn kết chặt chẽ với Sở GDĐT, giảng viên sư phạm gắn kết với giáo viên phổ thông như hiện nay. Trường sư phạm, giảng viên sư phạm đã có sự nhìn nhận và thấu hiểu hơn công tác giảng dạy cũng như nắm bắt được nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên phổ thông, từ đó có sự điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp. Giáo viên phổ thông cũng có nhiều cơ hội để trao đổi, học hỏi và tham vấn trực tiếp các vấn đề về chuyên môn với giảng viên sư phạm, hiểu hơn về hoạt động đào tạo của các trường sư phạm. Đặc biệt, năm nay với tình hình dịch bệnh Covid nghiêm trọng xuất hiện từ đầu năm đã đòi hỏi nhà trường có sự chuyển đổi linh hoạt về chương trình, hình thức, thời gian tổ chức bồi dưỡng. Nhà trường xây dựng hệ thống BDTX mở và liên tục

Trong việc xây dựng một hệ thống BDTX để giáo viên có thể học liên tục trong quá trình lao động nghề nghiệp . Đảm bảo tính liên tục của đào tạo/ bồi dưỡng và kiến

thức chuyên môn, nghiệp vụ được cập nhật; Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo viên, nhà trường và các bên có liên quan. Cụ thể: Linh hoạt trong các hình thức tổ chức bồi dưỡng: Bồi dưỡng trực tiếp, bồi dưỡng theo hình thức kết hợp: trực tuyến và trực tiếp. Bố trí giảng viên về tại địa phương, thời gian tổ chức bồi dưỡng thường được tổ chức vào thời gian rảnh, cuối tuần để phù hợp với điều kiện và nhu cầu của người học. Phương pháp tổ chức bồi dưỡng đa dạng kết hợp lý thuyết với thực hành, thảo luận và làm việc nhóm, Trong quá trình bồi dưỡng theo phương thức trực tuyến, nhiều loại học liệu và nhiều hình thức đối thoại giữa báo cáo viên và học viên được áp dụng với sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật. Để hỗ trợ học viên tự bồi dưỡng, thông tin giữa báo cáo viên và học viên có thể tiến hành bằng thư điện tử, trao đổi qua hệ thống diễn đàn, giúp giáo viên vượt qua khó khăn, trở ngại và hoàn thành mô đun bồi dưỡng dễ dàng,... [H2.2.5.6.03].

Sau khi tiến hành các khóa bồi dưỡng nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về tác động của khóa bồi dưỡng và công tác tổ chức bồi dưỡng, bên cạnh đó còn xây dựng phiếu điều tra, tiến hành khảo sát năng lực và nhu cầu của GV ở trường phổ thông. Qua việc trả lời những câu hỏi cụ thể, GV sẽ tự soi rọi, đánh giá hoạt động DH- GD của bản thân để nêu rõ những khó khăn, hạn chế, yếu kém; tự đặt ra nhu cầu cho mình. Trên cơ sở các thông tin mà GV cung cấp, xác định nhu cầu thực tế của GV, phân loại nhu cầu theo từng đối tượng. Các kết quả thu được cho thấy có trên 90% số lượng học viên hài lòng với các khóa bồi dưỡng. [H2.2.5.6.04].

Khi các nhu cầu bồi dưỡng của GV đã được xác định, bước tiếp theo là phải chuyển các yêu cầu này thành các mục tiêu bồi dưỡng hay các kết quả mong muốn của hoạt động bồi dưỡng. Căn cứ vào mục tiêu bồi dưỡng, dựa trên khả năng tài chính và điều kiện cho phép, các cơ sở GD phối hợp với các cơ quan quản lý xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GV. Kế hoạch này phải bao gồm các vấn đề như: các năng lực, kỹ năng cụ thể sẽ được bồi dưỡng (nội dung); trình độ đạt được sau khi bồi dưỡng; số người được bồi dưỡng; phương thức, phương tiện bồi dưỡng, địa điểm, thời gian, kinh phí, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tổ chức thực hiện bồi dưỡng. Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo thay đổi hình thức bồi dưỡng cho phù hợp với bối cảnh thực tiễn, đặc biệt trong thời điểm ứng phó với đại dịch Covid-19. [H2.2.5.6.05].

2. Điểm mạnh

Các hình thức, phương pháp tổ chức bồi dưỡng đa dạng, linh hoạt phù hợp với bối cảnh thực tiễn và nhu cầu của người học cũng như việc đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển năng lực.

Các nội dung các chương trình bồi dưỡng thường xuyên được cập nhật đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, đặc biệt đối với chương trình GDPT 2018.

Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

Đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng, song chú trọng 2 hình thức cơ bản: bồi

đường tập trung trực tiếp (tập huấn) và bồi dưỡng trực tuyến qua mạng.

3. Điểm tồn tại

Các địa bàn, đối tượng tham gia các chương trình bồi dưỡng còn chủ yếu tập trung trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường sự hợp tác và mở rộng địa bàn để thực hiện các chương trình bồi dưỡng	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện	15/11/2019	31/9/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng đổi mới chương trình sách giáo khoa ở trường phổ thông.	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện	15/11/2019	30/1/2020
		Tiếp tục thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.	Phòng ĐT Phòng KH & HTQT TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện TT ĐBCL	01/9/2017	31/8/2021

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.6				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 5

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.1				4			
Chỉ số 2.5.2				4			

Chỉ số 2.5.3				4			
Chỉ số 2.5.4				4			
Chỉ số 2.5.5				4			
Chỉ số 2.5.6				4			
Điểm tiêu chí 5	4.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 2

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 4	4.0
2	Tiêu chí 5	4.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		4.00

Tiêu chuẩn 3

NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI

Tiêu chí 6: Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới

3.6.1. Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh đã có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được thể hiện qua Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ XXXI nhiệm kỳ 2015-2020 và lần thứ XXXII nhiệm kỳ 2020 - 2025 [H3.3.6.1.01] ngày 03/06/2020 [H3.3.6.1.02], Kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến 2030 [H3.03.06.01.03], Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa học và công nghệ giai đoạn 2018-2025 [H3.3.6.1.04], Quyết định thành lập Trung tâm Nghiên cứu, Đổi mới - Sáng tạo [H3.3.6.1.05]. Đặc biệt Nghị quyết Đảng bộ Trường nhấn mạnh “*Xây dựng mô hình giáo dục toàn diện tiệm cận chuẩn quốc tế, Đầu tư xây dựng một số nhóm nghiên cứu mạnh cấp quốc gia làm nòng cốt thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo; Ưu tiên đầu tư các nguồn lực phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng 500 đại học hàng đầu Châu Á*”. Đây là điểm mới mà Đảng bộ và Nhà trường đặt ra nhằm nâng tầm chiến lược phát triển của Trường sau khi các mục tiêu tầm nhìn chiến lược trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ XXXI đã được thực hiện. Tất cả các chiến lược phát triển đều được xây dựng theo quy trình lấy ý kiến góp ý trước khi ban hành, điều này cho thấy sự quan tâm, định hướng và quyết tâm đầu tư của Đảng ủy, BGH Nhà trường đối với công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Các chính sách và kế hoạch về đổi mới và phát triển KHCN của Trường luôn phù hợp với tầm nhìn, kế hoạch chiến lược và nhiệm vụ của Nhà trường. Trong kế hoạch chiến lược phát triển KHCN nêu rõ một trong các mục tiêu quan trọng thúc đẩy hoạt động NCKH giáo dục, đưa ra 4 giải pháp căn cơ để giải quyết mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành Kế hoạch triển khai chiến lược phát triển KHCN của Trường giai đoạn 2018-2025 nhằm thực hiện các mục tiêu, nội dung và giải pháp đã nêu trong kế hoạch chiến lược.

Để điều hành, quản lý các hoạt động NCKH&CGCN công khai, minh bạch, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý các hoạt động KH&CN của Trường [H3.3.06.01.06]. Quy định nêu rõ phân cấp quản lý, phương thức tổ chức triển khai thực hiện, quyền lợi và nghĩa vụ hoạt động NCKH của GV và người học...

Năm 2018, Ban Giám hiệu Nhà trường đã giao Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chủ trì xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2018-2025 nhằm “*thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục, xây dựng nhiều giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao thương hiệu về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục*”. Trong năm 2020-2021, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng Trường đã thảo luận và thống nhất điều chỉnh, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi cho phù hợp với mục tiêu phát triển của Trường trong giai đoạn mới [H3.3.6.1.07]. Hàng năm, Nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN thể hiện rõ quy trình, cách thức và thời gian triển khai các hoạt động [H3.3.6.1.08].

Nhà trường đã bổ sung các nhóm trong lĩnh vực KHGD thuộc danh mục các nhóm nghiên cứu mạnh như Địa lý học, Ngôn ngữ tri nhận, Phương pháp dạy học KHTN, v.v. [H3.3.6.1.09]. Trong báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động Chương trình ETEP, Nhà trường đã thực hiện các điều chỉnh kế hoạch hành động phù hợp với tình hình thực tế và chiến lược dài hạn dành cho hoạt động KHGD [H3.3.06.01.10]. Cũng trong khuôn khổ Chương trình ETEP, Nhà trường đã phối hợp với các địa phương tổ chức các đợt tập bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H3.3.6.1.11]. **Bổ sung tiêu chí tuyển chọn đề tài các cấp đã tạo điều kiện cho các nhà khoa học Trường ĐH Vinh có nhiều công trình nghiên cứu chất lượng hơn được công bố trên các tạp chí uy tín. Năm 2020, số lượng công bố khoa học trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science và Scopus là 157 bài, tăng hơn 60% với năm 2019 (94 bài); vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XXXII đề ra (đạt mốc 100 bài/năm vào năm 2022).**

Việc nghiệm thu và xuất bản các sản phẩm đã được tiến hành đúng quy định, chất lượng. Nhà trường đã xuất bản 59 sản phẩm gồm: 19 giáo trình, 6 sách tài liệu tham khảo, 21 sách liên kết xuất bản, 7 sách nhà nước đặt hàng, 2 sách tải bản, 4 lịch block. Tổng bản in của các sản phẩm là 306.180.

Tại phiên họp thứ nhất hằng năm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường (HĐKH&ĐT) đều nghiêm túc rà soát, đánh giá thành quả cũng như những hạn chế, tồn tại của hoạt động KH&CN trong năm vừa qua, từ đó đề xuất các biện pháp khắc phục và hướng phát triển cho thời gian tới, trong đó nêu rõ định hướng ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHGD. Cũng trong kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, từ các đề xuất, Hội đồng đã quyết định kiện toàn Hội đồng KH&ĐT nhiệm kỳ 2020-2025; bổ sung tiêu chí tuyển chọn đề tài các cấp của Nhà trường. Một thay đổi quan trọng trong kết luận là điều chỉnh chính sách quy đổi giờ dạy của giảng viên, giáo viên phù hợp với Thông tư 20/2020/TT-BGD&ĐT [H3.3.6.1.12].

2. Điểm mạnh

Chiến lược NCKH&CGCN của Nhà trường thể hiện rõ mục tiêu, nội dung và giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHGD;

Trường đã có những chính sách ưu tiên đầu tư kinh phí cho NCKH&CGCN, mua sắm trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD;

3. Điểm tồn tại

Nhà trường còn thiếu chính sách, giải pháp cụ thể hơn, mạnh mẽ hơn nhằm thúc đẩy phát triển KHGD.

4. Kế hoạch khắc phục

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách, giải pháp mạnh mẽ hơn, ưu tiên thúc đẩy phát triển KHGD	Phòng KH&HTQT,	1/2021	12/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHGD;	Phòng KH&HTQT	1/2021	12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.6.1					5		

3.6.2. Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục

1. Mô tả

Với sứ mạng “là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục...”, mục tiêu phát triển của Nhà trường xác định rõ: “*Hướng hoạt động nghiên cứu khoa học vào nâng cao chất lượng đào tạo. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng, khoa học giáo dục...*” [H3.03.06.02.01], Nhà trường

đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD. [H3.3.6.2.02-04].

Hàng năm, căn cứ kết quả hoạt động tài chính trong năm, Nhà trường trích tối đa 10% chênh lệch thu, chi để lập Quỹ khoa học, công nghệ, hợp tác quốc tế và chi cho hoạt động này [H3.3.6.2.05]. Bên cạnh đó, ưu tiên nhiều nguồn lực để đầu tư về trang thiết bị cho nghiên cứu KHGD [H3.3.6.2.06]. Trường đã đầu tư nhiều trang thiết bị hiện đại hỗ trợ dạy học và thành lập Trung tâm nghiệp vụ sư phạm, các nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh. Tuy nhiên, số lượng các công bố quốc tế về KHGD còn chiếm tỷ lệ thấp. Ngoài ra, Nhà trường có chính sách ưu tiên và tạo điều kiện cho nhiều cán bộ giảng viên tham gia các hoạt động chung của ngành, của Bộ yêu cầu như biên soạn sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, nghiệm thu chương trình giáo dục phổ thông mới [H3.3.6.2.07].

Tính từ năm 2017 đến nay, Trường đã đặt hàng thực hiện 235 nhiệm vụ KHGD với tổng số tiền đầu tư là: 5.060.800.000 đồng. Trong đó, năm 2018, Trường thực hiện 76 đề tài trọng điểm Trường là đề tài KHGD với số kinh phí 1.211.000.000 đồng; năm 2019, triển khai 78 nhiệm vụ, kinh phí 1.327.000.000 đồng và năm 2020 tiếp tục triển khai 81 nhiệm vụ với nguồn kinh phí hơn 2,5 tỷ đồng [H3.3.6.2.8-10].

Từ năm 2016, ĐU, BGH và HĐKH&ĐT Nhà trường đã thống nhất chủ trương xây dựng lại CTĐT của tất cả các ngành học theo hướng tiếp cận CDIO (Conceive-Design-Implement-Operate). Năm 2016, Trường Đại học Vinh đã triển khai các đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường nhằm nghiên cứu xây dựng chuẩn đầu ra, khung năng lực và khung chương trình của 41 ngành (trong đó có tất cả 14 ngành đào tạo giáo viên), nhóm ngành đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO. Các năm 2017, 2018, 2019 và 2020 Nhà trường tiếp tục triển khai các đề tài nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá các học phần theo hướng tiếp cận CDIO và triển khai áp dụng đào tạo cho SV khóa 58 (tuyển sinh năm 2017) [H3.3.6.2.11]. Trong giai đoạn 2017-2020, Nhà trường đã đầu tư hơn 2 tỷ đồng cho công tác biên soạn và xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo giáo viên; [H3.3.6.2.12-14].

Trong khuôn khổ chương trình ETEP, Trường có nguồn đầu hỗ trợ cho các hoạt động nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển KHGD của Trường. Từ năm 2017 đến nay, dự án ETEP đầu tư thực hiện hơn 20 đề tài phục vụ đánh giá, phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và đổi mới quản lý của nhà trường [H3.3.6.2.15].

CSVCL, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD đã được Nhà trường quan tâm đầu tư. Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (TH-TN) hiện có 84 PTN với đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường, trong đó có

hơn 50% số PTN phục vụ đào tạo sư phạm. Ngoài các PTN khoa học cơ bản, các ngành sư phạm có phòng thực hành, phòng chuyên đề về phương pháp giảng dạy với hệ thống CSVC đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu KHGD [H3.3.6.2.16]. Hiện nay, Nhà trường đang tiếp tục đầu tư kinh phí hiện đại hóa các PTN hiện có, nhằm đáp ứng các điều kiện đào tạo theo CDIO cũng như yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.

Cuối mỗi năm học, Nhà trường đều yêu cầu các đơn vị liên quan đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu và ngân sách [H3.3.6.2.17]; và rà soát, đánh giá chính sách nghiên cứu khoa học trong đơn vị từ đó có cơ sở xây dựng kế hoạch sửa chữa, bổ sung kịp thời nhằm đáp ứng các yêu cầu trong nghiên cứu, phát triển và đổi mới các hoạt động giáo dục, đào tạo [H3.3.6.2.18];

Thông qua việc đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu và ngân sách, bước đầu Nhà trường đã có những đổi mới, tăng đầu tư cho nghiên cứu khoa học ở trình độ cao nhằm nâng cao số lượng và chất lượng công bố khoa học của Trường, đặc biệt là lĩnh vực khoa học giáo dục [H3.3.6.2.19].

Bên cạnh đó, Trường tiếp tục vi chỉnh và cải tiến các chương trình đào tạo, hình thức đào tạo nhằm đáp ứng kịp thời xu thế của thời đại và nhu cầu xã hội [H3.03.06.02.20].

2. Điểm mạnh

Trường đã có những chính sách ưu tiên đầu tư kinh phí cho NCKH&CGCN, mua sắm trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD;

Nhiều cán bộ, giảng viên của Trường là thành viên tham gia viết sách giáo dục phổ thông dục phổ thông mới; thành viên Hội đồng nghiệm thu sách giáo khoa,..

3. Điểm tồn tại

Số lượng công bố quốc tế về KHGD chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số công bố quốc tế của Trường.

4. Kế hoạch khắc phục

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1.	Khắc phục tồn tại	Có giải pháp hỗ trợ nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc công bố quốc tế trong lĩnh vực KHGD	- Phòng KH&HTQT, - Các khoa, viện đào tạo; - Trung tâm Nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp	01/2021	12/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Vận dụng tối đa nguồn lực về tài chính và trang thiết bị của nhà trường dành cho công tác NCKH để thực hiện hiệu quả và nâng cáo chất lượng các đề tài về KHGD	- Phòng KH&HTQT; - Trung tâm Nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp	12/2020	12/2021
		Tạo điều kiện tối đa cho cán bộ, giảng viên tham gia và thực hiện tốt các nhiệm vụ NCKH khi tham gia các đề tài	Ban Giám hiệu	12/2020	12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.6.2				4			

3.6.3. Kết quả nghiên cứu của trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học

1. Mô tả

Hoạt động NCKH luôn gắn kết với quá trình đào tạo của Nhà trường. Trong chiến lược phát triển NCKH&CGCN dài hạn, trung hạn cũng như kế hoạch hằng năm của Nhà trường, các hoạt động nghiên cứu KHGD và nghiên cứu cơ bản nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường luôn được chú trọng. Để nâng cao hiệu quả dạy học cũng như nghiên cứu khoa học Nhà trường đã ban hành quyết định quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO [H3.3.6.3.01]. Từ thực tế nghiên cứu, đối sánh chương trình, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá các học phần của các trường đại học trong và ngoài nước, cán bộ, GV đề xuất và thực hiện những đề tài về KHGD phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường.

Thực hiện quy định của trường về việc tích hợp và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động dạy và học trong trường Nhà trường đã thành lập Ban CDIO, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện quá trình đào tạo theo tiếp cận CDIO [H3.3.6.3.02]. Theo hướng tiếp cận CDIO, sản phẩm của các đề tài KHGD là chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, khung năng lực, khung chương trình, đề cương chi tiết học phần cũng như đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đã được áp dụng vào hoạt động đào tạo. Năm 2018-2019 có 76 đề tài CDIO, năm 2019-2020 có 78 đề tài CDIO được thực hiện và sản phẩm đề tài đã áp dụng vào hoạt động dạy học [H3.3.6.3.03]. Nhiều giáo trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo, là sản phẩm của các đề tài KHGD cũng như khoa học cơ bản, đã được xuất bản phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường [H3.3.6.3.04]. Nhiều công bố khoa học của Trường thuộc về lĩnh vực KHGD, góp phần giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn dạy học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H3.3.6.3.05].

Cuối mỗi năm, Nhà trường đều nghiêm túc đánh giá những đóng góp cũng như hạn chế của NCKH nói chung, KHGD nói riêng, từ đó đề xuất kế hoạch thực hiện hoạt động KHCN năm học tới phù hợp với chương trình công tác của Nhà trường. Định hướng trọng tâm công tác NCKH là: *“thực hiện các đề tài phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường như: nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình đào tạo; đổi mới công tác thi, kiểm tra, đánh giá; biên soạn giáo trình, tài liệu”*... [H3.3.6.3.06].

Để tăng cường thời lượng người học phát triển kỹ năng Nhà trường đã ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo CDIO năm học 2020-2021. Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ thực hiện các quy trình cải tiến việc tích hợp và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động dạy và học [H3.3.6.3.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có quy định về tích hợp kết quả nghiên cứu vào hoạt động dạy và học. Toàn bộ sản phẩm của các đề tài nghiên cứu KHGD được áp dụng vào hoạt động đào

tạo. Ngân sách cho KHGD cũng được phân bổ tăng so với các năm trước thông qua số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và khen thưởng các công trình KHGD.

3. Điểm tồn tại

Số lượng công bố quốc tế thuộc lĩnh vực KHGD còn hạn chế. Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình CDIO còn chậm.

4. Kế hoạch khắc phục

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Có giải pháp hỗ trợ nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc công bố quốc tế trong lĩnh vực KHGD	- Phòng KH&HTQT, - Các khoa, viện đào tạo; - Trung tâm Nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp	1/2021	12/2021
		Đẩy nhanh quá trình rà soát, điều chỉnh chương trình CDIO	- Phòng Đào tạo; - Phòng KH&HTQT, - Các khoa, viện đào tạo.	1/2021	12/2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực KHGD.	Ban CDIO và các khoa, viện đào tạo	1/2021	12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.6.3					5		

3.6.4. Kết quả nghiên cứu của trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.

Trường Đại học Vinh đã có nhiều kế hoạch, chính sách để hỗ trợ cán bộ, GV trong việc nghiên cứu khoa học phục vụ việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo [H3.3.6.4.01]. Trường cũng đã ký kết Biên bản hợp tác với nhiều trường trong và ngoài nước về việc cử cán bộ, giảng viên đi giảng dạy, học tập [H3.3.6.4.02].

Nhà trường xây dựng kế hoạch mở các lớp Bồi dưỡng tập huấn cho đội ngũ giáo viên phổ thông các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh nhằm mục đích nâng cao năng lực dạy học, cũng như cử cán bộ, giảng viên tham gia các khóa đào tạo, tập huấn ở các tỉnh khắp cả nước [H3.3.6.4.03]

Cán bộ, GV của Nhà trường tham gia đề xuất và triển khai nhiều nhiệm vụ KHGD gắn liền với thực tiễn giáo dục ở Trường Đại học Vinh và các địa phương trong khu vực Bắc Trung Bộ [H3.3.6.4.04]. Các đề tài KHGD tập trung giải quyết các vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá; ứng dụng CNTT trong dạy học; các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở các bậc đại học và phổ thông [H3.3.6.4.05]. Việc ứng dụng sản phẩm các đề tài KHCN này đã góp phần thúc đẩy sự đổi mới cũng như hoạch định chính sách về KHGD phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của Nhà trường và các địa phương.

Năm 2020, Nhà trường đã mở nhiều lớp Bồi dưỡng các mô đun 1, 2,3 cho hơn một nghìn giáo viên thuộc đội ngũ giáo viên cốt cán bậc Trung học cơ sở, Trung học phổ thông các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên phổ thông cốt cán về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [H3.3.6.4.06].

Kết quả nghiên cứu khoa học của Trường được phổ biến rộng rãi trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế thông qua các hội thảo, hội nghị khoa học và công bố trên các tạp chí khoa học. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh xuất bản mỗi năm 4 số, mỗi số gồm 2 bản, thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên - kỹ thuật và khoa học xã hội - nhân văn. Năm 2019-2020 trường xuất bản 4 số 3B-2019, 4B-2019, 1B-2020 và 2B-2020 thuộc lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn có tất cả 48 bài, trong đó 28 bài thuộc về lĩnh vực KHGD, chiếm hơn 60%. Bên cạnh đó, nhiều kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Trường Đại học Vinh được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước [H3.3.6.4.07].

Hàng năm, Hội đồng HĐKH&ĐT Nhà trường đều nghiêm túc đánh giá những đóng góp cũng như hạn chế, tồn tại của hoạt động KHCN trong giáo dục và đào tạo cũng như NCKH, từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào việc hoạch định chính sách, thúc đẩy sự phát triển, đổi mới KHGD cho thời gian tới [H3.3.6.4.08].

Sau các buổi tập huấn và các lớp bồi dưỡng, Nhà trường thường xuyên khảo sát

lấy ý kiến của các giáo viên, giảng viên tham gia nhằm đúc kết kinh nghiệm, đánh giá lại các thiếu sót trong suốt quá trình giảng dạy để khắc phục và cải thiện cho những lần tiếp theo [H3.3.6.4.09].

Cuối mỗi năm, Nhà trường đều thực hiện chính sách khen thưởng đối với những cán bộ, GV, người học có công trình khoa học công bố trên các tạp chí quốc tế theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H3.3.6.4.10]. Hoạt động thường niên này đã khuyến khích cán bộ, GV đẩy mạnh nghiên cứu, viết bài và công bố quốc tế, chất lượng các bài báo cũng được nâng lên, là nguồn tài liệu tham khảo có ý nghĩa phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và phát triển công nghệ cũng như hợp tác quốc tế.

Thông qua việc công bố quốc tế, năng lực nghiên cứu của cán bộ, GV được nâng cao, các kết quả NCKH, trong đó có KHGD, của Trường Đại học Vinh được phổ biến trong phạm vi khu vực và quốc tế.

Nhà trường đã rà soát và chỉnh sửa PA nhằm cải tiến chính sách và kế hoạch nghiên cứu của Nhà trường trong lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên [H3.3.6.4.11]

2. Điểm mạnh

Chiến lược NCKH&CGCN của Nhà trường thể hiện rõ mục tiêu, nội dung và giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHGD;

Trường đã mở nhiều lớp bồi dưỡng để nâng cao năng lực cho các giáo viên THPT cốt cán ở nhiều trường trong khu vực.

Những kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Nhà trường được ứng dụng trong giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Đồng thời, một số kết quả nghiên cứu đã góp phần hoạch định chính sách, thúc đẩy sự phát triển, đổi mới KHGD và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo, đề tài của cán bộ, GV của Nhà trường trong lĩnh vực KHGD còn khá thấp so với mặt bằng chung, nhất là những bài báo, công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

			hiện		
1.	Khắc phục tồn tại	Có giải pháp hỗ trợ nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc công bố quốc tế trong lĩnh vực KHGD	- Phòng KH&HTQT, - Các khoa, viện đào tạo; - Trung tâm Nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp	01/2021	12/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Nâng số lượng đề tài thuộc chương trình KHGD, các đề tài của các địa phương về KHGD	Phòng KH&HTQT	10/2020	12/2021
		Tăng số lượng công bố quốc tế trong nghiên cứu cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên - kĩ thuật, khoa học xã hội - nhân văn nói chung và KHGD nói riêng ứng dụng vào thực tiễn giáo dục và đào tạo.	- Phòng KH&HTQT; - Trung tâm Nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp	12/2020	12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.6.4				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 6

Chỉ số	Thang đánh giá
--------	----------------

	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
Chỉ số 3.6.1					5		
Chỉ số 3.6.2				4			
Chỉ số 3.6.3					5		
Chỉ số 3.6.4				4			

Tiêu chí 7: Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới

3.7.1. Trường hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

1. Mô tả

Phòng KH&HTQT, đơn vị đầu mối của Nhà trường về lĩnh vực Khoa học Công nghệ thường xuyên cập nhật, cung cấp đầy đủ các thông tin về các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, cấp tỉnh và các cấp bộ ngành tương đương để cán bộ và giảng viên trong trường có thể tiếp cận thông tin và lựa chọn, xác định mục tiêu nhiệm vụ [H3.3.7.1.01].

Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Trường, hằng năm, sau khi có ý kiến kết luận của Hội đồng KH&ĐT Nhà trường về định hướng hoạt động NCKH&CGCN cho năm tiếp theo, Phòng KH&HTQT tham mưu cho BGH Nhà trường ban hành văn bản hướng xây dựng kế hoạch NCKH&CGCN và công bố rộng rãi trên website và eOffice cho tất cả cán bộ, GV biết để tham gia [H3.3.7.1.02].

Các Hội đồng tư vấn giúp chủ nhiệm và thành viên các đề tài hoàn thiện các ý tưởng cũng như nội dung nghiên cứu của các cá nhân đề xuất. Nhà trường đã mời các chuyên gia của Bộ KH&CN, Bộ GD&ĐT, các nhà khoa học có uy tín trong Trường tư vấn, hỗ trợ các ứng viên trong quá trình xây dựng hồ sơ đề xuất, đấu thầu. Bên cạnh đó, Phòng KH&HTQT cung cấp đầy đủ thông tin, biểu mẫu, hướng dẫn các ứng viên xây dựng hồ sơ đúng theo qui định của cấp quản lý tương ứng. Đối với công tác tham gia đấu thầu thực hiện các nhiệm vụ NCKH và CGCN ngoài Trường, Phòng KH&HTQT luôn kịp thời hỗ trợ các yêu cầu của các ứng viên [H3.03.07.01.03]. Đồng thời, Trung tâm nghiên cứu - Sáng tạo, khởi nghiệp được thành lập mới đây nhằm tăng cường hỗ trợ về mặt tổ chức cho cán bộ, GV trong Trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ KHCN [H3.3.7.1.04].

Hằng năm, trong các diễn đàn khác nhau: Hội nghị Cán bộ công chức của Nhà trường và các đơn vị, Hội nghị tổng kết năm học, Hội nghị Cán bộ trẻ, Nhà trường đều có hoạt động thu thập ý kiến của GV về mức độ đáp ứng của Nhà trường trong việc hỗ trợ GV tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ được thu thập để điều chỉnh phù hợp, kịp thời nhằm nâng cao chất lượng hoạt động này của Nhà

trường [H3.3.7.1.05].

Nhà trường cũng đã rà soát và đánh giá lại những mặt hạn chế và thiếu sót trong việc thực hiện đề tài và chuyển giao công nghệ để nhờ vào đó đưa ra những kế hoạch, chính sách giúp cải tiến chất lượng Trường, nhằm nâng cao và hoàn thiện hơn nữa việc hỗ trợ cán bộ, giảng viên thực hiện đề tài, nhiệm vụ khoa học phục vụ cộng đồng [H3.3.7.1.06].

2. Điểm mạnh

Trường đã có nhiều chính sách và kế hoạch thiết thực để hỗ trợ cho cán bộ, GV tham gia công việc nghiên cứu và thực hiện đề tài các cấp;

Công tác quản lý và thực hiện các đề tài được công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có kế hoạch xác định nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên của trường.

Nhà trường còn thiếu những chính sách đủ mạnh để có thể hỗ trợ tốt hơn nữa cho cán bộ, GV trong việc thực hiện đề tài và tham gia nghiên cứu;

4. Kế hoạch khắc phục

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	<i>Khắc phục tồn tại</i>	- Xây dựng chính sách mang tính chiến lược, ban hành chính sách cụ thể, mạnh mẽ hỗ trợ cán bộ, GV thực hiện các đề tài, nghiên cứu khoa học. - Lập kế hoạch xác định nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể đối với đội ngũ cán bộ, GV của trường	Phòng KH&HTQT	1/2021	12/2021

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện về mặt tổ chức cho cán bộ, GV tham gia và hoàn thành nhiệm vụ NCKH hằng năm phù hợp với hoàn cảnh của mình	- Trung tâm nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp - Phòng KH&HTQT	1/2021	12/2021
---	---------------------------	---	--	--------	---------

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.7.1				4			

3.7.2. Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh quy định cụ thể định mức NCKH của cán bộ, GV trong qui định về quản lý các hoạt động KHCN của Nhà trường thông qua các loại hình hoạt động NCKH và sản phẩm KHCN đa dạng, bao gồm: chương trình, nhiệm vụ NCKH các cấp, bài báo, báo cáo khoa học, sách, giáo trình, hướng dẫn NCS, SV NCKH, seminar....[H3.3.7.2.1]. Định mức NCKH của cán bộ, GV được qui đổi thành giờ chuẩn và được qui định theo hệ số lương thành 6 mức khác nhau chế độ miễn giảm đã được qui định rõ trong qui chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường[H3.3.7.2.2]. Đồng thời, Nhà trường hỗ trợ kinh phí đối với các sản phẩm KHCN có chất lượng cao [H3.3.7.2.03].

Hoạt động nghiên cứu khoa học là bắt buộc đối với giảng viên [H3.03.07.02.04]; Việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có thể được thực hiện qua các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp (ở vai trò là chủ nhiệm hay vai trò là thành viên của một đề tài nghiên cứu); công bố bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học hay Kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học; viết giáo trình, tài liệu tham khảo, hướng dẫn thạc sĩ nghiên cứu sinh làm luận văn, luận án hay làm đề tài nghiên cứu khoa học tham gia các buổi tọa đàm, báo cáo khoa học ở đơn vị [H3.3.7.2.05]. Hàng năm, Trường thực hiện đánh giá giờ NCKH của giảng viên làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức và bình xét thi đua khen thưởng [H3.3.7.2.06].

Về mặt quy mô, đề tài nghiên cứu được thực hiện ở cấp Trường, cấp Bộ hay cấp Quốc gia (từ quỹ Nafosted) [H3.3.7.2.07]. Các nhiệm vụ khoa học công nghệ của Trường được xây dựng trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, cá nhân trong trường; sau đó được triển khai thực hiện dưới dạng các đề tài nghiên cứu khoa học và được xét chọn trên 03 lĩnh vực độc lập: khoa học tự nhiên và công nghệ; khoa học xã hội và nhân văn và khoa học giáo dục với mục đích tạo điều kiện cho giảng viên tham gia nghiên cứu phù hợp với chuyên môn của mình [H3.3.7.2.08]. Bên cạnh đó, Trường đã có chính sách khuyến khích giảng viên nghiên cứu khoa học bằng cách giảm giờ dạy chuẩn đổi với các thành viên của các nhóm nghiên cứu mạnh đồng thời thực hiện giao ưu tiên thực hiện đề tài gắn với nhiệm vụ nghiên cứu của các thành viên các nhóm nghiên cứu mạnh [H3.3.7.2.09]. Từ hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, trong giai đoạn 2017-2020, đã có 432 bài báo khoa học được công bố, hơn 100 đề tài NCKH của sinh viên được thực hiện có chất lượng [H3.3.7.2.10]; Giảng viên hoàn thành nghĩa vụ nghiên cứu khoa học năm 2018-2019 là 95,6%, năm 2019-2020 là 95,8% , số lượng công bố trên các tạp chí có khoa học có uy tín quốc tế có trong cơ sở dữ liệu của Web of Science năm 2020 là 113 bài tăng hơn so với năm 2019 là 81 bài [H3.3.7.2.11].

Nhà trường đã thực hiện công tác rà soát và đánh giá chính sách và kế hoạch nghiên cứu đối với đội ngũ giảng viên của trường. Cụ thể, trong báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hằng năm, kết quả hoạt động KHCN được đánh giá, làm rõ điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và đề xuất các giải pháp khắc phục điểm yếu, tăng cường hoạt động KHCN [H3.3.7.2.12]. Ngoài ra, Hội đồng KH&ĐT của Nhà trường họp, rà soát đánh giá các hoạt động nghiên cứu khoa học và điều chỉnh chương trình đào tạo CDIO [H3.3.7.2.13]. Đồng thời, Nhà trường thực hiện thu thập ý kiến các bên liên quan về chính sách và kế hoạch xác định nhiệm vụ nghiên cứu nhằm đánh giá khách quan hơn kết quả các hoạt động nghiên cứu. Đây là cơ sở đáng tin cậy để Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện các điều chỉnh cần thiết cho giai đoạn sắp tới [H3.3.7.2.14].

2. Điểm mạnh

Qui định về quản lý các hoạt động KHCN của Nhà trường được xây dựng phù hợp với thực tiễn, định kỳ rà soát, điều chỉnh nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, GV hoàn thành được nhiệm vụ NCKH hằng năm phù hợp với hoàn cảnh của mình;

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có Website hỗ trợ tra cứu và quản lý khoa học

4. Kế hoạch khắc phục

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch xây dựng Website hỗ trợ tra cứu và quản lý khoa học	- Phòng KHHTQT - TT CNTT	01/2021	12/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện về mặt tổ chức cho cán bộ, GV tham gia và hoàn thành nhiệm vụ NCKH hằng năm phù hợp với hoàn cảnh của mình	- Trung tâm nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp - Phòng KH&HTQT	1/2021	12/2021
		Thường xuyên cập nhật và phổ biến công khai, minh bạch và rộng rãi về công tác quản lý và thực hiện các đề tài, phương tiện, thiết bị <u>phục vụ nghiên cứu</u>	- Trung tâm nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp - Phòng KH&HTQT - Trung tâm THTN - Phòng Quản trị-Đầu tư	12/2020	12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.7.2					5		

3.7.3. Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và công khai trong toàn Trường.

1. Mô tả

Chính sách và hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được Nhà trường quan tâm. Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ được cụ thể hóa thông qua quyết định số 480/QĐ-ĐHV ngày 09/5/2016 [H3.3.7.3.01].

Cơ sở dữ liệu về hoạt động khoa học và công nghệ của trường: Danh sách nhiệm vụ, đề tài, chương trình nghiên cứu các cấp; kinh phí; tiến độ thực hiện; kết quả

ngiên cứu được kê khai tại phần mềm kê khai hoạt động KH&CN tại cổng thông tin cán bộ; phần mềm quản lý giờ dạy (kê khai giờ dạy và giờ nghiên cứu khoa học); quy định rõ trong chức năng nhiệm vụ của Phòng KH&HTQT, Trung tâm CNTT; thông qua danh mục đề tài KHCN được triển khai. Đồng thời giảng viên có thể tiếp cận cơ sở dữ liệu về hoạt động khoa học và công nghệ của trường qua danh mục đề tài KHCN được triển khai trong năm tiếp theo [H3.3.7.3.02].

Danh mục các đề tài đã thực hiện được Nhà trường cập nhật và phổ biến rộng rãi nhằm cung cấp thêm thông tin hỗ trợ cho cán bộ, GV trong việc đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ KHCN. Trong lĩnh vực KHGD từ năm 2017 đến nay, đề tài các cấp đã được cán bộ, GV của Nhà trường chủ trì, trong đó có các đề tài CDIO thực hiện năm 2017, 2018, 2019, 2020 đã được công bố công khai. Thông tin về sản phẩm của đề tài (bản thảo giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo) cũng như ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào quá trình đào tạo cũng được chú trọng cập nhật, phổ biến rộng rãi trong toàn trường. Các phương tiện, thiết bị hiện đại được Nhà trường đầu tư trang bị khá đầy đủ tại các phòng thực hành thí nghiệm thuộc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm nhằm phục vụ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tại mỗi phòng thí nghiệm đều có danh mục trang thiết bị được đặt tại vị trí thuận lợi, sát với cửa chính ra vào phòng thí nghiệm; mỗi thiết bị đều có đầy đủ thông tin về tên thiết bị và hướng dẫn sử dụng tạo điều kiện cho CB và SV trong quá trình sử dụng. Danh mục và hiện trạng của hệ thống thiết bị của Trung tâm được công bố rộng rãi tới các đơn vị bằng các văn bản. Đặc biệt, các công việc phục vụ cho hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường như vệ sinh, bảo dưỡng máy móc thiết bị; phục vụ, hỗ trợ giảng viên và sinh viên làm đề tài, nghiên cứu khoa học ... đều thể hiện trên lịch tuần, dán ở bảng thông báo của Trung tâm Thực hành Thí nghiệm, ở bảng thông báo của các tổ thực hành và cập nhật tại bảng tin ở bên ngoài các phòng thí nghiệm. Hằng năm, Trung tâm đều rà soát cơ sở vật chất, xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, mua sắm bổ sung trang thiết bị, dụng cụ trên cơ sở đề xuất của các đơn vị và phù hợp với khả năng tài chính của Trường nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu của hoạt động giảng dạy và NCKH ở các phòng thí nghiệm. Trung tâm luôn tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho GV và người học được sử dụng các trang thiết bị phục vụ nghiên cứu cũng như các hoạt động dạy và học [H3.3.7.3.03].

Đồng thời, Nhà trường thường xuyên thu thập ý kiến của GV và SV về hoạt động của Nhà trường, trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả sử dụng trang thiết bị, từ đó nâng cao hiệu quả công tác NCKH. Bên cạnh đó hoạt động rà soát chính sách và hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của trường và những cải tiến về chính sách và hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường luôn được quan tâm [H3.3.7.3.04].

Dựa vào kết quả rà soát và đánh giá chính sách và hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, Nhà trường đã ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khoa học và công nghệ [H3.3.7.3.05].

2. Điểm mạnh

Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và phổ biến một cách kịp thời trong toàn Trường;

Công tác quản lý và thực hiện các đề tài nghiên cứu công khai, minh bạch;

Hệ thống trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH;

Vấn đề mua sắm bổ sung, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, công cụ dụng cụ hằng năm luôn được Nhà trường quan tâm và thực hiện kịp thời trên cơ sở đề xuất của các đơn vị và khả năng tài chính của Nhà Trường.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động NCKH về lĩnh vực KHGD còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tìm các nguồn đầu tư ưu tiên hỗ trợ thêm kinh phí cho các hoạt động NCKH về lĩnh vực KHGD	Phòng KH&HTQT; Phòng KHTC	Năm học 2020-2021	Năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật và phổ biến một cách kịp thời danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu trong toàn Trường	Phòng KH&HTQT; Trung tâm CNTT; Trung tâm THTN.		

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.7.3				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 7

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.7.1				4			
Chỉ số 3.7.2					5		
Chỉ số 3.7.3.				4			
Điểm tiêu chí 7							

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 3

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 6	4.5
2	Tiêu chí 7	4.7
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		4.42

Tiêu chuẩn 4

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Tiêu chí 8: Hợp tác vùng, địa phương

4.8.1. Trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh hiện nay là một trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ lớn. Trường đã tuyên bố Sứ mạng: *"Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học"*. Ngoài nhiệm vụ giáo dục và đào tạo (phổ thông, đại học, sau đại học), Nhà trường còn được các cơ quan chức năng giao nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ khác.... Đặc biệt, triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán theo Chương trình ETEP.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, Nhà trường xây dựng nhiều kế hoạch cụ thể quy định về nội dung, chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông [H4.08.01.01].

Ngoài ra, để đáp ứng với nhu cầu đào tạo của từng địa phương và thích hợp với từng đối tượng cụ thể, Trường thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông trong vùng và địa phương; thực hiện các chương trình phối hợp, liên kết đào tạo với nhiều đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh lân cận nhằm nắm bắt kịp thời nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên và cán bộ quản lý phổ thông [H4.08.01.02].

Trên cơ sở kế hoạch, chương trình, nội dung, đối tượng bồi dưỡng thường xuyên đã được xây dựng, Nhà trường triển khai bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên; bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, giáo viên các trường đại học, cao đẳng tại các địa phương; bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý cho học sinh các trường phổ thông; đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ các loại hình đào tạo ngắn hạn (ngoại ngữ, tin học...) theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ ban hành. Thực hiện Chương trình ETEP, Trường đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh thực hiện bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán, hỗ trợ bồi dưỡng giáo viên phổ thông đại trà. Ngoài ra, Trường còn phối hợp với Dự án RGEP thực hiện

bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn trường phổ thông; hợp đồng với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nghệ An thực hiện bồi dưỡng cho giáo viên lớp 1, lớp 6 đại trà về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 [H4.08.01.03].

Tính từ 2019 đến 2020, Nhà trường đã đào tạo, bồi dưỡng và cấp: 24.656 lượt chứng chỉ chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; 2.248 chứng chỉ ngoại ngữ; 2.273 chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản. Thực hiện Chương trình ETEP, từ năm 2019 đến năm 2020, Trường đã bồi dưỡng hoàn thành mô đun 1, 2, 3 cho 18.509 lượt giáo viên phổ thông cốt cán; hỗ trợ bồi dưỡng mô đun 1, 2 cho 79.186 lượt giáo viên đại trà của 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh. Phối hợp với Dự án RGEP, Trường đã bồi dưỡng 900 tổ trưởng chuyên môn và thực hiện hợp đồng với Sở GD&ĐT tỉnh Nghệ An, Trường đã hoàn thành bồi dưỡng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cho 12.619 giáo viên lớp 1 và lớp 6 [H4.08.01.04]. Sau mỗi khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông, Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến khảo sát của người học cho biết hài lòng hoặc không hài lòng đối với các khóa đào tạo và bồi dưỡng. Trên 90% người học đã cho kết quả tốt, đặc biệt trong việc bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán theo Chương trình ETEP, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý Chương trình ETEP Trung ương, các Sở Giáo dục và Đào tạo, các học viên đánh giá cao [H4.08.01.05].

Hàng năm, ngoài tổng kết hoạt động, tổng kết công tác năm học của toàn trường, trên cơ sở đánh giá cũng như các ý kiến góp ý xây dựng của các bên liên quan, Nhà trường tiếp thu các ý kiến và thực hiện cải tiến chất lượng tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên [H4.08.01.06].

2. Điểm mạnh

- Trường đã có kế hoạch cụ thể cho các khóa bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông
- Nhà trường đã chủ động phối hợp với các địa phương và các đơn vị ngoài trường có kế hoạch và triển khai hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.
- Nhân lực của Nhà trường sẵn có nên việc triển khai các chương trình bồi dưỡng thường xuyên diễn ra thuận lợi; các địa phương tin tưởng vào uy tín, vị thế của Nhà trường nên hợp tác ngày càng nhiều.

3. Điểm tồn tại

- Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, giáo viên; bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý cho học sinh các trường phổ thông; đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học... còn hạn chế do các quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng đề án và đề nghị Bộ GD&ĐT cho phép tiếp tục bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, giáo viên; mở rộng bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học và các chứng chỉ khác	- Phòng ĐT - TT GDTX - TT BD NVSP - Các khoa/viện - Phòng KH-TC	2020	2022 (hàng năm)
1.	Phát huy điểm mạnh	Triển khai có hiệu quả các đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục	- TT GDTX - TT BD NVSP - Các khoa/viện - Phòng KH-TC	2020	2022 (hàng năm)
2.		Bổ trí hợp lý nhân lực của Nhà trường để triển khai các chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục	- Phòng TCCB - Phòng ĐT - TT GDTX - TT BD NVSP - Các khoa/viện	2020	2022 (hàng năm)

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.8.1				4			

4.8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.

1. Mô tả

Việc tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường, địa phương và các doanh nghiệp để triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ là rất quan trọng đối với các cơ sở giáo dục đại

học hiện nay. Chính vì vậy, Trường Đại học Vinh đã xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu hội nhập và cạnh tranh với thị trường lao động trong nước. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025 để triển khai thực hiện tốt các hoạt động về khoa học giáo dục [H4.08.02.01].

Để hợp tác triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục, Nhà trường đã ký nhiều thỏa thuận với các trường đại học và các bên liên quan trong vùng, địa phương. Nhà trường cũng đã lập kế hoạch khảo sát nhu cầu của các trường đại học và các bên liên quan trong vùng, địa phương để đáp ứng tốt nhu cầu xã hội khi xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng và các xác định các nhiệm vụ, đề tài, chương trình nghiên cứu [H4.08.02.02].

Từ các thỏa thuận hợp tác, từ các nhu cầu của các trường đại học và các bên liên quan trong vùng, địa phương, Trường xây dựng và ban hành các kế hoạch, chương trình tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo để bàn các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Tiêu biểu như Hội nghị vật lý lý thuyết toàn quốc lần thứ 37, Hội nghị "Hợp tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong giai đoạn mới", Hội thảo nghiên cứu phát triển các sản phẩm tự nhiên lần thứ V, Hội thảo khoa học quốc gia "Xây dựng tiêu chí chất lượng đội ngũ nhà giáo cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục", Hội thảo khoa học quốc tế "Đào tạo bồi dưỡng giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và giảng viên sư phạm", Hội thảo khoa học "Đổi mới hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên ngữ văn đáp ứng mô hình giáo dục phát triển năng lực", Hội thảo khoa học "Nghiên cứu và dạy học Toán đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay". Hội nghị quốc tế "Quang học phi tuyến và vật liệu mới", Hội nghị hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh của Nước CHDCND Lào, Hội thảo quốc tế "Chương trình giảng dạy tiếng Anh", Hội nghị Quốc tế "Các xu thế trong Quang học đương đại", Hội thảo khoa học quốc tế "Phát triển chương trình, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực",... [H4.08.02.03].

Ngoài ra, sự tham gia của Trường vào mạng lưới trường sư phạm và các hoạt động phát triển hợp tác phản ánh các mục tiêu giáo dục của Trường: *Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công*. Từ đó, Trường đã xây dựng và thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển lĩnh vực Sư phạm giai đoạn 2018 - 2022, tầm nhìn 2030 [H4.08.02.04].

Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, chương trình giáo dục địa phương là nội dung bắt buộc đưa vào nội dung dạy học, do Sở Giáo dục và Đào tạo ở các địa phương biên soạn, hoàn thiện nội dung để giảng dạy trong những năm tới. Nhằm đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình mới cho sinh viên sư phạm, Nhà

trường khuyến khích giảng viên đưa bối cảnh địa phương vào các hoạt động giảng dạy trong trường, đặc biệt trong việc giảng dạy sinh viên các ngành sư phạm Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý...

Từ sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo Nhà trường, hoạt động phối hợp triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục tại Trường đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các sự kiện về khoa học giáo dục do Nhà trường tổ chức rất thành công, được Bộ Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, trường phổ thông cũng như các đối tác trong nước và quốc tế đánh giá cao [H4.08.02.05]. Thông qua các sự kiện này, Nhà trường nhận được nhiều chia sẻ từ các chuyên gia, các học giả và người học qua đó để trường cải thiện tốt hơn môi trường giáo dục, phù hợp với sứ mệnh của nhà trường và sự phát triển của xã hội. Bên cạnh đó, các diễn đàn đã mở ra cho nhà trường nhiều thỏa thuận hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ [H4.08.02.06].

Từ năm 2018, căn cứ kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội, căn cứ các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo của Hiệu trưởng tại Hội nghị cán bộ, viên chức..., để làm tốt các hoạt động nói chung và công tác phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục nói riêng, Nhà trường đều có kế hoạch cải tiến hàng năm và triển khai tốt kế hoạch cải tiến [H4.08.02.07].

2. Điểm mạnh

- Trường thường xuyên tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục với các trường đại học trong và ngoài nước, với các đơn vị và địa phương trong nước.

- Sự tham gia của Trường vào mạng lưới trường sư phạm và các hoạt động phát triển hợp tác phản ánh các mục tiêu giáo dục của Trường.

3. Điểm tồn tại

- Chưa khảo sát và lấy ý kiến phản hồi về kết quả hợp tác tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục giữa trường với trường đại học và các bên liên quan khác.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Lập phương án khảo sát và lấy ý kiến phản hồi về kết quả hợp tác tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục giữa trường với trường đại	- Phòng Đào tạo - TT DV, HTSV&QHDN	2020	2022 (hàng năm)

		học và các bên liên quan khác			
1.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục với các trường đại học trong và ngoài nước, với các đơn vị và địa phương trong nước	- Phòng Đào tạo - Phòng KH&HTQT - TT DV, HTSV&QHĐN	2020	2022 (hàng năm)
2.		Xây dựng kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động hơn trong mạng lưới các trường sư phạm	- Phòng Đào tạo - BQL ETEP	2020	2022 (hàng năm)

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.8.2					4		

Điểm tự đánh giá tiêu chí 8

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.8.1				4			
Chỉ số 4.8.2				4			
Điểm tiêu chí 8	4.0						

Tiêu chí 9: Hợp tác quốc tế

4.9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong mạng lưới này.

1. Mô tả

Trong bối cảnh hội nhập, hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên, Trường Đại học Vinh luôn coi trọng việc khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong mạng lưới này. Nhà trường đã cụ thể hóa các mục tiêu cụ thể và giải pháp hoạt động hợp tác quốc tế trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030; xây dựng các quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức học tập, công tác ở nước ngoài; quy chế quản lý việc ra nước ngoài của cán bộ, công chức và viên chức... [H4.09.01.01].

Để tạo cơ chế cho các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng chính sách hợp tác quốc tế, Nhà trường quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ về nguồn kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên tham gia trao đổi và hợp tác quốc tế. Ngoài ra, Trường còn có các quy định ưu tiên, miễn giảm giờ dạy, giờ nghiên cứu khoa học cho cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế [H4.09.01.02].

Thực hiện chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản, Nhà trường đã tăng cường thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong đó chú trọng bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức bằng việc triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh tại Trường Đại học Vinh; thường xuyên kiểm tra trình độ và mở nhiều lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ giảng dạy. Đối với sinh viên, Nhà trường bắt buộc sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh theo quy định Chuẩn đầu ra. Ngoài ra, Nhà trường còn mở nhiều khóa học tiếng Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức miễn phí cho cán bộ, sinh viên [H4.09.01.03].

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học, trong đó chú trọng kế hoạch hợp tác quốc tế và kế hoạch thực hiện chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản [H4.09.01.04].

Nhờ có các chính sách, kế hoạch hợp lý, Nhà trường đã có nhiều cán bộ, giảng viên tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản bằng cách tham gia trao đổi kinh nghiệm về quản trị đại học, đào tạo, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài; làm Văn phòng đại diện tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Úc... Nhà trường cũng đã có nhiều cơ hội mới với các thỏa thuận hợp tác quốc tế, đồng thời phối hợp với các trường đại học nước ngoài, các tổ chức quốc tế tổ chức nhiều hội nghị có chất lượng, tham gia nhiều diễn đàn, triển lãm giáo dục khác do các trường đại học nước ngoài tổ chức. Đối với sinh viên, đa số sinh viên có trình độ ngoại ngữ tốt; nhiều em được tham gia trao đổi văn hóa với các nước trong khu vực và quốc tế như Hoa Kỳ, Lào, Trung Quốc, Thái Lan, đi thực tập sinh tại Israel, đi du học tại Úc... [H4.09.01.05].

Từ năm 2018, ngoài tổng kết các hoạt động qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo của Hiệu trưởng tại Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm thì căn cứ kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội, để làm tốt việc khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản, Nhà trường đều có kế hoạch cải tiến hàng năm [H4.09.01.06].

2. Điểm mạnh

- Hoạt động hợp tác quốc tế đã được cụ thể hóa các mục tiêu cụ thể và giải pháp trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường.

- Nhà trường đã có nhiều chính sách tạo cơ chế cho các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng chính sách hợp tác quốc tế, hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên tham gia trao đổi và hợp tác quốc tế.

- Trường chú trọng bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức; mở nhiều khóa học tiếng Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức miễn phí cho cán bộ, sinh viên để khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản.

- Hoạt động hợp tác quốc tế đã hướng tới nhiều trung tâm, khu vực có giáo dục đại học phát triển mạnh, trong đó đặc biệt là phát triển về đào tạo giáo viên và khoa học giáo dục như Hoa Kỳ, EU, các nước Đông Âu, Mạng lưới các trường đại học ASEAN.

- Đã có kế hoạch cải tiến việc khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có cơ chế để các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng chính sách hợp tác quốc tế.

- Chưa có dữ liệu khảo sát giảng viên và người học tham gia mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản; chưa rà soát, đánh giá hiệu quả của chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng cơ chế để các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng chính sách hợp tác quốc tế	- Phòng KH&HTQT - Phòng TCCB - Phòng KH-TC	2020	2022 (hàng năm)
2.		Khảo sát giảng viên và người học tham gia mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản	- Phòng KH&HTQT	2020	2022 (hàng năm)
3.		Rà soát, đánh giá hiệu quả của chính sách khuyến khích giảng viên và người học	- Phòng KH&HTQT	2020	2022 (hàng năm)

1.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng và cải tiến các quy định, quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức học tập, công tác ở nước ngoài	- Phòng KH&HTQT - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)
2.		Tiếp tục xây dựng các chính sách tạo cơ chế cho các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng chính sách hợp tác quốc tế, hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên tham gia trao đổi và hợp tác quốc tế	- Phòng KH&HTQT - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)
2.		Chú trọng bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức; mở nhiều khóa học tiếng Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức miễn phí cho cán bộ, sinh viên	- Phòng KH&HTQT - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)
3.		Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế hướng tới nhiều trung tâm, khu vực có giáo dục đại học phát triển mạnh	- Phòng KH&HTQT - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)
4.		Tiếp tục xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về đào tạo giáo viên, khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới	- Phòng KH&HTQT - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)
5.		Thực hiện kế hoạch cải tiến việc khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản	- Phòng KH&HTQT - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.9.1				4			

4.9.2. Trường hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng.

1. Mô tả

Nhằm thực hiện tốt việc liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài, Nhà trường xác định chính sách, kế hoạch thông qua Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 và tạo những chính sách hợp lý bằng Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H4.09.02.01].

Hiện nay, chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài của Nhà trường đang được triển khai xây dựng hướng đến đa dạng và bền vững. Nhà trường đã ký thỏa thuận hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng với các Sở Giáo dục và Đào tạo của Lào, các trường đại học của Thái Lan; hợp tác phát triển giáo dục và tăng cường sự hiểu biết đa chiều với trường đại học ở Hàn Quốc. Song song đó, Nhà trường cử nhiều cán bộ, giảng viên tham gia các chương trình trao đổi giảng viên; tiếp nhận, trao đổi chương trình học với lưu học sinh Lào và Thái Lan; cử sinh viên đi học tập và thực tập tại Isarel, tu nghiệp sinh tại Úc... [H4.09.02.02].

Từ các trao đổi quốc tế, Nhà trường đã được đánh giá cao và ghi nhận. Tiêu biểu là đã được Chính phủ Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 3 lần tặng Huân chương Hữu nghị và 1 lần tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Đây là ghi nhận quý báu cho sự cố gắng và phấn đấu của Nhà trường trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu, phát triển liên kết đào tạo và hợp tác quốc tế [H4.09.02.03].

Trong những năm gần đây, giới tính, môi trường, toàn cầu hóa là những nội dung quan trọng, cấp thiết trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Nhà trường quy định về việc tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng; đặc biệt là kỹ năng để phát triển sinh viên trở thành người công dân toàn cầu. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp của Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa về giới tính, sức khỏe sinh sản, bảo vệ môi trường cho sinh viên [H4.09.02.04].

Hàng năm, Nhà trường đã tổng kết, rà soát các hoạt động qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo của Hiệu trưởng tại Hội nghị cán bộ, viên chức; đồng thời từ kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nhà trường có kế hoạch và triển khai cải tiến việc hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu

khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng [H4.09.02.05].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã ký nhiều thỏa thuận hợp tác để liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài.

- Nhà trường đã được đánh giá cao và ghi nhận sự cố gắng và phấn đấu trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu, phát triển liên kết đào tạo và hợp tác quốc tế.

3. Điểm tồn tại

- Chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài mới chủ yếu là đào tạo lưu học sinh Lào, Thái Lan.

- Việc tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên còn hạn chế do quy định khung chương trình đào tạo giáo viên phải thực hiện theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chưa khảo sát giảng viên và người học đánh giá kết quả hoạt động hỗ trợ và phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Phát triển và tìm kiếm đối tác nước ngoài để thực hiện liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học	- Phòng KH&HTQT - Các đơn vị	2020	2022
		Xây dựng và ban hành các quy định riêng về việc tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên	- Phòng Đào tạo - Các khoa, viện	2020	2022
		Triển khai lấy ý kiến giảng viên và người học đánh giá kết quả hoạt động hỗ trợ và phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi	- Đào tạo - Các khoa, viện - Trung tâm DV, HTSV&QHDN	2020	2022 (hàng năm)

		đường và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài			
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục ký thỏa thuận và triển khai hợp tác để liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài	- Phòng KH&HTQT - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)
		Tiếp tục xây dựng các giải pháp trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu, phát triển liên kết đào tạo và hợp tác quốc tế để nâng cao chất lượng hoạt động	- Phòng KH&HTQT - Phòng Đào tạo - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.9.2				4			

4.9.3. Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định.

1. Mô tả

Trong giai đoạn hiện nay, ngoại ngữ là yếu tố rất quan trọng đối với cơ sở giáo dục đại học. Đối với Trường Đại học Vinh, Nhà trường xác định trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 là Nâng cao năng lực tiếng Anh và CNTT cho người học để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0. Từ đó, Nhà trường có quy định trình độ ngoại ngữ của giảng viên và người học các chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng. Cụ thể đối với cán bộ, tiêu chuẩn để tuyển dụng vào vị trí giảng viên phải có trình độ ngoại ngữ bậc 4/B2 hoặc tương đương trở lên. Riêng giảng viên của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ khi tuyển đầu vào phải có trình độ tiếng Anh bậc 5/C1 quốc tế. Đối với sinh viên, học viên cao học thạc sĩ, từ khóa tuyển sinh năm 2013, Nhà trường quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với sinh viên và cao học thạc sĩ là bậc 3/B1 [H4.09.03.01].

Để cán bộ, giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định, từ năm 2014, Nhà trường đã ban hành Đề án nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh ở Trường Đại học Vinh [H4.09.03.02]. Từ đề án đó, Nhà trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức đào tạo, thi cấp chứng nhận ngoại ngữ 6 bậc (tương đương Khung tham chiếu Châu Âu) theo đúng các quy định hiện hành. Trường thường xuyên tổ chức

các lớp đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh theo hình thức trực tuyến, tại chỗ cho cán bộ, viên chức; có lộ trình cụ thể để ngày càng nâng cao và chuẩn hóa trình độ ngoại ngữ của cán bộ, đặc biệt là cán bộ trẻ theo thời gian công tác. Đối với sinh viên, Nhà trường đã tổ chức nhiều mô hình câu lạc bộ tiếng Anh cho sinh viên tham gia; thông qua các tổ chức quốc tế và các trường đại học, Trường mời các chuyên gia nước ngoài về trực tiếp dạy ngoại ngữ cho sinh viên. Nhờ các giải pháp trên, năng lực ngoại ngữ của cán bộ, giảng viên, sinh viên đã được cải thiện. Kết quả khảo sát, đánh giá trình độ ngoại ngữ của giảng viên hàng năm có nhiều tiến bộ; kết quả học ngoại ngữ của sinh viên được chú trọng và đạt được nhiều kết quả tốt [H4.09.03.03]. Tuy nhiên một số giảng viên vẫn chưa thành thạo việc giao tiếp bằng tiếng Anh; kết quả học ngoại ngữ của sinh viên vẫn đang còn nhiều em thấp.

Riêng đối với cán bộ, viên chức, trình độ ngoại ngữ có liên quan đến chính sách nhân sự và việc làm. Hàng năm, Nhà trường tiến hành kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ nghiêm túc và được thông báo công khai, được đem vào xếp loại thi đua cán bộ, viên chức toàn trường. Từ năm 2016, Trường ban hành và áp dụng Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh; Quy định về công tác bổ nhiệm cán bộ; Quy định về bổ nhiệm giảng viên chính, các chức danh Giáo sư và Phó giáo sư. Trong đó quy định rất rõ về những vị trí việc làm nào, chức danh nào sẽ cần trình độ ngoại ngữ tương đương để tất cả giảng viên biết và cải thiện năng lực ngoại ngữ của mình, nhằm đáp ứng được yêu cầu của nhà trường và xã hội [H4.09.03.04].

Để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định, Nhà trường đánh giá thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, chưa khảo sát qua điều tra thống kê, nhưng từ kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch và triển khai việc cải tiến chính sách về ngoại ngữ trong Trường [H4.09.03.05].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có chiến lược và quy định về việc nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên.

- Các khóa bồi dưỡng về năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên đã được Nhà trường tổ chức thường xuyên.

- Nhà trường đã gắn trình độ ngoại ngữ với chính sách nhân sự và việc làm; thực hiện kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ hàng năm đối với cán bộ, viên chức toàn trường.

3. Điểm tồn tại

- Nhiều giảng viên chưa thành thạo việc giao tiếp bằng tiếng Anh, mới chỉ có một số giảng viên có thể tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh.

- Kết quả học ngoại ngữ của sinh viên còn thấp.
- Chưa theo dõi, đánh giá mức độ cải thiện năng lực ngoại ngữ của giảng viên và sinh viên sư phạm thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng quy định đúng đắn cán bộ, viên chức học tập, nâng cao trình độ ngoại ngữ, giao tiếp bằng ngoại ngữ	- Ban Giám hiệu - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)
		Xây dựng giải pháp hỗ trợ sinh viên học ngoại ngữ để nâng cao kết quả học và thi ngoại ngữ của sinh viên	- Phòng Đào tạo - Các khoa, viện - Đoàn TN, Hội SV	2020	2022 (hàng năm)
		Triển khai thực hiện theo dõi, đánh giá mức độ cải thiện năng lực ngoại ngữ của giảng viên và sinh viên sư phạm thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế	- Phòng TCCB - Phòng Đào tạo - Các khoa, viện - TT DV, HTSV&QHDN	2020	2022 (hàng năm)
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện chiến lược và quy định về việc nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên	- Ban Giám hiệu - Phòng TCCB - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)
		Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên	- Phòng TCCB - Khoa SP Ngoại ngữ - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)
		Tiếp tục xây dựng các quy định, quy chế gắn trình độ ngoại ngữ với chính sách nhân sự và việc làm; thực hiện kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ hàng năm đối với cán bộ, viên chức toàn trường	- Phòng TCCB - Khoa SP Ngoại ngữ - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.9.3				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 9

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.9.1				4			
Chỉ số 4.9.2				4			
Chỉ số 4.9.3				4			
Điểm tiêu chí 9	4.0						

Tiêu chí 10: Hợp tác với các tổ chức khác

4.10.1. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác theo nhiều mục tiêu khác nhau.

1. Mô tả

Hiện nay, Trường tuyên bố Sứ mạng là "*cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước*".

Để thực hiện sứ mạng đó, Trường xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030; Kế hoạch chiến lược phát triển lĩnh vực Sư phạm của trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2022, tầm nhìn 2030 [H4.10.01.01].

Triển khai các kế hoạch chiến lược, ngoài duy trì đào tạo đại học, sau đại học tại Trường, Trường đã tổ chức đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học SPKT Vĩnh Long, Trường Đại học KTCN Long An, Trường Đại học Đà Lạt. Với hình thức này, Trường Đại học Vinh đã trực tiếp hỗ trợ đào tạo tại chỗ cho giảng viên, cán bộ quản lý của các trường hiệu quả nhất. Ngoài ra, được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường cũng đã triển khai đào tạo sinh viên đại học chính quy các ngành chất lượng cao, trong đó có ngành Sư phạm Toán học nhằm cung cấp nguồn giáo viên dạy Toán cho hệ thống giáo dục và đào tạo khu vực và cả nước [H4.10.01.02].

Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường đã đào tạo và cung cấp cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước trên 170.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học và kỹ sư, 13.366 thạc sĩ và 244 tiến sĩ; số học sinh tốt nghiệp THPT là 8.805 em (có 12 em đoạt các giải Toán quốc tế và giải Toán khu vực châu Á - Thái Bình Dương, 236 em đoạt

giải quốc gia). Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm chiếm trên 80%. Sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Vinh được đào tạo toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng sống... nên khi ra trường sớm khẳng định được năng lực chuyên môn, được các nhà tuyển dụng đánh giá cao. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, nhiều cán bộ chất lượng cao của Nhà trường cũng được mời, cử và chuyển đến các trường đại học, cao đẳng khác để tham gia giảng dạy, quản lý, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho các trường theo nhiều mục tiêu khác nhau [H4.10.01.03].

Để thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác, Trường đã thường xuyên theo dõi cựu cán bộ, sinh viên của trường, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về chính sách và kế hoạch cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao [H4.10.01.04].

Để cải tiến hoạt động cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác, Trường đã nghiên cứu và đưa vào kế hoạch xây dựng và áp dụng đào tạo các chương trình tiên tiến và chất lượng cao [H4.10.01.05].

2. Điểm mạnh

- Trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nhiều trình độ khác nhau: THPT Chuyên, đại học, sau đại học.

- Nhiều cán bộ chất lượng cao của Nhà trường cũng được mời, cử và chuyển đến các trường đại học, cao đẳng khác để tham gia giảng dạy, quản lý, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho các trường.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa tổ chức được các chương trình học tiên tiến, học bằng tiếng nước ngoài và các chương trình liên kết với các trường đại học uy tín trên thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Tổ chức được các chương trình học tiên tiến, học bằng tiếng nước ngoài và các chương trình liên kết với các trường đại học uy tín trên thế giới	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SĐH	2020	2022

2.	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và triển khai đào tạo đại học hệ chất lượng cao các ngành sư phạm khác (SP Hóa học, SP Ngữ văn, SP Tiếng Anh); đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành phương pháp giảng dạy	- Ban Giám hiệu - Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH	2020	2022
		Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện liên kết với cơ sở đào tạo, cơ quan, đơn vị để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường, tăng thêm thu nhập hợp pháp cho cán bộ và giảng viên năm sau cao hơn năm trước nhằm giữ cán bộ, giảng viên	- Ban Giám hiệu - Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH - TT GDTX	2020	2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.10.1				4			

4.10.2. Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.

1. Mô tả

Là cơ sở đào tạo giáo viên với nhiều trình độ khác nhau, Trường luôn chú trọng xây dựng mối liên hệ với các trường đại học, cao đẳng sư phạm trong cả nước. Hiện nay, Trường là một đơn vị lớn, có vị thế trong mạng lưới các trường đại học sư phạm. Trường là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, được tham gia và thụ hưởng Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP) [H4.10.02.01]. Ngoài ra, Trường tham gia Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm gồm các trường: Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội 2, Trường ĐHSP TP. HCM, Trường ĐHSP Huế, Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên, Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Vinh và Trường Đại học Đồng Tháp; tham gia Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc, có nhiều giải pháp để cùng trao đổi, hợp tác triển khai các hình thức liên kết đào tạo tốt nhất, tạo cơ hội để Nhà trường cũng như các đối tác liên kết cùng phát triển; tham gia

Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA), Hiệp hội CDIO quốc tế... [H4.10.02.02]..

Nhằm thể hiện vai trò, vị trí của trường trong mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác trong việc chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, đặc biệt là chính sách hợp tác với các trường sư phạm và các trường khác, năm 2019, Trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển lĩnh vực Sư phạm của Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2022, tầm nhìn 2030

Thực hiện nhiệm vụ của mình trong mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác, Nhà trường và các đơn vị, cá nhân thuộc Trường đã tích cực tham gia các hoạt động như thực hiện các đề tài, nhiệm vụ trong Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP); tham gia các hoạt động chung của Câu lạc bộ và chủ trì tổ chức Hội nghị Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm với nhiều kết quả hợp tác tốt đẹp; tham gia các hội nghị của Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc [H4.10.02.03].

Cùng với các hoạt động kiểm tra, giám sát trong Chương trình ETEP, từ năm 2018, căn cứ kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội, để thực hiện tốt vai trò của mình trong mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, Nhà trường đều có kế hoạch cải tiến hàng năm và triển khai tốt kế hoạch cải tiến [H4.10.02.04].

2. Điểm mạnh

- Trường đã được thụ hưởng Chương trình ETEP; tham gia Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA), Hiệp hội CDIO quốc tế.

- Trường tham gia tốt các hoạt động của mạng lưới các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc.

3. Điểm tồn tại

- Hoạt động của Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc chủ yếu là hội nghị, hội thảo, bàn các giải pháp và đưa ra tiếng nói chung; chưa có các hội nghị chuyên đề góp ý riêng, đề xuất giải pháp riêng cho từng trường, từng trung tâm để cùng xây dựng và phát triển.

- Việc tham gia Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA) mới chỉ có các hoạt động kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Đề xuất tổ chức các hội nghị chuyên đề góp ý riêng, đề xuất giải pháp riêng cho từng trường, từng trung tâm GDTX trong hoạt động của CLB Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm, CLB Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc	- Phòng ĐT - Trung tâm GDTX - Trung tâm BD NVSP	2020	2022 (hàng năm)
		Đề xuất và tham gia nhiều hoạt động khác của Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA)	- Trung tâm ĐBCL - Trung tâm KĐCLGD	2020	2022 (hàng năm)
2.	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện tốt các nhiệm vụ thuộc Chương trình ETEP; xây dựng các kế hoạch và nội dung hoạt động tham gia Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA) và Hiệp hội CDIO quốc tế	- Phòng ĐT - Phòng KH&HTQT - BQL ETEP	2020	2022 (hàng năm)
		Xây dựng kế hoạch cụ thể tham gia hoạt động của mạng lưới các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX	- Phòng ĐT - Phòng KH&HTQT - Trung tâm GDTX - Trung tâm BD NVSP - BQL ETEP	2020	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.10.2				4			

4.10.3. Trường hỗ trợ giảng viên và người học tham, đóng góp các hoạt động chuyên môn trong ngành.

1. Mô tả

Là một trường đại học lớn, Trường Đại học Vinh luôn có mặt tham gia và đóng góp cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Ngành Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường xác định trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 với Sự mạng: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước [H4.10.03.01].

Để hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp các hoạt động chuyên môn, Trường có các chính sách được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có quy định về mức chi cho hoạt động hỗ trợ giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đổi mới giáo dục; Quy chế đặc thù cho cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học ở Trung tâm Nghiên cứu Khởi nghiệp - Sáng tạo của Nhà trường; Quy chế đặc thù cho các nhóm nghiên cứu và nghiên cứu mạnh... [H4.10.03.02].

Hàng năm, Trường thường xuyên cử cán bộ tham gia các hoạt động do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức: tham gia biên soạn chương trình Giáo dục phổ thông mới; tham gia giảng dạy, ra đề thi, coi thi các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, thi THPT quốc gia; đến nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước... Đối với sinh viên, Trường hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động như Giải thưởng Sinh viên Nghiên cứu khoa học cấp Bộ, các hoạt động, hội thi mang tầm quốc gia, khu vực... Ngoài hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; thanh toán tiền mua tài liệu, thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ thêm tiền ăn cho cán bộ, giảng viên tham gia bồi dưỡng; Trường đã thanh toán dạy vượt giờ chuẩn, hoạt động làm thêm của nhà giáo và người lao động với số tiền chi vượt chuẩn hàng chục tỷ đồng. Trường còn trích quỹ để chi khen thưởng cho các cán bộ, giảng viên có các bài báo, các công trình đăng trên các tạp chí có uy tín ở nước ngoài [H4.10.03.03].

Nhằm làm tốt hơn việc hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp các hoạt động chuyên môn trong ngành, Trường đã thường xuyên theo dõi, đánh giá hoạt

động hỗ trợ giảng viên và người học, lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về hoạt động hỗ trợ... [H4.10.03.04].

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của giảng viên và người học, kết hợp kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội, hàng năm Nhà trường đã ban hành kế hoạch cải tiến và triển khai thực hiện tốt kế hoạch [H4.10.03.05].

2. Điểm mạnh

- Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan tin tưởng, giao nhiệm vụ, mời tham gia các hoạt động chuyên môn trong ngành.

- Trường đã có những chính sách cụ thể hỗ trợ giảng viên và người học của mình tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành: Quy chế chi tiêu nội bộ, các quy chế đặc thù...

- Đã thường xuyên theo dõi, đánh giá hoạt động hỗ trợ giảng viên và người học và có kế hoạch cải tiến hằng năm.

3. Điểm tồn tại

- Các hoạt động chuyên môn bên ngoài trường chủ yếu là biên soạn chương trình, giảng dạy, ra đề thi, coi thi, tham gia các hội nghị, hội thảo... còn các hoạt động chuyên môn về khoa học và công nghệ chủ yếu thực hiện trong trường.

- Số lượng cán bộ và giảng viên đi tham gia, học tập, dự hội thảo ở nước ngoài còn ít.

- Hoạt động hỗ trợ chủ yếu dành cho cán bộ, đối với sinh viên còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động chuyên môn bên ngoài trường về khoa học và công nghệ để khuyến khích giảng viên và người học tham gia	- Phòng KH&HTQT	2020	2022 (hàng năm)
		Xây dựng và thực hiện kế hoạch cử cán bộ và giảng viên đi tham gia trao đổi kinh nghiệm, dự hội nghị, hội thảo ở nước ngoài với các chỉ số thực hiện cụ thể	- Phòng TCCB - Phòng KH&HTQT - Các khoa/viện	2020	2022 (hàng năm)

		Triển khai các giải pháp để tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, học viên	- Phòng KH&HTQT - Các khoa/viện	2020	2022 (hàng năm)
2.	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao truyền thông về uy tín, vị thế của Nhà trường để tiếp tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan giao nhiệm vụ, mời tham gia các hoạt động chuyên môn trong ngành	- Ban Giám hiệu - BP Truyền thông	2020	2022 (hàng năm)
		Tiếp tục có những chính sách cụ thể hỗ trợ giảng viên và người học của mình tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành	- Phòng TCCB - Phòng KH&HTQT - Phòng KHTC - Các khoa/viện	2020	2022 (hàng năm)
		Thường xuyên theo dõi, đánh giá hoạt động hỗ trợ giảng viên và người học và có kế hoạch cải tiến hàng năm	- TT DV, HTSV&QHĐN - TT ĐBCL	2020	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.10.3				4			

4.10.4. Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

1. Mô tả

Ngoài việc giảng dạy cho sinh viên, học viên của Trường, Nhà trường còn có các chính sách khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác. Trường quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về quản lý hoạt động công nghệ, Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2018 - 2025. Giảng viên được khuyến khích và bố trí tham gia giảng dạy các môn chuyên tại Trường THPT Chuyên, giảng dạy đại học hệ vừa làm vừa học; giảng

dạy bậc THPT chất lượng cao trực thuộc Trường; giảng dạy một số môn hệ đại học và một số chuyên đề cao học thạc sĩ tại các trường khác; tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi THPT các cấp; tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học và chuyển giao công nghệ về giáo dục với các bên có liên quan [H4.10.04.01].

Để hỗ trợ cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, hàng năm Trường ban hành kế hoạch triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ; Phê duyệt chủ trì và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; ban hành nhiều quyết định cử cán bộ tham gia vào các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác [H4.10.04.02].

Nhằm làm tốt hơn việc khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, Trường đã thường xuyên theo dõi, đánh giá chính sách khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ [H4.10.04.03].

Hiện nay, Trường hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với hơn 60 cơ sở giáo dục, cơ quan, đơn vị quốc tế. Một số đơn vị đã ký văn bản thỏa thuận hợp tác với Nhà trường mà hiện nay đang thỏa thuận đang có hiệu lực. Đặc biệt, trong năm 2020, Trường ký kết thỏa thuận hợp tác với Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW); Công ty Cổ phần Jonankotsu; Học viện King Sejong Việt Nam; Công ty TNHH Luxshare-ICT Nghệ An để hợp tác đào tạo, thực tập rèn nghề và tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp [H4.10.04.04]

2. Điểm mạnh

- Trường đã có những chính sách khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác.

- Trường đã thực hiện hỗ trợ giảng viên và người học tham gia vào hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ có hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

- Việc hợp tác với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác chủ yếu về đào tạo, bồi dưỡng, chưa chú trọng nhiều đến nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

- Chưa có kế hoạch cải tiến chính sách và hoạt động và hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch và triển khai hợp tác với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác về nghiên cứu và chuyển giao công nghệ	- Phòng KH&HTQT - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)
		Xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chính sách và hoạt động và hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ	- TT DV, HTSV&QHĐN - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH - TT GDTX - TT BD NVSP - Phòng KH&HTQT - Phòng KH-TC - Các khoa/viện	2020	2022 (hàng năm)
		Triển khai thực hiện hỗ trợ giảng viên và người học tham gia vào hoạt động hợp tác có hiệu quả	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH - TT GDTX - TT BD NVSP - Phòng KH&HTQT - Phòng KH-TC	2020	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.10.4			3				

Điểm tự đánh giá tiêu chí 10

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.10.1				4			
Chỉ số 4.10.2				4			
Chỉ số 4.10.3				4			
Chỉ số 4.10.4				3			
Điểm tiêu chí 10	3.75						

Tiêu chí 11: Thông tin và truyền thông

4.11.1. Trường đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và quyền riêng tư.

1. Mô tả

Để phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, Trường có các ấn phẩm chuyên môn là tài liệu, giáo trình, tạp chí khoa học, các kỷ yếu hội nghị, hội thảo... Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển khoa học công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025 trong đó thể hiện định hướng của Nhà trường trong công tác xuất bản các ấn phẩm chuyên môn [H4.11.01.01].

Việc xuất bản và phát hành các tài liệu, giáo trình, sách liên kết của Nhà trường thực hiện theo Quy định về việc biên soạn, nghiệm thu, xuất bản, phát hành, sử dụng giáo trình, tài liệu học tập và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh. Việc công bố các kết quả nghiên cứu khoa học trên Tạp chí khoa học được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh [H4.11.01.02].

Tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, trong Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh, trong các quy chế, quy định của Nhà trường về xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn, Nhà trường đã quy định rõ và hướng dẫn thực hiện việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, các tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư [H4.11.01.03].

Ngoài ra, công tác nghiệm thu, phản biện và phê duyệt tài liệu, giáo trình; việc tiếp nhận bài báo, phản biện, đăng bài trên Tạp chí Khoa học được xây dựng rõ ràng, đảm bảo tính chính xác, khoa học và bảo mật.

Thực hiện các quy trình, quy định xuất bản, phát hành, sử dụng ấn phẩm chuyên môn, Nhà trường đã thành lập Nhà Xuất bản Đại học Vinh (năm 2011) phụ trách việc xuất bản tài liệu, giáo trình; thành lập Tạp chí khoa học (năm 2003) phụ trách hoạt động của Tạp chí khoa học. Nhà Xuất bản Đại học Vinh là đơn vị sự nghiệp công lập,

có tư cách, có con dấu, tài khoản riêng, hoạt động theo giấy phép của Bộ Thông tin và Truyền thông (Giấy phép số 449/GP-BTTTT ngày 08/9/2015) và chịu sự quản lý của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Tạp chí khoa học là tổ chức báo chí mang tính học thuật trực thuộc Trường, có sứ mệnh công bố các kết quả nghiên cứu mới trong các lĩnh vực về khoa học giáo dục, khoa học cơ bản và ứng dụng của các tác giả trong và ngoài trường, hoạt động theo sự đồng ý của Bộ Thông tin và Truyền thông (Giấy phép số 211/GP-BTTTT ngày 15/7/2003) [H4.11.01.04].

Để đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn có kế hoạch, thực hiện đúng quy định quản lý hoạt động xuất bản và phát hành. Về xuất bản, Nhà trường đã có Kế hoạch xuất bản giáo trình, tài liệu từng năm (các năm 2016, 2017, 2018, 2019) và Kế hoạch xuất bản giáo trình, tài liệu giai đoạn 2016 - 2020. Đặc biệt, từ năm 2016, Nhà trường đã triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm xây dựng và phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, trong đó quy định chi tiết về nhiệm vụ viết bài giảng, tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo tiếp cận CDIO từ khóa tuyển sinh năm 2017. Về Tạp chí khoa học, Nhà trường có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu hàng năm cho các khoa, viện đào tạo về số lượng bài báo đăng trên Tạp chí hàng năm [H4.11.01.05].

Thực hiện quản lý, giám sát việc thực hiện quy định về xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn, nhất là sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư, Nhà trường đã tổ chức cho cán bộ Nhà Xuất bản, Tạp chí khoa học và các đơn vị liên quan tham dự các lớp đào tạo chuyên sâu về Sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, Nhà trường còn có các giải pháp để kiểm tra, rà soát nội dung như áp dụng hệ thống hỗ trợ nâng cao chất lượng tài liệu doIT để kiểm tra trùng lặp văn bản với dữ liệu của hệ thống bao gồm các giáo trình, tài liệu, luận văn, khoá luận của nhiều trường đại học lớn trong cả nước, cũng như các bài báo, tạp chí và nhiều nguồn tài liệu uy tín khác [H4.11.01.06].

Nhờ thực hiện tốt các quy trình, quy định; làm tốt công tác quản lý, giám sát, số lượng và chất lượng các ấn phẩm chuyên môn của Nhà trường luôn được đảm bảo. Việc nghiệm thu và xuất bản giáo trình, tài liệu đã được tiến hành đúng quy định, chất lượng giáo trình được nâng lên, tất cả đều được biên soạn theo chương trình tiếp cận CDIO. Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo cụ thể kết quả thực hiện quy định quản lý hoạt động xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn trong trường [H4.11.01.07].

Năm 2020, thực hiện Chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, để đáp ứng với những thay đổi trong tình hình mới, Nhà trường đã xây dựng dự thảo "Quy định về công tác xuất bản và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh" thay thế cho quy định được ban hành kèm

theo Quyết định số 533/QĐ-ĐHV ngày 28/6/2018 và đã xin ý kiến của các đơn vị liên quan trong Trường. Sau khi có góp ý của các đơn vị liên quan, Nhà Xuất bản Đại học Vinh đã nghiêm túc tiếp thu, sửa chữa và chuẩn bị ban hành Quy định về công tác xuất bản và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh trong đó có nhiều điểm cải tiến so với Quy định trước đây. Về Tạp chí khoa học, hiện Nhà trường đang tiếp tục triển khai thực hiện Dự án nâng cấp Tạp chí khoa học Trường Đại học Vinh để làm tốt hơn việc xuất bản Tạp chí khoa học trong giai đoạn phát triển mới của Nhà trường [H4.11.01.08].

2. Điểm mạnh

- Hoạt động xuất bản các ấn phẩm chuyên môn được Nhà trường tổ chức chuyên nghiệp, có đơn vị và cá nhân phụ trách, chịu trách nhiệm.

- Việc xuất bản và phát hành giáo trình, tài liệu, sách liên kết của Nhà trường thực hiện đúng các quy trình, quy định phù hợp với các yêu cầu của Nhà nước và có chất lượng.

- Tạp chí Khoa học được Nhà trường quan tâm đẩy mạnh và có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu hàng năm, có Dự án nâng cấp Tạp chí khoa học.

3. Điểm tồn tại

- Công tác xuất bản một số giáo trình còn bị chậm tiến độ, một phần do các đơn vị liên quan chưa thực hiện nghiêm túc kế hoạch xuất bản.

- Khi xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn đã tuân thủ về Quyền sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư nhưng chưa có Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho các cá nhân, đơn vị khi xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn.

- Việc triển khai thực hiện Dự án nâng cấp Tạp chí khoa học Trường Đại học Vinh còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
2.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và thực hiện các chế tài để đảm bảo kế hoạch xuất bản, các quy định, quy chế về xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn	- Nhà xuất bản - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)

		Thực hiện đúng quy định việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho các cá nhân, đơn vị khi xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn	- Nhà xuất bản - Tạp chí khoa học	2020	2022 (hàng năm)
		Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Dự án nâng cấp Tạp chí khoa học Trường Đại học Vinh	- Tạp chí khoa học	2020	2022 (hàng năm)
3.	Phát huy điểm mạnh	Kiến toàn cơ cấu tổ chức của Nhà Xuất bản và Tạp chí Khoa học	- Nhà trường - Nhà xuất bản - Tạp chí khoa học	2020	2022 (hàng năm)
		Cải tiến và thực hiện đúng các quy trình, quy định về xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn	- Nhà xuất bản - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)
		Xây dựng và thực hiện chế độ khuyến khích cán bộ các khoa, viện gửi bài đăng Tạp chí khoa học	- Nhà trường - Tạp chí khoa học - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.11.1				4			

4.11.2. Trường công khai các thông tin cơ sở, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

1. Mô tả

Trong giai đoạn hiện nay, thông tin truyền thông là nội dung được ưu tiên để công khai các thông tin cơ sở, quảng bá hình ảnh và khẳng định vai trò, vị thế của Nhà trường trong tiến trình hội nhập và phát triển, tạo tiền đề nhằm tiếp tục có những bước đột phá, trở thành trường đại học có uy tín, vị thế. Để làm tốt công tác truyền thông nói chung, công tác truyền thông đảm bảo thông tin về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm nói riêng, Nhà trường đã đề ra chính sách, chiến lược thông tin truyền thông trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030; ban hành Kế hoạch chiến lược truyền thông giai đoạn 2016 - 2020; quan tâm về truyền thông thể hiện trong Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ trường lần thứ XXXII; thực hiện tốt Quy định Ba Công khai; xây dựng kế hoạch tư vấn tuyển sinh... [H4.11.02.01].

Thực hiện chính sách, chiến lược thông tin truyền thông, Nhà trường xác định website, mạng xã hội là công cụ quan trọng để thông tin về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Từ năm 2015, Nhà trường đã thiết kế và đưa vào sử dụng website cấp Trường và website các đơn vị. Website Trường có chất lượng cao, được Cybermetrics Lab đánh giá cao; Nhà trường đã làm tốt việc công bố thông tin, dữ liệu đội ngũ giảng viên, sinh viên sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp ở cấp Trường, tuy nhiên ở các đơn vị, khoa, viện thì thực hiện còn chậm, không cập nhật thường xuyên. Hiện nay, ngoài website, Nhà trường còn tăng cường làm tốt công tác thông tin truyền thông trên mạng xã hội [H4.11.02.02].

Trường cũng đã có quy định về việc công bố công khai thông tin, dữ liệu đội ngũ giảng viên, sinh viên đồng thời triển khai khảo sát việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.11.02.03].

Để làm tốt việc công bố công khai thông tin, dữ liệu đội ngũ giảng viên, sinh viên sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, Trường giao bộ phận chuyên trách các hoạt động hỗ trợ sinh viên là Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp thu thập, lưu trữ, khai thác và quản lý theo quy định [H4.11.02.04].

Trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường, kế hoạch khảo sát việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp hàng năm, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã triển khai thu thập thông tin dữ liệu, báo cáo kết quả về Bộ Giáo dục và Đào tạo, công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng (website, báo cáo thường niên, báo cáo ba công khai, báo cáo Tổng kết năm học, báo cáo tại Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm) [H4.11.02.05].

Hàng năm, thông qua việc khảo sát ý kiến của sinh viên về các hoạt động và các

đơn vị thuộc và trực thuộc, Nhà trường đã lấy được ý kiến phản hồi của các bên liên quan về Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp cũng như chính sách và hoạt động công bố thông tin, dữ liệu đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm [H4.11.02.06].

Từ ý kiến khảo sát người học và kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nhà trường đã ban hành kế hoạch cải tiến hàng năm và triển khai tốt kế hoạch cải tiến [H4.11.02.07].

2. Điểm mạnh

- Công tác thông tin truyền thông được Nhà trường quan tâm và đầu tư để đảm bảo thông tin về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

- Việc công bố công khai thông tin, dữ liệu đội ngũ giảng viên, sinh viên; khảo sát việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp được triển khai thực hiện bài bản.

3. Điểm tồn tại

- Việc công bố thông tin, dữ liệu đội ngũ giảng viên, sinh viên sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp mới được tổ chức tốt ở cấp Trường, còn các đơn vị, cá nhân cấp khoa, viện thực hiện còn chậm, không cập nhật thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Quản triệt các đơn vị, cá nhân cập nhật thông tin trên website; có thể đưa vào công tác thi đua - khen thưởng	- BBT website - Các đơn vị - Hội đồng TĐ-KT	2020	2022 (hàng năm)
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục quan tâm và đầu tư cho công tác thông tin truyền thông	- Nhà trường	2020	2022 (hàng năm)
		Nâng cao việc thu thập và công khai thông tin, dữ liệu về sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm	- TT HTSV&QHDN - Các khoa/viện	2020	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
Chỉ số 4.11.2				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 11

Chỉ số	Thang đánh giá						
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
Chỉ số 4.11.1				4			
Chỉ số 4.11.2				4			
Điểm tiêu chí 11	4.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 4

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 8	4.0
2	Tiêu chí 9	4.0
3	Tiêu chí 10	3.8
4	Tiêu chí 11	4.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		3.94

Tiêu chuẩn 5

MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC

Tiêu chí 12: Môi trường sự phạm

Chỉ số 5.12.1. Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sức mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường.

1. Mô tả

Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,2ha trong tổng thể quy hoạch gần 125ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT (8/1989), Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (6/2004), (10/2015) [H5.05.12.1.01]. Nhà trường thực hiện quy hoạch, thiết kế khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập đảm bảo các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn theo tiêu chuẩn TCVN 3981:1985 “Trường Đại học - Tiêu chuẩn thiết kế”. [H5.05.12.1.02].

Nhà trường thực hiện xây dựng cảnh quan môi trường dạy và học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm bằng việc thực hiện quy hoạch, khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Do đó, khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường được xây dựng theo quy hoạch, thiết kế đã được phê duyệt. Năm học 2019 - 2020, Nhà trường tiếp tục thực hiện Kế hoạch duy tu hạ tầng cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị [H5.05.12.1.03-04].

Hàng năm, Nhà trường lấy ý kiến của các bên liên quan về khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập nhằm xác định tính phù hợp với sức mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường và Nhà trường đã nhận được các ý kiến phản hồi tích cực từ các bên liên quan. Nhà trường căn cứ vào kết quả phiếu khảo sát để thực hiện công tác cải thiện chất lượng về khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập cho các năm tiếp theo [H5.05.12.1.05-06]. Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người dạy và cán bộ trong toàn trường.

Trong năm học 2019-2020, Nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng cấp, tôn tạo khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập theo hướng tiếp cận CDIO; Đề án quy hoạch PTN và mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo tiếp cận CDIO; [H5.05.12.1.07-08].

2. Điểm mạnh

Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường được quy hoạch, thiết kế phù hợp với sức mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường.

Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường đã được xây dựng theo quy hoạch, thiết kế.

3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên về khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Trường.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Triển khai khảo sát lấy ý kiến của người dạy về khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Trường	Phòng TCCB, Đào tạo, CTCT&HSSV	12/2020	12/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Kiên toàn lại kế hoạch xây dựng CSVC theo định hướng 2025 tầm nhìn 2030	Đảng ủy, HĐT, Ban Giám hiệu, các phòng ban chức năng	12/2020	12/2021

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.12.1				4			

Chỉ số 5.12.2. Khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

1. Mô tả

Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của Nhà trường được xây dựng theo quy hoạch tổng thể và thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt [H5.05.12.2.01-02].

Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của Nhà trường được thiết kế, thi công theo các quy định/tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981: 1985), phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, lấy người học làm trung tâm [H5.05.12.2.03-04].

Nhà trường có hệ thống sân chơi, sân tập, thi đấu TDTT với diện tích gần 35.000m² và nhà thi đấu với sức chứa hơn 1,000 chỗ ngồi phục vụ cho các nhu cầu vui

chơi giải trí và các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của SV. Nhà trường có bố trí các nhà để xe và căng tin phục vụ cho người dạy và học. Trường có cảnh quan và môi trường thông thoáng, xanh - sạch - đẹp. Hệ thống điện đường và cây xanh được đầu tư chăm sóc thường xuyên, đảm bảo cho người dạy và học cảm thấy an toàn, thoải mái trong khuôn viên của trường [H5.05.12.2.05].

Hàng năm, để điều chỉnh cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường. Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học và phụ huynh về cảnh quan, môi trường dạy và học. Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng từ các bên liên quan Trường luôn nhận được các phản hồi tích cực về tính phù hợp của khuôn viên và môi trường tự nhiên [H5.05.12.2.06]. Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ học viên lớp bồi dưỡng Giáo viên các cấp.

Căn cứ vào kết quả khảo sát kiến nghị đề xuất từ các đơn vị quản lý liên quan như phòng Quản trị - Đầu tư, từ các khoa viện về cảnh quan môi trường Nhà trường đều có kế hoạch để cải tiến nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường, khuôn viên xung quanh nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học [H5.05.12.2.07-08].

2. Điểm mạnh

Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của Nhà trường phù hợp với hoạt động dạy và học.

Nhà trường đáp ứng các trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định.

An ninh, an toàn xã hội trong Trường được đảm bảo tạo tâm lý yên tâm trong công tác dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ học viên lớp bồi dưỡng Giáo viên các cấp

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến phản hồi từ học viên lớp bồi dưỡng Giáo viên .	Phòng CTCT HSSV	12/2020	12/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy thực hiện môi trường an toàn và đảm bảo an ninh trường học	P. KHTC, P. QT&ĐT	12/2020	12/2021

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.12.2				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.12.1				4			
Chỉ số 5.12.2				4			
Điểm tiêu chí	4.0						

Tiêu chí 13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học

Chỉ số 5.13.1. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được trang bị, bảo trì và sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục của trường

1. Mô tả

Nhà trường có quy định và kế hoạch trang bị, bảo trì và sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPT, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập được thực hiện hàng năm bởi các đơn vị chuyên trách như phòng Kế hoạch Tài chính, phòng Quản trị và Đầu tư, Trung tâm THPT, Trung tâm Thông tin Thư viện [H5.05.13.1.01-02].

Để sử dụng hết tiềm năng của các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPT, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập cho hoạt động dạy và học và nghiên cứu, phần lớn các thiết bị được quản lý theo phương thức dùng chung CSVC giữa các đơn vị trong Nhà trường nên tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị cao trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, học tập hiệu quả của sinh viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phù hợp với các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên [H5.05.13.1.03-04].

Hàng năm, căn cứ vào đề nghị của các đơn vị; Văn bản phê duyệt kế hoạch của Nhà trường và các phòng ban chức năng; Văn bản nghiệm thu đề Nhà trường giám sát các hoạt động trang bị, bảo trì, sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập [H5.05.13.1.05-07].

Dựa vào báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm về trang bị, bảo trì, sử dụng và mức độ phù hợp với mục tiêu giáo dục của các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPT, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập tại các đơn vị chuyên trách và kết quả khảo sát các bên liên quan. Từ đó, Nhà trường biết được mức độ phù hợp với mục tiêu giáo dục trong việc trang bị, bảo trì và sử dụng các tòa nhà, giảng

đường, thư viện, phòng THPTN, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập để có các bước cải tiến về mặt chất lượng [H5.05.13.1.08-09]. Tuy nhiên, giáo trình cho một số ngành đào tạo mới mở chưa đầy đủ, nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo sau đại học còn hạn chế.

Hàng năm, Nhà trường có thực hiện khảo sát ý kiến từ các bên liên quan về mức độ phù hợp của trang thiết bị và cơ sở vật chất của việc dạy và học. Từ kết quả khảo sát, Nhà trường triển khai hoạt động bảo trì duy tu các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN, hệ thống CNTT, thiết bị, bổ sung tài liệu học tập để đáp ứng tính phù hợp cho việc dạy và học. Năm học 2019 - 2020, Nhà trường đã thực hiện Nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất của Trường thuộc Chương trình phát triển các trường sư phạm (ETEP) [H5.05.13.1.10-11].

2. Điểm mạnh

Trường có quy định về việc sử dụng, bảo trì các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập.

Nhà trường thường xuyên bảo trì duy tu các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN, hệ thống CNTT, thiết bị, bổ sung tài liệu học tập.

Trường có đủ diện tích, có phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành thí nghiệm đáp ứng đủ nhu cầu cho người dạy, học và NCKH.

Trường có đầy đủ các phòng chức năng, có ký túc xá đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên nội trú ở và sinh hoạt.

3. Điểm tồn tại

Giáo trình cho một số ngành đào tạo mới mở chưa đầy đủ, nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo sau đại học còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đầu tư mua thêm sách chuyên ngành đáp ứng yêu cầu đào tạo theo tiếp cận CDIO, Sau đại học.	Trung tâm TTTV, Phòng KHTC.	12/2020	12/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy thực hiện quy định về việc sử dụng, bảo trì các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập.	P.QTĐT, P.KHTC, TT CNTT	12/2020	12/2021

		Tiếp tục phát huy thực hiện thường xuyên việc bảo trì duy tu các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN, hệ thống CNTT, thiết bị, bổ sung tài liệu học tập	P. KHTC, P.QT&ĐT, TT CNTT	12/2020	12/2021
--	--	---	---------------------------------	---------	---------

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.13.1				4			

Chỉ số 5.13.2. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.

1. Mô tả

Nhà trường có quy định và kế hoạch sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN; có hệ thống phần cứng, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu, thiết bị, tài liệu học tập [H5.05.13.2.01-02].

Trường có sơ đồ các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN; có thông tin về hệ thống phần cứng, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu, thiết bị, tài liệu học tập [H5.05.13.2.03].

Cơ sở vật chất được Nhà trường quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị nên tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị cao, linh hoạt trong giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, học tập của sinh viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phù hợp với các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên [H5.05.13.2.04-05].

Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN, cơ sở thực hành sư phạm, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập phù hợp với các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng [H5.05.13.2.06].

Trường có đánh giá tình hình sử dụng và hiệu quả sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, cơ sở thực hành sư phạm, phòng THPTN, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập về mức độ đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên, người học và phù hợp cho các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng qua việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan. Kết quả lấy ý kiến người học về Cơ sở vật chất năm 2019 cho thấy: Mức độ Tốt đạt 76,86 %, Mức độ Khá đạt 18,23%, Trung bình là 3,29%, chưa đạt và chưa tiếp xúc là 0,16%. Kết quả lấy ý kiến người học về Cơ sở vật chất năm 2020 cho thấy: Mức độ Tốt đạt 82,9 %, Mức độ khá đạt 12,%, Trung bình là 2,9%, chưa đạt và

chư tiếp xúc là 0,13%. Điều này cho thấy sự hài lòng của người học về cơ sở vật chất ở năm 2020 là cao hơn so với năm 2019” [H5.05.13.2.07].

Nhà trường có kế hoạch cải tiến quy định và việc sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THTN, cơ sở thực hành sư phạm, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập [H5.05.13.2.08]. Tuy nhiên, việc tập huấn, bồi dưỡng về sử dụng trang thiết bị mới chưa được thực hiện thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất được Nhà trường quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị, Nhà trường có hệ thống giám sát việc sử dụng CSVC, hạ tầng cơ sở hiệu quả và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Công tác tập huấn, bồi dưỡng về trang thiết bị mới chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Triển khai tập huấn vận hành trang thiết bị mới tại TT THTN	Phòng TCCB, TT THTN	12/2020	12/2021
		Triển khai tập huấn công tác PCCC	Phòng TCCB, TT THTN, QT và ĐT	12/2020	12/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy và duy trì các điểm mạnh đã có		12/2020	12/2021

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.13.2					5		

Chỉ số 5.13.3. Môi trường trực tuyến của trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp.

1. Mô tả

Trường có quy định điều kiện đảm bảo chất lượng các khóa đào tạo, bồi dưỡng

trực tuyến [H5.05.13.3.01] và có kế hoạch xây dựng môi trường trực tuyến để tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến [H5.05.13.3.02-03].

Môi trường trực tuyến của Nhà trường, bao gồm: hệ thống máy chủ, đường truyền internet, hệ thống wifi; các phòng học trực tuyến; trung tâm dữ liệu, hệ thống học liệu được quản lý bởi Trung tâm CNTT và phòng Quản trị Đầu tư [H5.05.13.3.04-06].

Môi trường trực tuyến của Nhà trường cơ bản đảm bảo tốt cho các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp. Nhà trường đã áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học như giảng viên đưa bài giảng, bài tập, chia nhóm, nhiệm vụ nhóm/cá nhân... lên phần mềm và người học tự tải về bài giảng, bài tập, nhiệm vụ nhóm/cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên để giảng viên đánh giá. Năm học 2019 - 2020, do ảnh hưởng dịch covid 19 nên Nhà trường còn áp dụng thêm phần mềm dạy học Zoom và LMS [H5.05.13.3.07-08].

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về mức độ hài lòng đối với môi trường trực tuyến [H5.05.13.3.09]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa khảo sát ý kiến của các lớp bồi dưỡng trực tuyến.

Nhà trường có kế hoạch cải tiến quy định và môi trường trực tuyến đảm bảo chất lượng cho các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến của trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp dạy học thích hợp. Thể hiện qua hệ thống công nghệ thông tin/môi trường trực tuyến được cập nhật và nâng cấp hàng năm [H5.05.13.3.10-11].

2. Điểm mạnh

Môi trường trực tuyến của Nhà trường đảm bảo cho việc dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát ý kiến của các lớp bồi dưỡng trực tuyến.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát ý kiến của các lớp bồi dưỡng trực tuyến.	Phòng CTCT HSSV	12/2020	12/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy và duy trì các điểm mạnh đã có	P. KHTC, QTĐT	12/2020	12/2021

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.13.3				4			

Chỉ số 5.13.4. Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả.

1. Mô tả

Nhà trường có kế hoạch hàng năm về việc bảo trì bảo dưỡng và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo cho hệ thống làm việc thường xuyên, liên tục, đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả [H5.05.13.4.01-02].

Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, nhằm đảm bảo chất lượng hệ thống công nghệ thông tin luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả. Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm CH, CMC, e-Office, được cập nhật thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của trường, hệ thống phần cứng và phần mềm được Nhà trường luôn được duy trì thường xuyên bằng việc thay thế, cấp mới, trang bị máy tính xách tay cho tất cả GV có trình độ từ tiến sĩ trở lên, cán bộ, trợ lý khoa, bộ môn [H5.05.13.4.03-04].

Qua kết quả khảo sát năm học 2019 - 2020 từ các bên liên quan cho thấy hệ thống các trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hệ thống mạng cơ bản đáp ứng yêu cầu của giảng viên và người học [H5.05.13.4.05-07]. Tuy nhiên, chưa khảo sát ý kiến từ các lớp bồi dưỡng trực tuyến.

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về mức độ hài lòng đối với hệ thống công nghệ thông tin [H5.05.13.4.08].

Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch cải tiến bảo trì hệ thống công nghệ thông tin một cách liên tục. Các hoạt động bảo trì hệ thống công nghệ thông tin được cập nhật và thay đổi theo quy chế hoạt động của các đơn vị chuyên trách nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu [H5.05.13.4.09-11].

2. Điểm mạnh

Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì và nâng cấp thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát ý kiến từ các lớp bồi dưỡng trực tuyến.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát ý kiến từ các lớp bồi dưỡng trực tuyến.	Phòng QTĐT, KHTC	12/2020	12/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bảo trì và nâng cấp hệ thống CNTT	P. KHTC, QTĐT	9/2020	12/2021

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.13.4				4			

6. Điểm tự đánh giá tiêu chí

Chỉ số	Thang điểm đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.13.1.				4			
Chỉ số 5.13.2					5		
Chỉ số 5.12.3				4			
Chỉ số 5.13.4				4			
Điểm tiêu chí	4.25						

Tiêu chí 14: Nguồn tài chính

Chỉ số 5.14.1. Trường có nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh là trường đại học đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực. Trụ sở của nhà trường đóng trên địa bàn tuyển sinh chủ yếu là khu vực Bắc Trung bộ còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Tuy vậy, nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập, tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên, do đó, nhằm đảm bảo ổn định các khoản chi thường xuyên và nâng cao tiềm lực cho nhà trường, bên cạnh các nhiệm vụ chính là tổ chức đào tạo các bậc học, nhà trường luôn chú trọng thực hiện các nhiệm vụ khác nhằm đa dạng hóa các nguồn thu, hợp pháp và phù hợp với chiến lược phát triển trường.

Nhà trường có các chính sách và kế hoạch tài chính để có nguồn thu từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Nhà trường đã ban hành quy trình quản lý thu áp dụng tại trường Đại học Vinh [H5.14.01.01]. Quy

trình quản lý thu ban hành nhằm mục đích để nhà trường quản lý các khoản thu, hình thức thu, nội dung thu nhằm cụ thể hóa các bước, minh bạch và làm rõ nội dung và tính chất các khoản thu. Để thực hiện được mục tiêu chiến lược đã đặt ra, nhà trường đã chủ động hoạch định các kế hoạch tài chính dài hạn nhằm chủ động mọi tiềm lực, phục vụ thực hiện các mục tiêu đã định. Hàng năm, nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch ngân sách cho năm tiếp theo và lộ trình thu cho giai đoạn 5 năm kế tiếp, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H5.14.01.02]. Đầu năm học, nhà trường chỉ đạo các đơn vị trực thuộc trường xây dựng kế hoạch năm học về tổng thu, tổng chi cho năm học tiếp theo [H5.14.01.03], làm cơ sở để nhà trường nắm rõ quy mô tài chính, cũng như hoạch định các chính sách trường, bám sát mục tiêu mà chiến lược phát triển trường đã đề ra. Trong giai đoạn 2017-2021, nhà trường được thực hiện chương trình phát triển giáo viên các trường sư phạm để nâng cao chất lượng giảng viên. Việc tham gia chương trình và bám sát thỏa thuận chương trình ETEP và kế hoạch hành động từng năm, nhà trường có thêm nguồn kinh phí để hỗ trợ bồi dưỡng phát triển con người, và xây dựng, sửa đổi nhiều chương trình đào tạo [H5.14.01.04].

Các nguồn thu của nhà trường đa dạng: đa dạng về loại hình đào tạo, về các hoạt động bồi dưỡng, và thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học. Tổng nguồn thu của Trường năm 2019 là 463 tỷ. Năm 2020, tổng nguồn thu của Trường là 484 tỷ, vượt kế hoạch 6,7% và tăng 5% so với năm 2019. Một số chỉ tiêu tăng lớn là thu từ hoạt động đào tạo (tăng 16 tỷ, 106%), bồi dưỡng (tăng 22 tỷ, 173%), bổ sung học phí sư phạm (19 tỷ, 190%). Nguồn thu từ hoạt động đào tạo lưu học sinh tự túc tuy đóng góp vào nguồn thu hơn 3 tỷ nhưng đã tăng 15% so với năm 2019. Toàn bộ số liệu thu được thể hiện rõ ràng, minh bạch lên báo cáo tài chính hàng năm của nhà trường, hàng năm được Bộ giáo dục và Đào tạo thẩm tra, duyệt quyết toán. Số liệu tổ chức đào tạo bồi dưỡng và thực hiện các nhiệm vụ khoa học được theo dõi, đối chiếu, so sánh qua các năm [H5.14.01.06-10].

Các nguồn thu từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường thực hiện được sự cho phép của cơ quan quản lý cấp trên [H5.14.01.11-14].

Bên cạnh các nhiệm vụ chính là đào tạo các bậc học thì hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học luôn nằm trong danh mục các nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trường. Sự lớn mạnh của các hoạt động này sẽ làm gia tăng nguồn thu, góp phần thực hiện nhanh và hiệu quả hơn nữa cho mục tiêu của nhà trường đã xây dựng trong chiến lược phát triển trường [H5.14.01.15]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có nguồn thu đa dạng từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, và thực hiện các nhiệm vụ khoa học. Trường cũng luôn chủ động trong việc xây

dựng năng lực để thích ứng với xu thế đào tạo và các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học mới trong nước.

3. Điểm tồn tại

Các sản phẩm từ nhiệm vụ khoa học công nghệ của nhà trường chủ yếu thuộc lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, một số ít nhiệm vụ có tính ứng dụng nhưng ở mức độ quy mô nhỏ chưa thực hiện được việc chuyển giao công nghệ áp dụng vào thực tiễn.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Chủ động, tích cực tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng.	Các Giảng viên phối hợp Phòng KH&HTQT	Hàng năm	Hàng năm
		Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh để phục vụ nghiên cứu	Các Giảng viên phối hợp Phòng KH&HTQT	Hàng năm	Hàng năm
		Tạo ra các cơ chế, chính sách nhằm ủng hộ về thời gian, khuyến khích, tạo động lực về thu nhập để giảng viên phát huy năng lực nghiên cứu khoa học.	Hội đồng chính sách nhà trường.	Hàng năm	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có tính thực tiễn, có thể áp dụng và chuyển giao.	Hội đồng Khoa học trường.	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.14.1					5		

Chỉ số 5.14.2. Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực của Trường.

1. Mô tả

Nhà trường quy định việc sử dụng nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế thông qua quy trình quản lý các nguồn thu tại trường Đại học Vinh [H5.14.02.01]. Việc sử dụng các nguồn thu được quy định rõ theo từng nội dung, khoản mục tại quy chế chi tiêu nội bộ trường [H5.14.02.02] và tại các văn bản, thỏa thuận cụ thể [H5.14.02.03].

Các nguồn thu của trường từ hoạt động quan hệ quốc tế, hợp tác quốc tế bao gồm nguồn kinh phí ngân sách cấp qua giao dự toán cho lưu học sinh diện hiệp định, kinh phí học phí và định mức đào tạo do Tỉnh Nghệ An chuyển gửi đào tạo lưu học sinh hiệp định, kinh phí học phí và ký túc xá của lưu học sinh diện tự túc và các nguồn thu thông qua việc tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế từ người tham dự [H5.14.02.04 - 08].

Toàn bộ các khoản thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được hòa chung vào tổng thu của nhà trường. Hàng năm được theo dõi, đối chiếu, so sánh tỷ trọng trong giữa khoản thu so với tổng thu của nhà trường [H5.14.02.09].

Các nguồn thu này được tổ chức thực hiện, sử dụng và quản lý theo quy định của cơ quan cấp trên, các văn bản địa phương và của Nhà nước [H5.14.02.10-14].

Nhà trường thường xuyên chủ động xây dựng các hoạt động nhằm cải tiến, thúc đẩy nâng cao các nguồn thu từ hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế. Thông qua việc chủ động đăng cai các hội nghị, hội thảo quốc tế [H5.14.02.15], tổ chức các ngày hội quảng bá tuyển sinh tại Lào [H5.14.02.16], nhà trường đã tổ chức được hội nghị hội thảo quốc tế đồng thời tuyển sinh được đông đảo hơn lực lượng người học là Lưu học sinh [H5.14.02.17-19].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống chính sách linh hoạt trong việc thúc đẩy các đơn vị đầu mối chủ trì đăng ký thực hiện các nhiệm vụ, các hoạt động có tính quan hệ, hợp tác quốc tế nhằm thu hút và nâng cao các khoản thu cho hoạt động này.

3. Điểm tồn tại

Chính sách quản lý đối với lưu học sinh còn chưa thực sự linh hoạt và đáp ứng nhu cầu của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Sửa đổi, bổ sung một số chính sách trong việc tiếp cận, áp dụng và quản lý tình hình thực tế đối với Lưu học sinh sao cho phù hợp hơn.	Các khoa, viện và phòng Khoa học và HTQT	Hàng năm	Hàng năm
1	Phát huy điểm mạnh	Bổ sung sửa đổi chính sách, ban hành cơ chế thông thoáng để nhà nghiên cứu trong trường cũng như bộ phận tuyển sinh có động lực làm việc và kêu gọi quảng bá cho nhà trường.	Hội đồng chính sách Trường	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.14.2				4			

6. Điểm tự đánh giá tiêu chí

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.14.1.					5		
Chỉ số 5.14.2.				4			
Điểm tiêu chí 14	4.5						

Tiêu chí 15: Nguồn nhân lực

Chỉ số 5.15.1. Chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược.

1. Mô tả

Trường có các chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực nhằm tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý được thể hiện bằng Quy chế công tác cán bộ [H5.05.15.1.01]. Nhà Trường còn có các chính sách khen thưởng và kỷ luật rõ ràng nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ phấn đấu phát triển nâng cao năng lực [H5.05.15.1.02].

Chính sách và quy trình tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật của Nhà trường được thực hiện công khai minh bạch hàng năm tại các cuộc họp tổng kết các đơn vị trong toàn trường. Ngoài ra, Công đoàn Trường cũng có chính sách khen thưởng, kỷ luật cán bộ và được thực hiện hàng năm [H5.05.15.1.03].

Chính sách và quy trình tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật của trường luôn gắn với các mục tiêu chiến lược của Nhà trường [H5.05.15.1.04]. Việc tuyển dụng cán bộ đều xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị; kế hoạch tuyển dụng được đơn vị đề xuất thông qua Chi bộ, Đảng bộ, sau đó đề nghị Nhà trường phê duyệt. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên về chính sách, quy trình tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật của trường [H5.05.15.1.05].

Căn cứ vào ý kiến phản hồi từ các cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên Nhà trường có cải tiến chính sách, quy trình tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật của trường [H5.05.15.1.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Chính sách và quy trình tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật rõ ràng, minh bạch.

Chính sách và quy trình tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật được bổ sung và sửa đổi phù hợp với thực tế hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Việc trao đổi học thuật trong đào tạo và NCKH với nước ngoài chưa được mở rộng do nhiều cán bộ, giảng viên còn hạn chế về ngoại ngữ.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao trình độ ngoại ngữ của cán bộ, mở rộng hợp tác khoa học với nước ngoài	P. TCCB	12/2020	12/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy và duy trì các điểm mạnh đã có	P. TCCB	12/2020	12/2021

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.15.1					5		

Chỉ số 5.15.2. Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc.

1. Mô tả

Trường xây dựng chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong toàn trường và được thể hiện qua Quy hoạch cán bộ quản lý của Trường; Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị, Quy chế công tác cán bộ do phòng TCCB chuyên trách thực hiện [H5.05.15.2.01].

Quy trình tuyển dụng và sử dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường được thực hiện thông qua Quy chế công tác cán bộ. Chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường được thực hiện công khai minh bạch [H5.05.15.2.02-03].

Việc thực hiện chính sách và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường đảm bảo tính minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc [H5.05.15.2.04].

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và đã ban hành các chính sách, biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước. Ngoài ra, Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường quy định rõ về hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán, hỗ trợ cán bộ, giảng viên tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường cũng có chính sách động viên, tạo điều kiện cho giảng viên tìm kiếm tài trợ cho việc phát triển năng lực chuyên môn của mình, ví dụ như quy định về việc khen thưởng các công trình khoa học tiêu biểu, khen thưởng những cán bộ, viên chức của Trường có các công bố khoa học quốc tế [H5.05.15.2.05].

Trình độ, năng lực của nguồn nhân lực của trường được cải thiện liên tục và được Nhà trường thể hiện qua Quy chế về công tác cán bộ công khai trong toàn trường. Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện tốt Quy định tiêu chuẩn tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức vào công tác tại Trường. Quy định này đảm bảo

cho quá trình tuyển dụng được thực hiện chặt chẽ, minh bạch, dân chủ, công khai. Hàng năm, Nhà trường thực hiện cải tiến chiến lược và hoạt động tuyển dụng, sử dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường đảm bảo tính minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc bằng Quy chế công tác cán bộ, Quy định bổ nhiệm chức danh GS, PGS, GVC, Quyết định sửa đổi bổ sung một số điều Quy định bổ nhiệm [H5.05.15.2.06].

Về trình độ, năng lực ngoại ngữ, Nhà trường đã đưa kết quả đánh giá năng lực ngoại ngữ vào một trong những tiêu chí chấm điểm thi đua của cá nhân trong năm học tạo động lực để đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên nâng cao trình độ ngoại ngữ phục vụ công tác.

5. Điểm mạnh

Nhà trường đã có chính sách và biện pháp cụ thể về thời gian, kinh phí để hỗ trợ, động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, trình độ ngoại ngữ vẫn còn là một điểm tồn tại đối với đội ngũ cán bộ giảng viên của Nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch nâng cao trình độ ngoại ngữ đối với giảng viên	P. TCCB	12/2020	12/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy và duy trì các điểm mạnh đã có	P. TCCB	12/2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.15.2				4			

Chỉ số 5.15.3. Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng.

1. Mô tả

Trường hiện có 2 viện, 3 khoa, 1 phòng và 2 trường trực thuộc (Trường Trung học phổ thông Chuyên và Trường Thực hành Sư phạm) đào tạo học sinh, sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh các ngành sư phạm, 01 Trung tâm Bồi dưỡng NVSP. Trong đó, tất cả các hệ đào tạo của Nhà trường đều có nhu cầu sử dụng giảng viên thỉnh giảng. Nhà trường có cơ chế, chính sách tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng trong quy chế về công tác cán bộ [H5.05.15.3.01].

Chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng được các đơn vị đề xuất theo nhu cầu thực tế hàng năm [H5.05.15.3.02].

Trường có các quy trình đảm bảo chất lượng trong việc tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng được cụ thể hóa bằng các hợp đồng thời vụ hoặc các hợp đồng thỉnh giảng theo môn học [H5.05.15.3.03].

Chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng, được thực hiện căn cứ vào quy chế về công tác cán bộ [H5.05.15.3.04].

Trường có cơ chế giám sát, đánh giá kết quả giảng dạy của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng qua công tác khảo sát lấy ý kiến của giảng viên và người học [H5.05.15.3.05-06].

Chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng được thường xuyên rà soát, chỉnh sửa, bổ sung [H5.05.15.3.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ giáo viên và giảng viên cơ hữu để đào tạo sinh viên ngành sư phạm.

3. Điểm tồn tại

Chính sách và cơ chế tuyển dụng, sử dụng giảng viên thỉnh giảng chưa đủ sức thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao cam kết làm việc, cống hiến lâu dài cho Nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung, sửa đổi xây dựng chính sách về tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng	P. TCCB; Phòng ĐT Sau đại học	12/2020	12/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy và duy trì các điểm mạnh đã có	P. TCCB	12/2020	12/2021

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.15.3				4			

6. Điểm tự đánh giá tiêu chí

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.15.1.					5		
Chỉ số 5.15.2.				4			
Chỉ số 5.15.3.				4			
Điểm tiêu chí 15	4.3						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 5

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 12:	4.0
2	Tiêu chí 13:	4.25
3	Tiêu chí 14:	4.5
4	Tiêu chí 15:	4.3
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		4.27

Tiêu chuẩn 6

HỖ TRỢ DẠY HỌC

Tiêu chí 16: Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên

6.16.1. Trường có hệ thống hỗ trợ giảng viên tập sự và giảng viên mới.

1. Mô tả

Hàng năm, các đơn vị trong toàn Trường đều phải xây dựng kế hoạch năm học, trong đó nêu cụ thể nhu cầu tuyển dụng nhân sự. Từ đó, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng hàng năm một cách cụ thể, rõ ràng và phù hợp với nhu cầu thực tế của Nhà trường, đáp ứng các yêu cầu về trình độ, chuyên môn [H6.16.01.01].

Nhà trường cũng đã có chính sách xét tuyển đặc cách những sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc ở lại làm việc tại Trường; Nhà trường có chính sách thu hút nguồn chất nhân lực chất lượng cao bổ sung vào đội ngũ giảng viên của trường như: tuyển dụng xét đặc cách thạc sĩ, tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư, cán bộ giảng dạy đã có thâm niên công tác từ 36 tháng trở lên [H6.16.01.02].

Sau khi được tuyển dụng, giảng viên tập sự và giảng viên mới được sử dụng các cơ sở vật chất, hệ thống hỗ trợ như một giảng viên chính thức như: phòng làm việc, giảng đường, thư viện,... [H.6.16.01.03].

Đối với giảng viên tập sự, Nhà trường có quy định cụ thể nhiệm vụ, yêu cầu, các chế độ, quyền lợi được hưởng trong thời gian tập sự trong Quy chế công tác cán bộ. Cụ thể, Giảng viên tập sự được hướng dẫn bởi viên chức có chức danh nghề nghiệp bằng hoặc cao hơn, có năng lực, kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng hướng dẫn người tập sự. Giảng viên tập sự được giao cho bộ môn hướng dẫn một cách chi tiết, bài bản giúp trau dồi kiến thức và rèn luyện năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ. Trong thời gian tập sự, giảng viên có ít nhất 03 lần dự giờ đánh giá của bộ môn, khoa/viện và được Nhà trường miễn giảm 50% định mức giờ chuẩn. Khi hết thời gian tập sự, Giảng viên phải hoàn thành chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học theo quy định. Ngoài ra, đối với giảng viên đã thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, có chuyên ngành đúng ngành cần tuyển tại các cơ sở giáo dục đại học có uy tín từ 12 tháng trở lên sẽ được miễn chế độ tập sự. Trường hợp giảng viên trẻ, giảng viên mới được cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ hoặc đi học theo diện học bổng, Nhà trường có chế độ hỗ trợ trong thời gian đào tạo [H.6.16.01.04].

Sau kết thúc thời gian tập sự, giảng viên được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến thăm dò tín nhiệm của sinh viên, được hội đồng chuyên môn các tổ bộ môn dự giờ, đánh giá trong thời gian tập sự. Trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá của bộ môn, ý kiến thăm dò của sinh viên Nhà trường ban hành quyết định bổ nhiệm vào ngạch viên chức cho giảng viên tập sự.

Đặc biệt, Nhà trường luôn dành cho giảng viên, nhất là giảng viên trẻ và giảng viên mới những ưu đãi thiết thực. Giảng viên trẻ được xem xét nâng lương trước thời hạn khi bảo vệ luận án tiến sĩ trước thời hạn, khi đạt các thành tích xuất sắc: đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua, có bài đăng báo trên các tạp chí có chỉ số trong nước hoặc nước ngoài [H.6.16.01.05]. Nhà trường cũng thường xuyên cử giảng viên trẻ, giảng viên mới dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính khi đủ các điều kiện theo quy định [H.6.16.01.06].

Đối với giảng viên mới, Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để giảng viên học tập, nâng cao trình độ. Giảng viên mới được hưởng các chính sách lương, thưởng, hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng như một giảng viên chính thức (được quy định cụ thể tại Điều 29 Quy chế chi tiêu nội bộ) như: các khoản phúc lợi, hỗ trợ học phí, hỗ trợ hàng tháng, phí đi lại, miễn giảm giờ dạy, thưởng khi bảo vệ thành công luận án thạc sĩ, tiến sĩ, ... [H.6.16.01.07]

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức hoặc cử các giảng viên tham gia các cuộc thi như “Giảng viên trẻ dạy giỏi”, “Giảng viên giỏi Nghiệp vụ sư phạm toàn quốc”... và được các giảng viên hưởng ứng, tham gia rất tích cực, góp phần tạo nên phong trào thi đua dạy và học trong giảng viên, giúp giảng viên không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, trau dồi nghiệp vụ sư phạm [H.6.16.01.08]. Giải thưởng của các Hội thi được quy định cụ thể tại Phần V, Phụ lục IV của Quy chế chi tiêu nội bộ và theo quyết định của Hiệu trưởng [H.6.16.01.09]. Đặc biệt, Hội nghị cán bộ trẻ được tổ chức hàng năm là nơi để giảng viên mới và giảng viên tập sự được trao đổi, học tập kinh nghiệm và được trực tiếp đối thoại với lãnh đạo Nhà trường, được lãnh đạo Nhà trường lắng nghe, trả lời những ý kiến trao đổi trong các mặt chuyên môn, đào tạo, bồi dưỡng cũng như chế độ chính sách [H.6.16.01.10].

Để việc ban hành chính sách hỗ trợ giảng viên tập sự và giảng viên mới ngày càng được cải tiến, Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị, cá nhân thông qua Hội nghị cán bộ trẻ hàng năm, tổng kết năm học, hội nghị cán bộ, viên chức. [H.6.16.01.11]. Từ đó, Nhà trường có kế hoạch cải tiến hệ thống chính sách, nhân sự, tài chính ngày càng phù hợp và hiệu quả, điều đó được thể hiện rõ ở Báo cáo chính trị tại ĐHDB Đảng Bộ Trường Đại học Vinh nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết ĐHDB Đảng bộ trường lần thứ XXXII nhiệm kỳ 2020 - 2025 [H.6.16.01.12]. Căn cứ vào các chủ trương của Đảng, các đơn vị chức năng tiến hành xây dựng các chính sách cải tiến [H.6.16.01.13].

2. Điểm mạnh:

- Trường có đơn vị chức năng quản lý cơ sở vật chất, có đủ phòng làm việc, thư viện với đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng viên theo qui định.

Nhà trường có hệ thống cơ chế và chính sách hoàn chỉnh, bám sát, phù hợp với thực tiễn của giảng viên để hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên.

3. Điểm tồn tại:

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên tập sự, giảng viên mới chưa thực sự quan tâm đến tính đặc thù của đội ngũ này.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Kết nối và tìm các nguồn kinh phí hỗ trợ cho giảng viên tập sự, giảng viên mới trong đào tạo, bồi dưỡng giúp giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	- Công đoàn trường; - Phòng TCCB; - Phòng KHTC; - Các khoa/viện	Liên tục trong các năm	Liên tục trong các năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để phát triển đội ngũ giảng viên	- Công đoàn trường; - Phòng TCCB; - Phòng KHTC;	Liên tục trong các năm	Liên tục trong các năm

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.16.1				4			

6.16.2. Giảng viên được khuyến khích và thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả.

1. Mô tả:

Giảng viên được khuyến khích sử dụng các phương pháp dạy học mới lấy vai trò là người hướng dẫn sinh viên thực hiện các thao tác chiếm lĩnh tri thức thông qua các hoạt động dạy học. Nhà trường tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như các chính sách hỗ trợ cho giảng viên thực hiện kế hoạch giảng dạy một cách có hiệu quả thông qua các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, các chính sách hỗ trợ, các hội thi giáo viên trẻ dạy giỏi [H6.16.02.01]

Nhà trường có kế hoạch khuyến khích giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy, thực hiện chương trình đào tạo trong đó khuyến khích giảng viên sử dụng phương pháp dạy học mới như tăng cường đồ án môn học, dạy học Elearning trực tuyến [H6.16.02.02]

Đổi mới phương pháp giảng dạy được Nhà trường rất chú trọng và được xem là nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược dạy học và phát triển chương trình đào tạo [H6.16.02.03], bên cạnh đó các chính sách và chế độ của giảng viên cũng được Nhà trường chú trọng và quan tâm [H6.16.2.4]

Thực hiện kế hoạch khuyến khích giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy và kế hoạch triển khai đã được thực hiện, trong đó quy chế chi tiêu nội bộ được cải tiến nhằm động viên cán bộ, giảng viên tích cực tham gia các nhiệm vụ một cách có hiệu quả; Chương trình đào tạo được xây dựng theo tiếp cận CDIO từ khóa 58 đã mang lại kết quả rõ rệt trong chất lượng đào tạo được thể hiện ở chuẩn đầu ra các môn học [H6.16.02.05]

Nhà trường phê duyệt các kế hoạch khoa học công nghệ; danh sách giảng viên chủ trì, tham gia đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu về đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm khuyến khích giảng viên thực hiện tốt vai trò là người hướng dẫn. [H6.16.02.06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, có cơ sở vật chất tốt đáp ứng các yêu cầu về đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên và cách tiếp cận chương trình của sinh viên trong chiếm lĩnh tri thức.

Đội ngũ giáo viên ngày càng được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các lớp bồi dưỡng nâng hạng. Hiện nay, Trường có 731 cán bộ giảng dạy, 56 giảng viên cao cấp, 4 giáo sư, 59 phó giáo sư, 256 tiến sĩ, 504 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hiện nay của Nhà trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước.

Đội ngũ nhiệt tình, yêu mến nghề và tận tâm với công việc, có chính sách hỗ trợ giảng viên và sinh viên.

3. Điểm tồn tại:

- Do đặc thù vùng miền nên ngôn ngữ một số giảng viên còn mang tính địa phương.
- Trình độ ngoại ngữ của một số giảng viên còn hạn chế nên tiếp cận các tài liệu mới còn chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	-Tăng cường sử dụng Ngoại ngữ và tiếng phổ thông -Tăng cường ngoại ngữ cho cán bộ giảng dạy	Các khoa, viện đào tạo sư phạm	2017	2021

2		Khuyến khích giảng viên tham gia xây dựng các đề tài khoa học		2017	2021
3.	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ cán bộ có trình độ cao chiếm tỉ lệ cao			

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.16.2				4			

6.16.3. Lãnh đạo trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trong các trường phổ thông.

1. Mô tả

Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn quan tâm và có nhiều chủ trương trong việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên [H6.16.03.01]

Nhà trường có nhiều chính sách nhằm khuyến khích các giảng viên tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, tăng cường đẩy mạnh công tác bồi dưỡng ngoại ngữ cho giảng viên: đối với những giảng viên học và thi được cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh theo tiêu chuẩn quốc tế được thưởng 3.000.000 đồng và có thể được cử đi học nước ngoài nếu có nguyện vọng. Đồng thời, liên tục mở các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ và các đợt ôn, thi và công nhận năng lực ngoại ngữ cho giảng viên [H6.16.03.02].

Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng xây dựng môi trường học tập thuận lợi cho giảng viên như: Thư viện mở, Câu lạc bộ Tiếng Anh, đường truyền internet tốc độ cao, phòng học, phòng thực hành - thí nghiệm với trang thiết bị hiện đại, đạt chuẩn... đáp ứng mọi nhu cầu học tập, nghiên cứu và bồi dưỡng thường xuyên của giảng viên [H6.16.03.03].

Hoạt động bồi dưỡng thường xuyên được Nhà trường tổ chức dưới nhiều hình thức: Thông qua tổ chức tăng cường dự giờ giảng của những Giảng viên giỏi, Nhà trường đã nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bồi dưỡng năng lực sư phạm cho đội ngũ giảng viên, giúp các giảng viên khác có cơ hội được trao đổi, học hỏi kinh nghiệm dạy học và nghiên cứu. Khuyến khích giảng viên xuống trường phổ thông dự giờ, trao đổi kinh nghiệm với giáo viên phổ thông; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tự đào tạo và đào tạo lại đối với đội ngũ giảng viên nhằm nâng cao chất lượng của giảng viên cả về năng lực chuyên môn lẫn kiến thức, nghiệp vụ sư phạm. Mặt

khác, Trường Đại học Vinh có điểm thuận lợi đó là có đủ các cấp học từ mầm non đến đại học. Vì vậy, giảng viên có cơ hội tiếp xúc, tìm hiểu thực tế và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau [H6.16.03.04].

Nhà trường đã thực hiện quy định mỗi giảng viên bắt buộc ít nhất 01 giờ thao giảng/học kỳ, kết quả đánh giá giờ thao giảng được đưa vào xem xét thi đua.

Nhà trường luôn quan tâm chọn cử giảng viên giỏi tham gia bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo, trao đổi chương trình đào tạo, trao đổi chuyên môn, hợp tác khoa học... ở trong nước và nước ngoài [H.6.16.03.05].

Tăng cường hoạt động seminar chuyên môn, trong đó quan tâm, đẩy mạnh các nội dung liên quan đến: đổi mới phương pháp đào tạo giáo viên; phát triển chương trình đào tạo giáo viên; phát triển và biên soạn các tài liệu chuyên đề phục vụ bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục. Thông qua hoạt động này đã đề xuất được các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên phổ thông, hiện đang tổ chức biên soạn tài liệu bồi dưỡng [H6.16.03.06]

Nhà trường luôn cập nhật các văn bản của Nhà nước về các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn của Giảng viên để từ đó tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm cải tiến trình độ, năng lực và bổ sung hoàn thiện các điều kiện về tiêu chuẩn cho Giảng viên như nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, Vì vậy, đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Vinh luôn đáp ứng được các điều kiện tiêu chuẩn của Nhà nước [H.6.16.03.07].

Để công tác bồi dưỡng thường xuyên đạt hiệu quả cao nhất, kế hoạch bồi dưỡng được xây dựng trên cơ sở khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của giảng viên [H6.16.08]. Kết thúc khóa bồi dưỡng, Nhà trường tổ chức khảo mức độ hài lòng của giảng viên; giảng viên sau khi đi tập huấn hội thảo, hội nghị ở nước ngoài có báo cáo kết quả chuyến đi cũng như đề xuất, kiến nghị cụ thể [H6.16.03.09].

Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch cải tiến chính sách và hoạt động bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên [H6.16.03.10].

2. Điểm mạnh:

- Kế hoạch bồi dưỡng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường và các quy định của Nhà nước và trên cơ sở khảo sát nhu cầu giảng viên.

- Trường Đại học Vinh là có điều kiện thực hiện hầu hết các hình thức và chương trình bồi dưỡng giảng viên.

- Có các chế độ chính sách hỗ trợ giảng viên trong thời gian đào tạo bồi dưỡng, tạo điều kiện cho giảng viên học tập, hoàn thiện các điều kiện để phù hợp với các quy định của Nhà nước và Nhà trường;

- Thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị và cử giảng viên tham gia hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước để giảng viên được học tập, trao đổi kinh nghiệm.

3. Điểm tồn tại:

- Một số trường hợp giảng viên sau khi được Nhà trường đào tạo, bồi dưỡng đã chuyển công tác sang đơn vị khác.

- Công tác bồi dưỡng đang hướng tới những vấn đề chung nhất cho các loại hình cán bộ mà chưa tính tới đặc thù của giảng viên sư phạm.

Hình thức bồi dưỡng giảng viên chưa có sự tiến bộ vượt bậc: nặng về thuyết trình, lý thuyết mà thiếu các hoạt động trải nghiệm, giao lưu, trao đổi giữa các trường đại học sư phạm, thiếu các hoạt động thực tế tại các trường phổ thông. Nội dung bồi dưỡng còn nặng về bồi dưỡng thức chuyên môn, nghiệp vụ mà chưa coi trọng việc rèn luyện các kỹ năng.

Số giảng viên đủ điều kiện tham gia bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo... ở nước ngoài còn thấp.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	2020	- Xây dựng các chính sách để giữ nhân tài như các chính sách đãi ngộ, bố trí công việc phù hợp,... cho các cán bộ được đào tạo	- Phòng TCCB	2017	2021
		Lựa chọn nội dung, cách thức bồi dưỡng phù hợp	Các khoa/viện đào tạo Phòng Đào tạo	2017	2021
		Bồi dưỡng giảng viên gắn với hoạt động thực tiễn ở phổ thông	Các khoa/viện đào tạo Phòng Đào tạo	2017	2021
		Đổi mới cách thức quản lý các lớp đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể đối với giảng viên sư phạm	Các khoa/viện đào tạo Phòng Đào tạo Phòng TCCB	2017	2021
2.	Phát huy điểm mạnh	- Hoàn thiện các chính sách đào tạo, bồi dưỡng để phát triển đội ngũ giảng viên, đáp ứng các yêu cầu mới của Nhà nước; - Cung cấp nhiều cơ hội hơn nữa để Giảng viên được trao đổi, học tập kinh nghiệm thực tế.	- Phòng TCCB - Phòng Đào tạo	2017	2021
		Huy động các nguồn lực phục vụ công tác bồi dưỡng giảng viên	Phòng TCCB	2017	2021

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.16.3				4			

6.16.4. Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

1. Mô tả:

Trường có các chính sách hỗ trợ giảng viên, bồi dưỡng thường xuyên để tăng cường trang bị cho giảng viên các phương pháp dạy học mới, thường xuyên cập nhật chương trình đào tạo tiến tiến [H6.16.04.01]

Nhà trường cũng đẩy mạnh tuyên truyền, động viên giảng viên và các cán bộ thực nghiệm sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học thích hợp, đặc biệt là các phương pháp thực nghiệm và đã có các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, tham dự các Hội thi giảng viên giỏi cấp trường [H6.16.04.02], cấp quốc gia [H6.16.04.03] và đạt thành tích cao.

Nhà trường có hệ thống phòng thực hành - thí nghiệm luôn đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và cũng như nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên [H6.16.04.04]. Đảm bảo về trang thiết bị phục vụ THPTN, nghiên cứu tại các phòng THPTN.

Hiện tại, Trường có 118 phòng thí nghiệm trong đó có 73 phòng thực hành, các phòng thí nghiệm được thiết kế đúng tiêu chuẩn phòng thí nghiệm. Các phòng thí nghiệm, thực hành còn lại đã được bố trí đáp ứng đủ về mặt bằng sử dụng, hệ thống điện nước... 100% phòng thí nghiệm, thực hành là nhà vĩnh cửu, được lắp hệ thống hút khí độc đối với các phòng thí nghiệm Hóa, Sinh; một số phòng cần thiết đã được lắp hệ thống điều hòa không khí. [H6.16.04.05].

Nhà trường có chính sách và kế hoạch hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên, tham gia bồi dưỡng giáo viên cốt cán trong chương trình ETEP [[H6.16.04.06], thực hiện các hoạt động dạy học theo tiếp cận CDIO và được Hội đồng trường thông qua trong đó có trong chính sách và kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo [[H6.16.04.07]. Thành lập và kiện toàn Ban CDIO hỗ trợ các khoa/viện trong việc triển khai phương pháp dạy học mới tiếp cận CDIO.

Nhà trường đã kiện toàn Hội đồng Trường [H6.16.04.08], trong đó, Bí Thư đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng để kiện toàn bộ máy, thúc đẩy các khoa/viện tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy và bồi dưỡng thường xuyên các chương trình đào tạo, các chương trình này được thực hiện kiểm tra và đánh giá về nội dung công việc và cơ bản hoàn thành xuất sắc.

Nhà trường đã cho rà soát, điều chỉnh lại tất cả các chương trình đào tạo để

hoàn thiện các chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO sau 4 năm thực hiện đào tạo theo tiếp cận này [H6.16.04.09]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, có cơ sở vật chất tốt, có hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại đáp ứng các yêu cầu về đổi mới chương trình đào tạo tiếp cận chương trình của sinh viên trong chiếm lĩnh tri thức, đặc biệt là các giảng viên dạy thực hành thí nghiệm, thực nghiệm.

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch sử dụng có hiệu quả hệ thống phòng thí nghiệm hiện có phục vụ cho NCKH.

Đội ngũ nhiệt tình, yêu mến nghề và tận tâm với công việc, có chính sách hỗ trợ giảng viên và sinh viên.

3. Điểm tồn tại:

- Các hỗ trợ, tập huấn còn chưa đồng bộ.
- Trình độ ngoại ngữ của một số giảng viên còn hạn chế nên tiếp cận các tài liệu mới còn chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	-Tăng cường tập huấn trang bị kiến thức để sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học. -Tăng cường ngoại ngữ cho cán bộ giảng dạy - Mời chuyên gia Hoa Kỳ - Tiếp tục hoàn thiện và rà soát các CTĐT theo CDIO trong năm học 2020 - 2021	- Các khoa/viện - TT THTN - Ban CDIO - Phòng Đào tạo	2019	2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ cán bộ có trình độ cao, số lượng tiến sĩ nhiều, công bố quốc tế đạt chỉ số cao.	Các đơn vị trong toàn trường	2019	2021

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.16.4				4			

6.16.5. Trường tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.

1. Mô tả

Trước yêu cầu “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và tự chủ đại học. Trường Đại học Vinh đã tập trung nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên, giúp giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm. Cụ thể: Nhà trường đã thành lập Trường THPT chuyên, Trường Thực hành sư phạm [H6.16.05.01], nhằm đào tạo học sinh chuyên và học sinh theo chương trình chất lượng cao, bên cạnh đó Nhà trường mở một số mã ngành đào tạo chất lượng cao trình độ đại học, trên cơ sở công văn đề nghị của Nhà trường [H6.16.05.02]. Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết cho phép tiến hành mở một số mã ngành đào tạo chất lượng cao trình độ đại học [H6.16.05.03].

Nhà trường đều bố trí đội ngũ giảng viên giảng dạy các đối tượng học sinh chuyên, học sinh chất lượng cao, sinh viên tham gia các kỳ thi Olympic, thi học sinh giỏi, đồng thời tạo cơ chế, chính sách cho đối tượng tham gia giảng dạy đó là khi quy đổi giờ chuẩn giảng dạy thì được tính giờ cao hơn giờ dạy đối với đối tượng học sinh bình thường [H6.16.05.04], nâng lương sớm cho những giảng viên có học sinh, sinh viên đạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế [H6.16.05.05]

Hàng năm Nhà trường đều cử một số giảng viên có năng lực đặc biệt tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi, tham gia ban ra đề thi học sinh giỏi tỉnh, học sinh giỏi quốc gia [H6.16.05.06] nhằm hỗ trợ cho giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm

Hàng năm Nhà trường đã tổ chức để giảng viên, viên chức của Nhà trường tham gia đóng góp ý kiến của việc thực hiện quy chế cho tiêu nội bộ, để từ đó đánh giá được chính sách và kế hoạch hỗ trợ giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm, trên cơ sở đó để điều chỉnh bổ sung quy chế cho phù hợp với thực tiễn [H6.16.05.07]

Hàng năm Nhà trường đã tổ chức cho học sinh, sinh viên khảo sát sự hài lòng của người học đối với đội ngũ giảng dạy để biết được mức độ hài lòng của người học với chính sách và kế hoạch hỗ trợ giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm [H6.16.05.08].

Nhằm cải tiến chính sách và hoạt động hỗ trợ giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm hàng năm Nhà trường đã điều chỉnh chế độ, chính sách cho các giảng viên tham gia giảng dạy đối tượng chuyên và chất lượng cao [H6.16.05.09]

2. Điểm mạnh

Từ phần Mô tả, Nhà trường đã tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.

3. Điểm tồn tại

Từ phần Mô tả, trong quá trình triển khai vẫn còn một số thủ tục chưa đúng quy trình.

4. Kế hoạch hành động:

Rà soát lại quy trình triển khai các công việc đã nêu ở mục 16.5 nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh đã đạt được. Như qui trình thành lập các trường, quy trình tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của cán bộ và người học, ...

Các nội dung của Kế hoạch cải tiến nên được liệt kê theo thứ tự sắp xếp các điểm tồn tại trong phần Điểm tồn tại và thứ tự sắp xếp các điểm mạnh trong phần Điểm mạnh trong bảng sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại qui trình	Phòng ĐT Phòng KHTC	2017	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai những công việc đã nêu ở mục 16.5	Các đơn vị liên quan	2017	2021

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.16.5				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 16

Chỉ số	Thang đánh giá						
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
Chỉ số 6.16.1				4			
Chỉ số 6.16.2				4			
Chỉ số 6.16.3				4			
Chỉ số 6.16.4				4			
Chỉ số 6.16.5				4			
Điểm tiêu chí 16	4.0						

Tiêu chí 17: Đánh giá và công nhận giảng viên

6.17.1. Trường có chính sách và thực hiện đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch.

1. Mô tả

Để đánh giá, xếp loại giảng viên, Nhà trường đã có Quy định đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động Trường Đại học Vinh [H6.17.01.01]. Ngoài ra, Nhà trường còn có quy định mới về đánh giá công tác học sinh, sinh viên các viện, khoa đào tạo và trường THPT chuyên, kết quả đánh giá được công khai đến cán bộ toàn trường [H6.17.01.02].

Nhà trường cũng có hướng dẫn cụ thể về việc kiểm điểm tập thể, cá nhân và đánh giá, xếp loại khen thưởng đối với tổ chức đảng, đảng viên, tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để từ đó CBVC tự đánh giá lại những ưu điểm, khuyết điểm của bản thân, có các giải pháp cụ thể để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm trong công tác [H6.17.01.03].

Về việc hoàn thiện hồ sơ để xét các danh hiệu thi đua theo năm học, Nhà trường đã đề ra các tiêu chí đánh giá và có hướng dẫn chi tiết phổ biến đến từng đơn vị. Ngoài việc giảng viên tự kiểm điểm, Nhà trường còn phối hợp với các đơn vị liên quan như Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng KH-HTQT, Phòng Thanh tra - Pháp chế,... để rà soát tình hình thực hiện nhiệm vụ, hành vi, đạo đức,... của giảng viên để có kết quả đánh giá chính xác, công khai và minh bạch nhất [H6.17.01.04].

Kết quả xếp loại thi đua là một trong các tiêu chí để tính toán chi trả phúc lợi cuối năm cho giảng viên, cụ thể: “Cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua thì được cộng thêm 1,0 hệ số, lao động tiên tiến được cộng 0,5 hệ số, hoàn thành nhiệm vụ thì giữ nguyên hệ số, không hoàn thành nhiệm vụ thì trừ 0,5 hệ số”. Nhà trường cũng có định mức chi khen thưởng cho từng danh hiệu thi đua: Hoàn thành nhiệm vụ: 1.000.000 đồng/người; Lao động tiên tiến: 1.500.000 đồng/người; Chiến sỹ thi đua: 2.000.000 đồng/người. Năm 2020 Trường đã công nhận Danh hiệu Hoàn thành nhiệm vụ cho 989 cá nhân và 37 tập thể; Danh hiệu Lao động tiên tiến cho 896 cá nhân và 16 tập thể; Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở cho 107 cá nhân; Bộ GD&ĐT

công nhận 8 tập thể đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc, 3 Chiến sĩ thi đua cấp Bộ. Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho 1 cá nhân; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen cho Trường Đại học Vinh và Bằng khen cho 3 tập thể, 8 cá nhân thuộc Trường; Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen cho 1 cá nhân. [H6.17.01.05-06]

Nhà trường tiếp tục duy trì việc thực hiện chính sách đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch qua việc thường xuyên đánh giá giảng viên qua việc dự giờ, lấy ý kiến sinh viên, phụ huynh về hoạt động giảng dạy của giảng viên, đánh giá xếp loại hàng tháng,.... [H6.17.01.07-10].

Kế hoạch cải tiến chính sách đánh giá giảng viên đang đưa vào thực hiện. Các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công việc (KPI) được xây dựng theo từng vị trí công tác phù hợp với đề án vị trí việc làm [H6.17.01.11].

Kết quả đánh giá cán bộ của Nhà trường, ý kiến phản hồi của người học và phụ huynh được báo cáo đầy đủ hàng năm [H6.17.01.12-14].

Sau các kỳ đánh giá thi đua khen thưởng cho giảng viên toàn trường, Nhà trường đều rút kinh nghiệm để phát huy các điểm mạnh và khắc phục những điểm tồn tại để chính sách đánh giá giảng viên được hoàn thiện hơn [H6.17.01.15].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách đánh giá công khai, minh bạch, tạo điều kiện nâng cao chất lượng GV đáp ứng yêu cầu từng giai đoạn phát triển.

Nhà trường đã có kế hoạch cải tiến chính sách đánh giá giảng viên và đang đưa vào thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống theo dõi sự cải tiến của giảng viên sau đánh giá chưa được hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống theo dõi sự cải tiến của GV sau đánh giá	P. TCCB	2020	2021
	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường chính sách đánh giá công khai, minh bạch	P. TCCB	2017	Thường xuyên
		Tiếp tục cải tiến chính sách đánh giá giảng viên	P. TCCB	2020	Thường xuyên

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.17.1					5		

6.17.2. Trường có chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ giảng viên học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ và các chính sách, chế độ công nhận và đãi ngộ thành tích của giảng viên theo quy định [H6.17.02.01-03], Nhà trường luôn có các chính sách khuyến khích nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho giảng viên.

Nhà trường luôn xác định rõ: Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên gắn kết với hoạt động nghiên cứu khoa học và xu thế hội nhập. Do vậy, bên cạnh triển khai chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, Nhà trường đã thành lập Trung tâm khởi nghiệp sáng tạo, Nhóm nghiên cứu xây dựng và triển khai chương trình tiếp cận CDIO, Nhóm nghiên cứu mạnh [H6.17.02.04]...điều động các giảng viên giỏi đến làm việc tại các nhóm, trung tâm và có chế độ hỗ trợ miễn giảm định mức giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho giảng viên [H6.17.02.05]; bố trí phòng làm việc, phòng nghiên cứu cho trung tâm nghiên cứu khởi nghiệp sáng tạo, cho các nhóm nghiên cứu tại tòa nhà hiện đại nhất của Nhà trường (tầng 6, Nhà Điều hành)...

Nhà trường có Quy định cụ thể về việc đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao. Trong đó, định mức khen thưởng lên đến hàng trăm triệu đồng, ngoài ra mỗi sản phẩm còn được quy đổi thành giờ chuẩn giảng dạy [H6.17.02.06].

Năm 2020, Nhà trường đã chi 254.000.000 đồng cho việc khen thưởng 81 bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín trong danh mục ISI năm 2019 [H6.17.02.07] và chi 1.120.330.000 đồng cho việc khen thưởng 119 công trình công bố trên các tạp chí khoa học nước ngoài năm 2019 [H6.17.02.08].

Hàng năm Nhà trường đều tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho các giảng viên, giáo viên đủ tiêu chuẩn để khuyến khích giảng viên học tập và làm việc. Các giảng viên được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cao hơn đều được xếp lương theo ngạch bậc tương ứng [H6.17.02.09].

Năm 2020, Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường Đại học Vinh đã thông qua danh sách 4 ứng viên đề nghị HĐGSNN xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS [H6.17.02.10]. Hiện nay, Nhà trường đang triển khai xét danh hiệu Nhà giáo Ưu tú, Nhà giáo Nhân dân nhằm tôn vinh các giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo

dục [H6.17.02.11]. Nhà trường có các chế độ khen thưởng cụ thể đối với từng danh hiệu [H6.17.02.12].

Hàng năm, Nhà trường đều xét nâng lương trước hạn cho các giảng viên lập thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng [H6.17.02.13]

Đặc biệt, Nhà trường tạo điều kiện cho giảng viên được tham quan, giao lưu, học tập, trao đổi kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhằm giúp giảng viên tiếp cận nhanh chóng với nguồn tri thức giàu có của thế giới. Hỗ trợ kinh phí cho các giảng viên có mối quan hệ hợp tác quốc tế để giúp họ duy trì và mở rộng các mối quan hệ này thông qua việc gửi giảng viên đi học, tham gia các hoạt động hội thảo quốc tế... [H6.17.02.14].

Bên cạnh đó, Nhà trường hết sức quan tâm đến đời sống tinh thần của giảng viên: Để công nhận thành tích của giảng viên, hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại và công nhận danh hiệu thi đua cho các giảng viên và quản lý giáo dục cho nhiều thành tích xuất sắc trong hoạt động chuyên môn và công tác quản lý. Kết quả, trong 3 năm có 32 giảng viên được Nhà trường công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 02 giảng viên được nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh; 21 cá nhân được nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường kịp thời có chế độ khen thưởng cho các cá nhân và tập thể đạt thành tích cao theo Quy chế nội bộ. Những giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục giỏi, có nhiều thành tích được Nhà trường vinh danh, ca ngợi và tổ chức trao thưởng một cách long trọng các dịp lễ 20/11, tổng kết năm học, tổng kết năm mới... nhằm động viên, khích lệ tinh thần của giảng viên, đồng thời thể hiện sự ghi nhận, công nhận của Nhà trường đối với cá nhân các giảng viên [H6.17.02.15].

Việc thực hiện các chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên được Nhà trường tổng hợp và báo cáo cụ thể theo yêu cầu của BGDDT [H6.17.02.16].

Để khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của giảng viên đối với cơ chế, chính sách của Nhà trường, hàng năm, Nhà trường đều họp Hội đồng chính sách, từ đó sửa đổi quy định, quy chế chi tiêu nội bộ để phù hợp với tình hình tài chính của Nhà trường và nguyện vọng của cán bộ [H6.17.02.17].

Nhà trường luôn quan tâm đến việc cải tiến chính sách và cơ chế công nhận thành tích và đãi ngộ giảng viên. Mặc dù nguồn kinh phí còn hạn hẹp, nhưng để khuyến khích giảng viên, Nhà trường vẫn tăng định mức khen thưởng cho cán bộ, viên chức có bài đăng ở tạp chí quốc tế được quy định chi tiết và cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi, loại hình sản phẩm được khen thưởng cũng được cụ thể hóa [H6.17.02.18].

2. Điểm mạnh

Trường có nhiều chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích giảng viên giảng dạy và NCKH; chú trọng việc qui hoạch và bổ nhiệm cán bộ có năng lực đảm nhận các vị trí quản lý, lãnh đạo chủ chốt.

Nhà trường có chính sách tăng định mức khen thưởng cho các hoạt động nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện chế độ chính sách được tổng hợp báo cáo nhưng chưa được thường xuyên để có các phương án cải tiến kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường báo cáo việc thực hiện chế độ chính sách	P.TCCB	2020	Thường xuyên
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích thành tích của GV	P.TCCB	2017	Thường xuyên

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.17.2				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 17

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.17.1					5		
Chỉ số 6.17.2				4			
Điểm tiêu chí 17	5.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 6

TT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 16	4.0
2	Tiêu chí 17	4.5
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		4.30

Tiêu chuẩn 7

HỖ TRỢ HỌC TẬP

Tiêu chí 18: Tuyển sinh và hỗ trợ người học

7.18.1. Chính sách, quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch.

1. Mô tả

Chính sách, quy trình tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng hằng năm của Nhà trường được xây dựng dựa vào số lượng cán bộ cơ hữu của các viện, khoa đào tạo giáo viên, CSVN, các điều kiện thiết yếu để xác định và trình Bộ GD-ĐT xét duyệt [H7.7.18.1.01]. Đề án tuyển sinh hằng năm được đăng tải công khai trên các trang Website của Bộ, của Trường, đồng thời tổ chức ngày hội tuyển sinh và các hoạt động quảng bá tuyển sinh [H7.7.18.1.02]. Chính sách, quy trình tuyển sinh của Nhà trường đều được các bên liên quan tham gia xây dựng, góp ý trước khi ban hành [H7.7.18.1.03].

Trường thực hiện chính sách, quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng minh bạch, rõ ràng theo đúng đề án và tuân thủ tuyệt đối các qui định của Bộ GD-ĐT về chỉ tiêu ngành học cũng như các chế độ ưu tiên trong tuyển sinh. Nhà trường thông báo công khai trên Website của Trường các chính sách tuyển sinh ngành Sư phạm và các chính sách đối với thí sinh trúng tuyển đạt điểm cao, trao học bổng tài trợ, hỗ trợ chi phí học tập cho những sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khi nhập học và trong quá trình học tập [H7.7.18.1.04 - 07].

Kết quả tuyển sinh được thông báo đến thí sinh theo đúng quy định. Thí sinh trúng tuyển được cung cấp đầy đủ thông tin và được hướng dẫn các thủ tục nhập học đầy đủ, thuận tiện, nhanh gọn, chính xác. Sau khi hoàn thành công tác tuyển sinh, Trường tổ chức họp để đánh giá các hoạt động liên quan đến chính sách, quy trình tuyển sinh và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo [H7.7.18.1.08 - 12].

Để đánh giá kết quả thực hiện chính sách, quy trình tuyển sinh, Trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai, tổ chức lấy ý kiến của người học về công tác tuyển sinh [H7.7.18.1.13]. Kết quả lấy ý kiến là một trong những tiêu chí để Nhà trường xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát và báo cáo kết quả cải tiến chính sách, quy trình tuyển sinh [H7.7.18.1.14 - 16].

2. Điểm mạnh

- Trường Đại học Vinh tổ chức tuyển sinh theo đúng qui định của Bộ GD-ĐT, đảm bảo công khai minh bạch, khách quan, lựa chọn đúng những thí sinh có năng lực vào học các ngành sư phạm.

- Việc quảng bá tuyển sinh được thực hiện rộng rãi với nhiều hình thức giúp người học dễ dàng nắm bắt được thông tin tuyển sinh của Nhà trường.

- Tổ chức lấy ý kiến người học về kết quả công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh, quy trình nhập học, hướng dẫn nhập học cho tân sinh viên của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Tuyển sinh hệ VLVH, ĐTTX và các chương trình bồi dưỡng đang tổ chức nhiều đợt trong năm.

- Chưa khảo sát đầy đủ các bên liên quan về chính sách, quy trình tuyển sinh.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Tiếp tục rà soát, bổ sung các chế độ, chính sách mới để cải tiến công tác tuyển sinh các chương trình đào tạo và bồi dưỡng NVSP. - Nghiên cứu đề tổ chức tuyển sinh hệ VLVH, ĐTTX và các chương trình bồi dưỡng thành 2 đợt/năm	Phòng Đào tạo, TT GDTX, TT NVSP	2020	2021
2		Mở rộng đối tượng lấy ý kiến về kết quả thực hiện chính sách, quy trình tuyển sinh.	Phòng Đào tạo, CTST-HSSV, TT ĐBCL, TT GDTX, TT NVSP	2020	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức tuyển sinh theo đúng qui định của Bộ GD-ĐT, đảm bảo công khai minh bạch, khách quan	Phòng Đào tạo	2020	2021
4		Tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức và mở rộng địa bàn quảng bá tuyển sinh.	Phòng Đào tạo, HCTH, Trung tâm DV, HTSV & QHDN	2020	2021

5	Tiếp tục Tổ chức lấy ý kiến người học về kết quả công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh, quy trình nhập học, hướng dẫn nhập học.	Phòng Đào tạo, CTST-HSSV, TT ĐBCL, TT GDTX, TT NVSP	2020	2021
---	--	--	------	------

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.18.1				4			

7.18.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.

1. Mô tả

Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, chương trình môn học được cập nhật và cung cấp đầy đủ cho người học khi thực hiện quảng bá tuyển sinh, sau khi nhập học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” của Trường, chương trình gặp mặt Tân sinh viên của các khoa, viện [H7.7.18.2.01]. Các thông tin này còn được trích dẫn trong cuốn “Cẩm nang HS, SV, HV” và đăng tải trên website của Trường, viện/khoa [H7.7.18.2.02]. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng và các hướng dẫn tổ chức thực hiện còn được công bố rõ ràng, đầy đủ, liên tục trong phần Đăng kí học (tài khoản cá nhân) của từng trang cá nhân người học [H7.7.18.2.03]. Căn cứ các văn bản qui định về đào tạo của Bộ GD-ĐT, Nhà trường đã xây dựng khung chương trình, đề cương chi tiết các học phần và ban hành các văn bản cụ thể hóa về đào tạo để hướng dẫn, tổ chức thực hiện [H7.7.18.2.04]. GV có trách nhiệm cung cấp đề cương chi tiết trước mỗi môn học và đây là tiêu chí để SV đánh giá GV [H7.7.18.2.05].

Kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học được xây dựng chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và thông báo đến các đối tượng liên quan bằng nhiều hình thức để dễ tiếp cận. Đồng thời, triển khai thực hiện, giám sát và báo cáo theo đúng quy định [H7.7.18.2.06].

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến người học về các thông tin ngành học, CTĐT, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học [H7.7.18.2.07]. Kết quả khảo sát ý kiến là cơ sở để Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện hiện [H7.7.18.2.08 - 11].

2. Điểm mạnh

- Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai lấy ý kiến người học việc cập nhật, công bố thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra đảm bảo công khai, minh bạch đối với người học

3. Điểm tồn tại

- Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học khi có sự thay đổi, điều chỉnh cập nhật còn chậm.

- Việc tổ chức thực hiện các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học có khi chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Kịp thời cập nhật các thông tin khi có sự điều chỉnh, bổ sung thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học.	Phòng Đào tạo, SDH, TT GDTX, TT bồi dưỡng NVSP; TT ĐBCL và các đơn vị liên quan	2020	2021
2		Độc thúc, nhắc nhở các bộ phận, đơn vị liên quan triển khai tổ chức thực hiện việc thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.		2020	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy công tác thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học.	Phòng Đào tạo, SDH, TT GDTX, TT bồi dưỡng NVSP; TT ĐBCL và các đơn vị liên quan	2020	2021
4		Tiếp tục tổ chức lấy ý kiến về việc thực hiện công tác thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học.		2020	2021

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.18.2				4			

7.18.3. Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài.

1. Mô tả

Nhà trường có Phòng Công tác chính trị và HSSV, Phòng Đào tạo, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp làm đầu mối để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quy định tổ chức các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho người học ở cấp trường; đồng thời, cử cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trợ lý quản lý sinh viên để hỗ trợ, tư vấn cho người học cấp khoa, viện và có các giải pháp để hỗ trợ người học có vấn đề về học chậm tiến độ [H7.7.18.3.01].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường xây dựng chương trình hỗ trợ và tổ chức khảo sát các đối tượng người học gặp khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn [H7.7.18.3.02]. Thông tin về chế độ chính sách cho các đối tượng người học được thống nhất với các bên liên quan; được cụ thể hóa bằng các văn bản thông báo, hướng dẫn và được thực hiện bằng các quyết định trao học bổng, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập; học bổng tài trợ, hỗ trợ đột xuất, tặng quà cho người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn [H7.7.18.3.03].

Những người học có hoàn cảnh khó khăn được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ như: miễn phí ở kí túc xá cho người học khó khăn, giới thiệu việc làm thêm, giới thiệu dự xét và nhận các học bổng tài trợ, hỗ trợ chi phí học tập và làm các thủ tục để người học được vay vốn tín dụng đào tạo. Nhà trường thành lập Câu lạc bộ “Mái ấm Trường Vinh” để cứu trợ, giúp đỡ người học là con mồ côi cả cha lẫn mẹ, tổ chức chương trình “Tết ấm cho sinh viên” để hỗ trợ, động viên người học khó khăn nhân dịp năm mới.

SV nước ngoài được hỗ trợ Chương trình học tiếng Việt, được bố trí ở Kí túc xá riêng. Hằng năm, Nhà trường đã tổ chức các ngày lễ kỉ niệm truyền thống cho lưu HS; thi tiếng Việt và các chương trình giao lưu hữu nghị, tổ chức Câu lạc bộ Hoa Chăm-pa, cử Đội SV tình nguyện dạy tiếng Việt cho lưu HS. Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, khen thưởng đối với lưu HS.

Nhà trường có kế hoạch phân công cán bộ, giảng viên hỗ trợ, tư vấn sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện, xây dựng chương trình định hướng cho tân sinh viên mới nhập học và xây dựng chương trình hỗ trợ, giáo dục chính trị tư tưởng đối với

người học. Hằng năm, Trường tổ chức Hội nghị dân chủ học sinh, SV và Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với người học để lắng nghe ý kiến của SV và có những biện pháp điều chỉnh hỗ trợ học tập thích hợp [H7.7.18.3.04 - 05].

Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai lấy ý kiến người học về kết quả thực hiện quy định về chương trình hỗ trợ và tư vấn đối với người học [H7.7.18.3.06]. Căn cứ kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện [H7.7.18.3.07 - 09].

2. Điểm mạnh

- Công tác hỗ trợ người học được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Các loại hình, chương trình hỗ trợ người học được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực và đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người học.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai lấy ý kiến người học về kết quả thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ, tư vấn cho người học nói chung và người học gặp những vấn đề khó khăn trong quá trình học tập, rèn luyện tại Trường.

3. Điểm tồn tại

- Công tác hỗ trợ phần lớn còn mang tính bình quân giữa các đối tượng.
- Chưa tổ chức được nhiều chương trình hỗ trợ mang tính đặc biệt (hỗ trợ triệt để, đảm bảo 100% kinh phí cho toàn khóa học)

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Phân loại đối tượng hỗ trợ và bổ sung, điều chỉnh chính sách hỗ trợ cho phù hợp với các đối tượng, ưu tiên những đối tượng đặc biệt khó khăn.	Trung tâm DV, HTSV & QHDN và các đơn vị liên quan	2020	2021
2		Huy động nguồn lực kinh tế, vật chất từ mọi nguồn trong và ngoài trường (đặc biệt là các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm...) để tăng nguồn kinh phí của quỹ học bổng tài trợ nhằm hỗ trợ tối đa nhất đối với người học gặp khó khăn.		2020	2021

3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức tốt các loại hình, chương trình hỗ trợ, phục vụ người học bài bản, đa dạng, phong phú và nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ.	Phòng CTCT- HSSV, Trung tâm DV, HTSV & QHDN	2020	2021
4		Tiếp tục triển khai lấy ý kiến người học về kết quả thực hiện quy định hỗ trợ, tư vấn người học.		2020	2021

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.18.3				4			

7.18.4. Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Nhà trường có quy định về lộ trình học tập, chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau [H7.7.18.4.01], và các thông tin về ngành học, chương trình học, sự liên thông giữa các môn học, môn học tiên quyết, bắt buộc, tự chọn được cung cấp đầy đủ cho người học ngay từ khi nhập học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV”, Cẩm nang SV và hoạt động của đội ngũ cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo [H7.7.18.4.02].

Chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học với nhau được Nhà trường xây dựng một cách khoa học và có sự góp ý của các bên liên quan [H7.7.18.4.03]. Các thông tin về chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học được nhà trường công bố công khai trên website [H7.7.18.4.04].

Ngoài việc cung cấp đầy đủ các văn bản, hướng dẫn cụ thể liên quan đến kế hoạch học tập và đăng kí tín chỉ cho người học, Nhà trường còn bố trí mỗi khoa, viện có các cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trợ lý QLSV và mỗi lớp cử một giảng viên phụ trách để tư vấn, hỗ trợ cho người học. Nhà trường đã nhiều năm kí kết đào tạo đại học chính qui, cao học thạc sĩ với các Sở Giáo dục - Thể thao của Lào và đào tạo lưu HS du học bán phần với các trường đại học của Thái Lan [H7.7.18.4.05].

Chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học với nhau được Nhà trường cụ thể hóa bằng văn bản, quyết định [H7.7.18.4.06], và thực hiện các chế

độ báo cáo theo quy định [H7.7.18.4.07]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa xây dựng quy định riêng về đào tạo liên thông các ngành sư phạm giữa các trường đại học trong và ngoài nước.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát người học về việc thực hiện chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học với nhau [H7.7.18.4.08]. Căn cứ vào kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học [H7.7.18.4.08 - 11].

2. Điểm mạnh

- Lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước được Nhà trường thông báo công khai, minh bạch.

- Triển khai lấy ý kiến người học về việc công khai lộ trình học tập, chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học của Nhà trường

3. Điểm tồn tại

- Chưa xây dựng quy định riêng về đào tạo liên thông các ngành sư phạm giữa các trường đại học trong và ngoài nước.

- Công tác giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện các nội dung về chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước chưa được như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng quy định riêng về đào tạo liên thông các ngành sư phạm giữa các trường đại học trong và ngoài nước.	Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL	2020	2021
2		Tăng cường công tác giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện các nội dung về chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước		2020	2021

3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước	Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan	2020	2021
4		Tiếp tục triển khai lấy ý kiến người học về kết quả thực hiện chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học với nhau.	Phòng Đào tạo, CTCT HSSV, ĐBCL và các đơn vị liên quan	2020	2021

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.18.4				4			

7.18.5. Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần, hướng nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học.

1. Mô tả

Nhà trường thành lập đội ngũ Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo để thường xuyên tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần cho người học. Ngoài ra, đầu mỗi năm học Nhà trường tổ chức quán triệt các nội dung về quy chế đào tạo, kế hoạch học tập cho toàn thể sinh viên thông qua Tuần sinh hoạt công dân [H7.7.18.5.01]. Tất cả các thông tin liên quan đến đào tạo đều được các bên liên quan góp ý, Nhà trường phê duyệt, cụ thể hóa bằng văn bản và đăng tải trên website và trong trang cá nhân của người học [H7.7.18.5.02 - 03].

Nhà trường có đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn cho người học là Trung tâm DV, HTSV & QHDN và ban hành quy chế phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức các hoạt động tư vấn, đào tạo kỹ năng, kết nối người học với các cơ quan, trường học, đơn vị tuyển dụng lao động tổ chức Ngày hội việc làm nhằm giúp người học có cơ hội được tiếp xúc, trao đổi, tìm hiểu và tiếp cận tốt với thế giới việc làm [H7.7.18.5.04]. Nhà trường cũng đặc biệt quan tâm đến hoạt động rèn luyện NVSP, kiến tập, thực tập nghề nghiệp của các ngành sư phạm thông qua hệ thống các

trường thực hành, thực tập vệ tinh trên địa bàn. Đồng thời, Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động để hỗ trợ, tư vấn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống, khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm cho người học [H7.7.18.5.05].

Ngoài ra, Nhà trường còn thường xuyên gửi các thông tin tuyển dụng, cập nhật các chương trình việc làm qua email, facebook, điện thoại và website nhằm giúp những cựu người học chưa có việc làm có thêm thông tin, cơ hội để tham gia ứng tuyển thành công các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Nhà trường có hệ thống các trường thực hành sư phạm (từ bậc Mầm non đến THPT), không chỉ là nơi để người học rèn nghề mà còn là địa chỉ uy tín để người học tốt nghiệp muốn được vào công tác lâu dài. Tuy nhiên, công tác hỗ trợ việc làm cho SV ngành sư phạm sau tốt nghiệp chưa đáp ứng được hết yêu cầu. Các dịch vụ hỗ trợ người học của Nhà trường đã nhận được sự tham gia, ủng hộ của đông đảo người học; được người học và các bên liên quan đánh giá cao về việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ người học [H7.7.18.5.06 - 07].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát người học về việc cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần, hướng nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp [H7.7.18.5.08]. Căn cứ vào kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần, hướng nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học trong năm học tới [H7.7.18.5.09-11]

Tuy nhiên, hàng năm Nhà trường cần tăng cường công tác lấy ý kiến các bên liên quan, mở rộng đối tượng lấy ý kiến. Xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể, chi tiết, kịp thời về công tác tuyển sinh và hỗ trợ người học để điều chỉnh, cải tiến. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá về tuyển sinh và hỗ trợ người học.

2. Điểm mạnh

- Công tác hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần, hướng nghiệp cho người học được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Các loại hình, chương trình hỗ trợ người học được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực và đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người học.

- Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về việc cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần, hướng nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

- Công tác hỗ trợ việc làm cho SV ngành sư phạm sau khi tốt nghiệp chưa đáp ứng tối đa nhu cầu.

- Công tác hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp chưa đáp ứng tối đa nhu cầu của người học.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác hỗ trợ việc làm cho SV ngành sư phạm sau khi tốt nghiệp.	Trung tâm DV, HTSV & QHDN	2020	2021
2		Điều chỉnh, cải tiến phương thức, cách thức, mô hình; nâng cao hiệu quả cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng cao nhất nhu cầu của người học về công tác hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp.	Trung tâm DV, HTSV & QHDN và các đơn vị liên quan.	2020	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức loại hình, chương trình hỗ trợ, phục vụ người học bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả.	Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm DV, HTSV & QHDN	2020	2021
4		Tiếp tục triển khai lấy ý kiến các bên liên quan về việc cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần, hướng nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp	Phòng Đào tạo, CTCT HSSV, Trung tâm DV, HTSV & QHDN	2020	2021

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.18.5				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 18

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.18.1.				4			
Chỉ số 7.18.2.				4			
Chỉ số 7.18.3.				4			
Chỉ số 7.18.4.				4			
Chỉ số 7.18.5.				4			
Điểm tiêu chí 18	4.0						

Tiêu chí 19: Đánh giá và công nhận kết quả học tập

7.19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Trên cơ sở quy chế của Bộ GD - ĐT về kiểm tra, đánh giá, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về phương pháp, cách thức đánh giá kết quả học tập cho các chương trình đào tạo [H7.7.19.1.01]. Nhà trường giao cho Trung tâm ĐBCL là đơn vị chuyên chuyên trách phối hợp với các bên liên quan để xây dựng quy định và tổ chức thực hiện việc đánh giá kết quả học tập đối với người học [H7.07.19.1.02 - 03].

Nhà trường tổ chức biên soạn và phê duyệt ngân hàng đề thi; cụ thể hóa việc tổ chức thi, coi thi, chấm thi, thông báo kết quả thi đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch cho người học [H7.07.19.1.04]. Hình thức, phương pháp, nội dung đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường thực hiện phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra [H7.7.19.1.05]. Cụ thể:

Một là, đối với Khóa 57 trở về trước kết quả học tập của người học được đánh giá qua 3 thành phần, gồm: đánh giá chuyên cần, thái độ (chiếm 10%), đánh giá giữa kỳ (chiếm 20%), đánh giá cuối kỳ (70%); các hình thức kiểm tra, đánh giá đã được đa dạng hóa: thảo luận, bài tập nhóm, thi vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận, thực hành... Khi thi kết thúc môn học, đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề và được thiết kế theo chuẩn đầu ra của môn học.

Hai là, đối với khóa 58 trở về sau được áp dụng hình thức kiểm tra, đánh giá theo hình thức đào tạo tiếp cận CDIO. Theo đó, kết quả học tập của người học được đánh giá thông qua 2 loại hình; đánh giá quá trình thông qua hồ sơ học phần (chiếm 50% gồm đánh giá tinh thần, thái độ học tập, quá trình làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, thi giữa kỳ) và đánh giá tổng kết (chiếm 50%). Quá trình thiết kế các hình thức đánh giá này được xây dựng dựa vào các chuẩn đầu ra của môn học và phải đảm bảo đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần. Đề thi để đánh giá kết quả giữa kỳ của quá trình học cũng như đánh giá tổng kết môn học được xây dựng thông qua ma trận đề thi để đảm bảo đạt được các chuẩn đầu ra của học phần.

Trước khi kết thúc học kỳ, Nhà trường xây dựng kế hoạch thi, chấm thi các học phần và thông báo công khai, minh bạch đến người học và các bộ phận liên quan; việc khiếu nại của người học về việc đánh giá kết quả học tập; công nhận và công bố kết quả thi đối với người học được Nhà trường thực hiện theo đúng quy trình, quy định [H7.7.19.1.06 - 10].

Tuy nhiên, việc bổ sung, điều chỉnh, biên soạn lại hệ thống câu hỏi và ngân hàng đề thi để đáp ứng yêu cầu tối đa của chuẩn đầu ra chưa được thực hiện thường xuyên.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát người học về việc đánh giá kết quả học tập của người học. Kết quả khảo sát đã phản ánh hoạt động KTĐG và công nhận kết quả học tập đối với người học đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng. Cụ thể: Việc đánh giá đạt 78,9% mức tốt; việc công nhận kết quả học tập đạt 78,3% mức tốt [H7.7.19.1.11].

Căn cứ vào kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy định về đánh giá kết quả học tập của người học [H7.7.19.1.12 - 14].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, đúng qui định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học của Bộ GD - ĐT. Chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo được công bố rộng rãi đến người học ngay từ khi nhập học.

- Nhà trường có bộ phận chuyên trách về hoạt động khảo thí phụ trách công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Các qui định về kiểm tra đánh giá được nhà trường ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát người học về việc đánh giá kết quả học tập của người học

3. Điểm tồn tại

- Chưa thường xuyên khảo sát để bổ sung, điều chỉnh hệ thống câu hỏi và ngân hàng đề thi.

- Công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện quy định về đánh giá kết quả học tập của người học cần điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn hơn nữa.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch cụ thể để bổ sung, điều chỉnh bộ ngân hàng đề thi	Trung tâm ĐBCL; các khoa, viện	2020	2021
2		Tăng cường công tác giám sát, báo cáo, đánh giá và đề xuất bổ sung quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.		2020	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Đảm bảo chất lượng và các văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá người học.	Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo	2019	2021
4		Tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan về kết quả thực hiện và cách thức thi, kiểm tra, đánh giá đối với người học.	Trung tâm ĐBCL	2019	2021

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.19.1					5		

7.19.2. Việc công nhận kết quả học tập phản ánh được năng lực của người học trong các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin.

1. Mô tả

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo quy chế đào tạo hệ thống tín chỉ và Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về năng lực người học trong các chương trình đào tạo. Người học phải tích lũy đủ số tín chỉ bắt buộc theo quy định cho từng mã ngành đào tạo (chưa tính điều kiện chứng chỉ GDQP, GDTC, ngoại ngữ) mới được công nhận đạt năng lực để tốt nghiệp. CTĐT của Nhà trường được thiết kế để mỗi học phần sẽ đáp ứng một hoặc một số chuẩn đầu ra của ngành đào tạo [H7.7.19.2.01].

Đối với các ngành sư phạm, năng lực giảng dạy là yếu tố đặc biệt quan trọng. Trong CTĐT các ngành sư phạm, các học phần về kiến thức và kỹ năng sư phạm chiếm tỉ trọng tín chỉ lớn. Các học phần rèn luyện kỹ năng sư phạm chú trọng sử dụng phương pháp thực hành để đánh giá năng lực giảng dạy của người học. Ngoài ra, người học còn được đánh giá bởi các giáo viên phổ thông, thông qua hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm tại các trường phổ thông [H7.7.19.2.02].

Ngoài các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo, điều kiện để người học tốt nghiệp là phải đạt chuẩn ngoại ngữ Tiếng Anh B1, chứng chỉ Giáo dục thể chất và Quốc phòng. Từ năm 2019 trở về sau người học cần có thêm chứng chỉ Kỹ năng mềm. Tin học là môn học bắt buộc trong chương trình đối với SV sư phạm và được thực hiện theo khung chương trình đào tạo của từng ngành cụ thể [H7.7.19.2.04]. Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm được thiết kế toàn diện nhiều học phần. Người học phải hoàn thành tất cả các học phần của chương trình, có bài thu hoạch đạt yêu cầu trở lên mới được công nhận hoàn thành khóa học và được cấp chứng chỉ [H7.7.19.2.05 - 08].

Nhà trường thường xuyên khảo sát ý kiến người học về chương trình đào tạo, năng lực giảng dạy của giảng viên [H7.7.19.2.09].; việc công nhận kết quả học tập của nhà trường đối với của người học; sự hài lòng của người học về kết quả học tập của bản thân; các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp [H7.7.19.2.10].

Căn cứ vào kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, giám sát, đánh giá việc công nhận kết quả đối với người học [H7.7.19.1.11 - 13].

Tuy nhiên, công tác lấy ý kiến, cải tiến, giám sát, đánh giá về việc đánh giá và công nhận kết quả học tập cần được xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện, chế độ báo cáo và triển khai đồng bộ, đầy đủ, kịp thời hơn nữa; phân công đơn vị hoặc cá nhân thực hiện cần cụ thể, chi tiết và gắn với trách nhiệm.

2. Điểm mạnh

- Kết quả đánh giá người học khách quan, công bằng, minh bạch, sát với năng lực người học; năng lực của người học về giảng dạy và sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, phù hợp với kết quả đánh giá. Năng lực của người học đáp ứng được yêu cầu chuẩn đầu ra của ngành học.

- Nhà trường có nhiều năm khảo sát ý kiến của người học đối với việc công nhận kết quả học tập và chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

- Chưa thường xuyên khảo sát để bổ sung, điều chỉnh các nội dung kiến tập, thực tập của sinh viên ngành sư phạm.

- Công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện quy định về kiến tập, thực tập cơ bản còn phụ thuộc vào các cơ sở, trường THPT.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch, chương trình để gửi sinh viên đi kiến tập sư phạm từ năm thứ nhất, thứ 2 và tăng cường thực tập sư phạm từ năm thứ 3.	Phòng Đào tạo và các khoa, viện	2020	2021
2		Tăng cường công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện quy định về kiến tập, thực tập của người học.		2020	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Phát huy những điểm mạnh về công tác đánh giá người học. Tiếp tục cải tiến quy trình, cách thức, nội dung... để ngày càng nâng cao hiệu quả việc đánh giá năng lực của người học phù hợp với chuẩn đầu ra, phù hợp với thực tiễn và nhu cầu xã hội.	Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo	2020	2021
4		Tiếp tục thực hiện công tác lấy ý kiến người học về việc đánh giá	Phòng CTCTHSSV,	2020	2021

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		năng lực của người học. Đặc biệt là lấy ý kiến từ các bên liên quan có sử dụng người học sau khi tốt nghiệp của Nhà trường.	TT HTSV & QHDN		

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.19.2				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 19

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.19.1.					5		
Chỉ số 7.19.2.				4			
Điểm tiêu chí 19	4.5						

Tiêu chí 20: Các hoạt động ngoại khóa

7.20.1. Trường hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập.

1. Mô tả

Nhà trường có các chính sách hỗ trợ thực hành, đi thực tế và khuyến khích người học tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao và các hoạt động xã hội [H7.7.20.1.01] và quan tâm xây dựng, cung cấp đầy đủ CSVC, nguồn lực tài chính, con người để hỗ trợ và tổ chức các hoạt động đoàn thể cho người học [H7.7.20.1.02]. Nhà trường có Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trường thực hành sư phạm, các nhà xưởng thực hành, cơ sở vật chất thiết yếu để phục vụ, hỗ trợ người học trong quá trình học tập. Đồng thời, phân công chức năng, nhiệm vụ cụ thể các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chương trình và tổ chức thực hiện các hoạt động thực hành, thí nghiệm, đi thực tế đáp ứng được nhu cầu người học [H7.7.20.1.03].

Hoạt động phong trào của Trường luôn được đánh giá là đơn vị xuất sắc đi đầu trong Phong trào Thanh niên tình Nghệ An. SV của trường luôn đạt thành tích cao trong các hội thi văn hóa, văn nghệ, TDTT của tỉnh Nghệ An và toàn quốc [H7.7.20.1.04]. Nhà trường được Bộ GD - ĐT đánh giá xuất sắc trong thực hiện chương trình công tác sinh viên của năm học [H7.7.20.1.05].

Nhà trường có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động ngoại khóa. Chính sách thi đua, khen thưởng được Nhà trường thực hiện dân chủ, công khai, công bằng nhằm khuyến khích hoạt động và tạo không khí phấn đấu thi đua trong toàn trường [H7.7.20.1.06].

Đoàn Thanh niên, Hội SV phối hợp, hỗ trợ với các đơn vị (Trung tâm HTSV & QHDN, Phòng CTCT - HSSV, Phòng Đào tạo, ...) để thực hiện tốt các chương trình công tác Đoàn - Hội. Câu lạc bộ, đội, nhóm giúp cho người học có môi trường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, thực hiện các hoạt động thực tế để phục vụ cho việc học tập [H7.7.20.1.07 - 08].

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất và kết quả hoạt động của các đơn vị và các tổ chức Đoàn TN, HSV [H7.7.20.1.07]. Căn cứ vào kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện [H7.7.20.1.08 - 10]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trường thực hành sư phạm, các nhà xưởng thực hành, cơ sở vật chất thiết yếu để phục vụ, hỗ trợ người học trong quá trình học tập; đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực hành của người học.

- Nhà trường có các đơn vị chức năng và các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội SV, các CLB, đội, nhóm để hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập

3. Điểm tồn tại

- Các chương trình hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế ngoài trường đang thực hiện theo khung chương trình đào tạo chứ chưa có các hoạt động mang tính ngoại khóa.

- Chính sách tài chính cho hoạt động thực hành ngoài trường, đi thực tế còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được nhu cầu của người học.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch, chương trình để triển khai một số mô hình đi thực hành, thực tế ngoài trường.	Phòng KHTC, Đào tạo, Trung tâm TH-TN, Trung tâm DV, HTSV&QHDN và các Viện/Khoa	2020	2021
2		Xây dựng cơ chế, huy động các nguồn kinh phí để triển khai các chương trình hỗ trợ		2020	2021

		người học đi thực hành, thực tế, tham quan.			
3	Phát huy điểm mạnh	Phát huy tinh thần trách nhiệm của các đơn vị đầu mối; xây dựng chương trình hoạt động mang tính chiều sâu, sát với thực tiễn của người học. Thường xuyên khảo sát để nắm bắt nhu cầu về rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ, thực hành, kiến tập, thực tập... của người học.	Trung tâm TH-TN, Trung tâm HTSV và QHDN, Đoàn TN; Hội SV và các Viện/Khoa	2020	2021
4		Bổ sung cơ chế, chính sách để động viên, khuyến khích người học nâng cao ý thức về chuyên môn, nghiệp vụ nghề nghiệp.	Phòng KHTC, Đào tạo, Trung tâm TH-TN, Trung tâm DV, HTSV&QHDN và các Viện/Khoa	2020	2021

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.20.1				4			

7.20.2. Trường hỗ trợ việc thành lập ban liên lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động giáo dục của trường.

1. Mô tả

Nhận thức rõ vai trò của cựu SV đối với các hoạt động và sự phát triển của Nhà trường, Trường Đại học Vinh đã thành lập BLL cựu sinh viên cấp trường và chỉ đạo các khoa, viện quan tâm và thành lập các Ban liên lạc cựu SV cấp khoa/viện [H7.7.20.2.01]. Hiện tại, Nhà trường đã hình thành mạng lưới cựu sinh viên cấp trường và đã có Quy chế hoạt động của Hội cựu sinh viên, đồng thời giao cho Trung tâm DV, HTSV & QHDN phụ trách công tác cựu SV, kết nối với cựu SV để tổ chức các hoạt động [H7.7.20.2.02].

Trong những năm qua, cựu SV và ban liên lạc cựu SV đã phát huy được vai trò của mình trong việc kết nối với Nhà trường và người học. Cựu SV có nhiều đóng góp

tích cực cho các hoạt động của nhà trường như: Giới thiệu việc làm, tiếp nhận công tác đối với người học khi tốt nghiệp; ủng hộ cơ sở vật chất, tinh thần; đóng góp kinh phí xây dựng Quỹ Hỗ trợ HSSV; hỗ trợ các hoạt động hội nghị, hội thảo, lễ kỷ niệm...; các hoạt động NCKH, xuất bản ấn phẩm của các viện, khoa, ngành đào tạo; tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, phát triển nhà trường về công tác quản lý, điều hành, cải tiến nội dung, chương trình đào tạo; hỗ trợ nhà trường trong các hoạt động kết nối các cơ sở giáo dục, tiếp nhận người học kiến tập, thực tập, giới thiệu việc làm... [H7.7.20.2.03]. Định kỳ hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV sư phạm mới tốt nghiệp và tổ chức các hoạt động kết nối họ với các cơ sở giáo dục, các chương trình tuyển dụng, ngày hội việc làm để giúp SV có thêm thông tin về thế giới việc làm [H7.7.20.2.04].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đơn vị chức năng phụ trách công tác kết nối cựu sinh viên. Ban hành Quyết định thành lập Ban liên lạc cựu sinh viên từ cấp viện, khoa đến cấp trường và có quy chế hoạt động cụ thể rõ ràng.

- Nhà trường đã tổ chức kết nối và mời cựu sinh viên tham gia vào một số hoạt động giáo dục của trường.

- Nhà trường tổ chức khảo sát các bên liên quan về kết quả hoạt động của cựu sinh viên.

3. Điểm tồn tại

- Kinh phí dành cho hoạt động kết nối cựu SV còn hạn chế.

- Vai trò cựu sinh viên trong việc hỗ trợ người học (đặc biệt sau khi tốt nghiệp) chưa được khẳng định mạnh mẽ.

- Hoạt động của ban liên lạc cựu SV ở khoa, viện đào tạo chưa đồng đều và hoạt động vẫn mang tính thời vụ; Nhà trường cũng như các khoa, viện đào tạo chưa khai thác hết các nguồn lực của cựu sinh viên.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng nguồn kinh phí dành cho hoạt động kết nối cựu SV từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường	Phòng KHTC, TT HTSV và QHDN	2020	2021
2		Thường xuyên kết nối, trao đổi để nâng cao vai trò của BLL cựu sinh viên trong	BLL Cựu sinh viên; Trung tâm DV, TSV&QHDN	2020	2021

		việc hỗ trợ, giúp đỡ người học trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp.	và các Viện/Khoa		
3		Tăng cường hoạt động của ban liên lạc cựu SV ở khoa, viện đào tạo	Trung tâm DV, HTSV&QHDN và các Viện/Khoa	2020	2021
4	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động cụ thể, chi tiết và tăng cường hoạt động của Ban liên lạc cựu sinh viên từ cấp viện, khoa đến cấp trường.	Trung tâm HTSV và QHDN và các Viện/Khoa	2020	2021
5		Mời góp ý và tham khảo các ý kiến góp ý của cựu sinh viên về các hoạt động liên quan đến người học (trong đó chú trọng đến chương trình đào tạo, hỗ trợ học tập và việc làm sau khi tốt nghiệp)	Trung tâm HTSV và QHDN và các Viện/Khoa	2020	2021

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.120.2				4			

Điểm tự đánh giá tiêu chí 20

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.20.1.				4			
Chỉ số 7.20.2.				4			
Điểm tiêu chí 20	4.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 7

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 18	4.0
2	Tiêu chí 19	4.5
3	Tiêu chí 20	4.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		4.17

Phần 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn/Tiêu chí/Chỉ số	TĐG
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng	
<i>Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn chiến lược</i>	
Chỉ số 1.1.1.	5
Chỉ số 1.1.2.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	5.0
<i>Tiêu chí 1.2. Quản lý</i>	
Chỉ số 1.2.1.	5
Chỉ số 1.2.2.	4
Chỉ số 1.2.3.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.3
<i>Tiêu chí 1.3. Hệ thống đảm bảo chất lượng</i>	
Chỉ số 1.3.1.	5
Chỉ số 1.3.2.	5
Chỉ số 1.3.3.	4
Chỉ số 1.3.4.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.5
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	4.61
Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo	
<i>Tiêu chí 2.4. Phát triển chương trình</i>	
Chỉ số 2.4.1.	4
Chỉ số 2.4.2.	4
Chỉ số 2.4.3.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện</i>	
Chỉ số 2.5.1.	4
Chỉ số 2.5.2.	4
Chỉ số 2.5.3.	4
Chỉ số 2.5.4.	4
Chỉ số 2.5.5.	4
Chỉ số 2.5.6.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	4.00

Tiêu chuẩn 3: Nghiên cứu, phát triển và đổi mới	
<i>Tiêu chí 3.6. Chính sách về nghiên cứu phát triển và đổi mới</i>	
Chỉ số 3.6.1.	5
Chỉ số 3.6.2.	4
Chỉ số 3.6.3.	5
Chỉ số 3.6.4.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.5
<i>Tiêu chí 3.7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới</i>	
Chỉ số 3.7.1.	4
Chỉ số 3.7.2.	5
Chỉ số 3.7.3.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.3
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.42
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đối ngoại	
<i>Tiêu chí 4.8. Hợp tác vùng/địa phương</i>	
Chỉ số 4.8.1.	4
Chỉ số 4.8.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
<i>Tiêu chí 4.9. Hợp tác quốc tế</i>	
Chỉ số 4.9.1.	4
Chỉ số 4.9.2.	4
Chỉ số 4.9.3.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
<i>Tiêu chí 4.10. Hợp tác với các tổ chức khác</i>	
Chỉ số 4.10.1.	4
Chỉ số 4.10.2.	4
Chỉ số 4.10.3.	4
Chỉ số 4.10.4.	3
Điểm trung bình tiêu chí:	3.8
<i>Tiêu chí 4.11. Thông tin và truyền thông</i>	
Chỉ số 4.11.1.	4
Chỉ số 4.11.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	3.94

Tiêu chuẩn 5: Môi trường sư phạm và các nguồn lực	
<i>Tiêu chí 5.12. Môi trường sư phạm</i>	
Chỉ số 5.12.1.	4
Chỉ số 5.12.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
<i>Tiêu chí 13. Cơ sở vật chất, nguồn tài nguyên dạy và học</i>	
Chỉ số 5.13.1.	4
Chỉ số 5.13.2.	5
Chỉ số 5.13.3.	4
Chỉ số 5.13.4.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.25
<i>Tiêu chí 5.14. Nguồn tài chính</i>	
Chỉ số 5.14.1.	5
Chỉ số 5.14.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.5
<i>Tiêu chí 5.15. Nguồn nhân lực</i>	
Chỉ số 5.15.1.	5
Chỉ số 5.15.2.	4
Chỉ số 5.15.3.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.3
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.27
Tiêu chuẩn 6: Hỗ trợ dạy học	
<i>Tiêu chí 6.16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên</i>	
Chỉ số 6.16.1.	4
Chỉ số 6.16.2.	4
Chỉ số 6.16.3.	4
Chỉ số 6.16.4.	4
Chỉ số 6.16.5.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
<i>Tiêu chí 6.17. Đánh giá và công nhận giảng viên</i>	
Chỉ số 6.17.1.	5
Chỉ số 6.17.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.5
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.25

Tiêu chuẩn 6: Hỗ trợ học tập	
<i>Tiêu chí 7.18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học</i>	
Chỉ số 7.18.1.	4
Chỉ số 7.18.2.	4
Chỉ số 7.18.3.	4
Chỉ số 7.18.4.	4
Chỉ số 7.18.5.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Tiêu chí 7.19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập</i>	
Chỉ số 7.19.1.	5
Chỉ số 7.19.2.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.5
<i>Tiêu chí 7.20. Các hoạt động ngoại khóa</i>	
Chỉ số 7.20.1.	4
Chỉ số 7.20.2.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	4.17
ĐIỂM TRUNG BÌNH ĐÁNH GIÁ CSGD:	4.24

Nghệ An, ngày 12 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

Phần 4. KẾT LUẬN

Thực hiện kế hoạch của chương trình ETEP, Trường Đại học Vinh đã triển khai Tự đánh giá theo bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI. Ý thức rõ tầm quan trọng của hoạt động này Nhà trường đã triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên trong trường. Mong muốn của Trường trong lần tự đánh giá này là có được một bức tranh toàn cảnh được đánh giá chân thực trên các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, một trung tâm lớn của quốc gia về đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, hoàn thành trọng trách đối với Đảng, Nhà nước, Bộ GD-ĐT và xã hội.

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường đã nhận được sự đồng thuận cao từ cán bộ, HS, SV của Nhà trường cũng như tất cả các bên liên quan. Quá trình thực hiện tự đánh giá theo đúng hướng dẫn của Ban Quản lí ETEP và các chuyên gia tư vấn của Ngân hàng Thế giới và đã thu được những kết quả chân thực, khách quan trong các lĩnh vực:

- Tầm nhìn chiến lược, quản lí và đảm bảo chất lượng: Tầm nhìn và sứ mạng được Nhà trường xây dựng phù hợp và nhiều lần rà soát, sửa đổi, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn qua từng giai đoạn. Nhà trường có đầy đủ các chính sách, qui trình, qui định, công cụ để thực hiện sứ mạng và đảm bảo chất lượng.

- Chương trình đào tạo: CTĐT được xây dựng có hệ thống, đáp ứng chuẩn đầu ra phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Nhà trường.

- Nghiên cứu phát triển và đổi mới: Trường đã có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với tầm nhìn, kế hoạch chiến lược và nhiệm vụ mà Nhà nước giao phó. Một số kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Nhà trường đã được ứng dụng, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Đồng thời, một số kết quả nghiên cứu đã góp phần hoạch định chính sách thúc đẩy sự phát triển, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Hoạt động đối ngoại: Trường đã mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác trong và ngoài nước ở nhiều cấp độ và trên nhiều lĩnh vực. Nhà trường thường xuyên trao đổi, hợp tác với các địa phương ở trong nước; với các tổ chức, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Các lĩnh vực trao đổi hợp tác đa dạng, phong phú từ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật và phục vụ cộng đồng. Qua hoạt động đối ngoại, Nhà trường cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các đối tác, phối hợp tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo cấp quốc gia và quốc tế, triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH đạt chất lượng cao.

- Môi trường sư phạm và các nguồn lực: Cảnh quan, môi trường, khuôn viên của Nhà trường phù hợp với môi trường sư phạm. Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm với nhiều thiết bị thí nghiệm hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Các nguồn tài chính của Nhà trường được quản lý chặt chẽ, hợp lý và tăng cường được các hoạt động tìm nguồn thu bên ngoài. Nhà trường có chiến lược về công tác cán bộ, và các chính sách để phát triển nguồn nhân lực.

- Hỗ trợ dạy học: Nhà trường đã có những chính sách hỗ trợ GV, công nhận, đãi ngộ thành tích, khuyến khích trong các hoạt động giảng dạy và NCKH của Nhà trường đã tạo động lực, khích lệ sự xuất sắc trong chuyên môn. Các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và thực tế phổ thông cho cán bộ, giảng viên.

- Hỗ trợ học tập: Công tác hỗ trợ người học được Nhà trường đặc biệt quan tâm, các loại hình, chương trình hỗ trợ người học được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực và đáp ứng được nhu cầu của người học. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo công khai, bình đẳng, minh bạch, đúng qui định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học của Bộ GD-ĐT. Các hoạt động ngoại khóa được Nhà trường quan tâm và thường xuyên tổ chức.

Tuy nhiên, trong quá trình tự đánh giá bên cạnh những thành tựu đạt được, Trường tự nhận thấy vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục, Nhà trường sẽ nghiêm túc nhìn nhận, thực hiện tốt các kế hoạch cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo cũng như các hoạt động khác của Nhà trường, xứng đáng là một trường đại học trọng điểm quốc gia trong tương lai không xa.

Nghệ An, ngày 12 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng